

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HIỆP PHÚ

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HIỆP PHÚ

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Bà Nguyễn Thị Hồng An	Bí thư - Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Ông Ngô Văn Hải Sơn	Phó Bí thư - Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Hiếu	Thư ký Hội đồng	Thư ký Hội đồng	
4	Ông Trần Hoàng Phương	Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên Hội đồng	
5	Bà Văn Thị Thanh Tú	Trưởng ban Thanh tra nhân dân - Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
6	Ông Trần Quốc Dũng	Tổ trưởng tổ Toán	Ủy viên Hội đồng	
7	Bà Phạm Thị Hương	Tổ trưởng tổ Khoa học tự nhiên	Ủy viên Hội đồng	
8	Ông Bùi Văn Nam	Tổ trưởng tổ Tin - Giáo dục thể chất - Âm nhạc - Mĩ thuật - Công nghệ	Ủy viên Hội đồng	
9	Bà Nguyễn Thị Ngọc Thủy	Tổ trưởng tổ Lịch sử - Địa lí - Giáo dục công dân	Ủy viên Hội đồng	
10	Bà Lê Thị Kiều Dung	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Ủy viên Hội đồng	
11	Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Tổ trưởng tổ Ngữ văn	Ủy viên Hội đồng	
12	Bà Trần Trương Thị Thanh Vân	Tổ trưởng tổ Tiếng Anh	Ủy viên Hội đồng	

13	Ông Nguyễn Huỳnh Ngọc Sang	Bí thư chi Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Ủy viên Hội đồng	
14	Bà Tôn Nữ Dạ Thảo	Nhân viên Thư viện	Ủy viên Hội đồng	
15	Bà Nguyễn Thị Dương	Nhân viên Y tế	Ủy viên Hội đồng	
16	Bà Lê Thị Diễm Thi	Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh	Ủy viên Hội đồng	
17	Bà Võ Thị Hồng Nhung	Nhân viên Giáo vụ	Ủy viên Hội đồng	
18	Bà Dương Thị Mỹ Duyên	Chi ủy viên - Tổ phó tổ Khoa học tự nhiên	Ủy viên Hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	1
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	3
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	11
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	16
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	16
Mở đầu	16
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	16
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	19
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	22
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ Văn phòng	27
Tiêu chí 1.5: Lớp học	31
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	33
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	37
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	40
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	43
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	46
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	50
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	51
Mở đầu	51
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	52
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	55
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	58
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	62
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	65
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	66
Mở đầu	66
Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	66

Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	71
Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	81
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	87
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	88
Mở đầu	88
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	88
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	91
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	94
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	95
Mở đầu	95
Tiêu chí 5.1: Thực hiện kế hoạch giáo dục	96
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	101
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	106
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	108
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	110
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	113
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	118
PHẦN III. KẾT LUẬN CHUNG	119
PHẦN IV. PHỤ LỤC	1

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	-
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	-	-
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	-
Tiêu chí 1.8		X	X	-
Tiêu chí 1.9		X	X	-
Tiêu chí 1.10		X	X	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	X

Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	-	-
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		-	X	-
Tiêu chí 5.4		-	X	-
Tiêu chí 5.5		-	X	
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết quả: đạt Mức 2.

2. Kết luận: trường đạt Mức 2.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Trung học cơ sở Hiệp Phú

Tên trước đây (nếu có): không

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Thành phố Hồ Chí Minh	Họ và tên Hiệu trưởng	Nguyễn Thị Hồng An
Huyện/quận/thị xã/thành phố	Thủ Đức	Điện thoại	02822028371
Xã/phường/thị trấn	Hiệp Phú	Fax	Không
Đạt chuẩn quốc gia	Không	Website	https://thcschiepphu.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2019	Số điểm trường	01
Công lập	X	Loại hình khác	Không
Tư thục	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường chuyên biệt	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số lớp học

Số lớp	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
Khối lớp 6	10	11	09	10	13
Khối lớp 7	0	10	11	09	10
Khối lớp 8	0	0	10	11	08
Khối lớp 9	0	0	0	10	10
Cộng	10	21	30	40	41

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	67	67	67	67	67
1	Phòng học	45	45	45	45	45
a	Phòng kiên cố	45	45	45	45	45
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0

TT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
2	<i>Phòng học bộ môn</i>	03	03	03	03	03
a	Phòng kiên cố	03	03	03	03	03
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
3	<i>Khối phục vụ học tập</i>	19	19	19	19	19
a	Phòng kiên cố	19	19	19	19	19
0	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
II	Khối phòng hành chính - quản trị	13	13	13	13	13
1	Phòng kiên cố	13	13	13	13	13
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
III	Thư viện	01	01	01	01	01

TT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác	0	0	0	0	0
	Cộng	81	81	81	81	81

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 02 năm 2025

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	0	0	0	01	
Phó Hiệu trưởng	01	0	0	0	01	0	
Giáo viên	62	51	03	0	55	07	
Nhân viên	16	12	0	0	16	0	
Cộng	80	64	03	0	72	08	

b) Số liệu của 05 năm gần đây:

	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
Tổng số giáo viên	10	29	35	46	59
Tỷ lệ giáo viên/lớp	10/10	29/21	35/30	46/40	59/41

Tỷ lệ giáo viên/học sinh	10/402	29/830	35/1156	46/1536	59/1689
Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	0	0	07	02	13
Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	01	0

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
1	Tổng số học sinh	393	825	1137	1526	1670
	- Nữ	190	397	554	755	839
	- Dân tộc thiểu số	06	16	27	35	40
	Khối lớp 6	06	10	11	09	10
	Khối lớp 7	0	06	10	09	11
	Khối lớp 8	0	0	06	10	09
	Khối lớp 9	0	0	0	07	10

TT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
2	Tổng số tuyển mới	402	429	329	407	551
3	Học 2 buổi/ ngày	402	830	1156	1536	1689
4	Bán trú	258	526	728	991	1103
5	Nội trú	0	0	0	0	0
6	Bình quân số học sinh/ lớp	40	39	38	38	40
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	386 (96%)	805 (97%)	1116 (96,5%)	1488 (97%)	1631 (96,5%)
	- Nữ	183	384	535	737	822
	- Dân tộc thiểu số	06	16	27	35	40
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/ tỉnh (nếu có)	05	03	10/3	9/8	9/13
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	04	01	01	04	04

TT	Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	02	04	11	20	17
	- Nữ	0	01	06	06	08
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0
11	Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt	06	44	0	0	0

b) Kết quả giáo dục:

Số liệu	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp học tập loại Giỏi/Tốt	220 55,98%	408 49,45%	556 48,9%	690 45,39%	784 49,95%	
Tỷ lệ học sinh xếp học tập loại Khá	143 36,39%	293 35,52%	407 35,8%	565 37,17%	642 38,44%	

Tỷ lệ học sinh xếp học tập loại Trung bình/Đạt	30 7,63%	114 13,82%	154 13,54%	242 15,92%	229 13,71%	
Tỷ lệ học sinh xếp học tập loại Yếu Kém /Chưa đạt	0 0,00%	10 1,21%	19 1,67	23 1,51%	15 0,90%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại rèn luyện Tốt	378 96,18%	761 92,24%	1073 94,37%	1380 90,79%	1521 91,08%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại rèn luyện Khá	15 3,82%	60 7,27%	49 4,31%	111 7,30%	120 7,19%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại rèn luyện Trung bình/Đạt	0 0,00%	04 0,48%	09 0,79%	26 1,71	27 1,62%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại rèn luyện Yếu Kém /Chưa đạt	0 0,00%	0 0,00%	05 0,44%	03 0,20%	02 0,12%	

Phần II TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Trung học cơ sở Hiệp Phú được thành lập theo Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Quận 9 và Quyết định số 185 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức về việc thành lập Trường Trung học cơ sở Hiệp Phú. Trường tọa lạc tại địa chỉ số 109A, đường Tân Lập 1, khu phố 12, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức với diện tích 12,430,80 m². Trường có đầy đủ các khối phòng học tập, khối phòng hỗ trợ học tập, khối phụ trợ, khu sân chơi, thể dục thể thao và khối phục vụ sinh hoạt đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục. Trường được xây dựng mới, cơ sở vật chất của nhà trường khang trang đáp ứng tốt yêu cầu đổi mới giáo dục. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường đa số có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, có tinh thần trách nhiệm, tâm huyết trong công tác, có tinh thần “Tất cả vì học sinh thân yêu”. Tuy nhà trường còn nhiều non trẻ, mới thành lập trong 05 năm nhưng chất lượng giáo dục của nhà trường đã nhanh chóng tạo dựng được sự tin tưởng của chính quyền địa phương, cha mẹ học sinh, được đánh giá tốt và giữ vững trong 05 năm qua.

Nhà trường đã thực hiện rất tốt công tác xã hội hóa giáo dục, đến thời điểm hiện nay đã trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học hiện đại để phục vụ cho việc đổi mới phương pháp trong giảng dạy cũng như cơ sở vật chất khang trang đảm bảo phục vụ cho hoạt động giáo dục chung của nhà trường. Các công trình tiêu biểu từ công tác xã hội hóa giáo dục như: nhựa hóa con đường vào cổng trường, mái che sân trường, thư viện thông minh, sân khấu, gắn quạt, máy nghe nhạc trong nhà trường vệ sinh học sinh, vườn lan yêu thương, công viên xanh, con đường sách của em, góc giải trí, vườn quế, vườn sinh vật của em, phòng học bộ môn ngoại ngữ, phòng giáo dục STEM,...

Nhà trường có tổng cộng 45 phòng học, 23 phòng chức năng và 12 phòng hành chính trong đó có 04 phòng máy vi tính với 180 máy có nối mạng Internet, có 45 máy Laptop nối mạng Internet tại phòng học Google số. Nhà trường cũng đã chủ động trang bị và vận động xã hội hoá giáo dục được 36 bảng trượt từ, 06 máy Projector, 02 bảng tương tác, 45 màn hình LCD 42 inch, 13 màn hình LCD 65 inch, 01 màn hình cảm ứng LCD 65 inch, 01 màn hình cảm ứng LCD 70 inch tại các phòng chức năng và lớp học.

Về cơ cấu tổ chức đoàn thể chính trị: trường có chi bộ Đảng gồm 17 đảng viên, trong đó có 14 đảng viên chính thức. Cấp ủy gồm 03 đồng chí (gồm 01 bí thư, 01 phó bí thư và 01 chi ủy viên). Trường có tổ chức Công đoàn gồm 80 công đoàn viên. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gồm 22 đoàn viên. Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh gồm 1.856 đội viên.

Về cơ cấu tổ chức chính quyền năm học 2024 - 2025: cán bộ quản lý gồm 02 thành viên (hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng. Do từ tháng 11 năm 2024 có 01 phó hiệu trưởng chuyển công tác về phòng Giáo dục và Đào tạo thành Phó Thủ Đức); tổ Văn phòng và 07 tổ chuyên môn gồm tổ Ngữ văn, tổ tiếng Anh, tổ Toán, tổ Khoa học tự nhiên, tổ Tin - Giáo dục thể chất - Âm nhạc - Mĩ thuật - Công nghệ, tổ Lịch sử - Địa lý - Giáo dục công dân và tổ Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp.

Về cơ cấu lớp học năm học 2024 - 2025: tổng số học sinh là 1.856. Tổng số lớp: 45 lớp gồm 14 lớp 6, 13 lớp 7, 10 lớp 8 và 08 lớp 9.

Hiện nay, nhà trường đang thực hiện mô hình dạy học hai buổi/ngày, có bán trú. Nhà trường có đủ loại hình học tập, gồm chương trình tiếng Anh Tích hợp, tiếng Anh tăng cường và loại hình cơ bản. Dù thực hiện mô hình nào, ở bất kỳ hoàn cảnh nào, tập thể Hội đồng sư phạm Trường Trung học cơ sở Hiệp Phú cũng thể hiện sự đồng lòng, chung sức, trong đó từng cán bộ, giáo viên và nhân viên, từng bộ phận, các đoàn thể đã phối hợp nhịp cho các hoạt động chung của nhà trường, gắn kết chặt chẽ với gia đình và xã hội. Bên cạnh truyền thống vượt khó dạy tốt, học giỏi, Trường Trung học cơ sở Hiệp Phú là một trong những đơn vị luôn đẩy mạnh các hoạt động

phong trào của các đoàn thể chính trị, phong trào văn thể mỹ và hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp tại trường để giáo dục toàn diện cho học sinh. Đa số các phong trào chuyên môn và đoàn thể khi tham gia đều đạt các giải cao của các cấp.

Trong 05 năm học liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá (từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024) trường liên tục đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”; các đoàn thể Công đoàn, Chi đoàn và Đội thiếu niên tiên phong cũng đạt 05 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; chi bộ Đảng đạt 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ 2019, 2020 và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ liên tục 03 năm liền 2021, 2022, 2023; nhà trường đạt 02 lần bằng khen của chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (năm học 2019 – 2020 và 2020 – 2021; năm học 2022 – 2023 và 2023 – 2024); nhà trường nhận 02 lần cờ thi đua đơn vị dẫn đầu khối thi đua của chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; riêng năm học 2023 – 2024, nhà trường nhận bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo vì đã có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”.

Sứ mệnh của nhà trường: tạo dựng một môi trường giáo dục an toàn – thân thiện – năng động và sáng tạo để mỗi học sinh được phát huy tối đa khả năng của bản thân luôn mạnh về thể chất, sáng về trí tuệ, giàu có về tâm hồn, có kỹ năng sống tốt, biết tự học, có tinh thần trách nhiệm và nỗ lực sáng tạo từ đó đáp ứng được mong mỏi của cha mẹ học sinh và yêu cầu đổi mới ngày càng cao của xã hội.

Tầm nhìn của nhà trường: khẳng định được vị trí và thương hiệu của nhà trường, là điểm đến tin cậy của cha mẹ học sinh, là ngôi trường hạnh phúc của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, là nơi giáo viên và học sinh luôn năng động, sáng tạo, có cơ hội phát triển tối đa năng lực của mình để vươn tới thành công. Hội nhập nhanh, phát triển về quy mô và chất lượng để ngày càng vươn tầm cao mới.

2. Mục đích tự đánh giá

Trường Trung học cơ sở Hiệp Phú nhận thấy hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường là một khâu quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục của trường, giúp nhà trường chủ động xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm

yếu của từng tiêu chí theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Qua công tác tự đánh giá, nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn để từ đó từng bước phân đầu, có biện pháp cải tiến chất lượng, nâng cao hiệu quả giáo dục về mọi mặt. Từ đó, thông báo công khai với các cơ quan quản lý Nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường để cơ quan chức năng đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Việc kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường bước đầu giúp cho cán bộ quản lý nói riêng và toàn thể đội ngũ sư phạm nhà trường nói chung có cái nhìn khái quát về những mặt mạnh, mặt tích cực trong việc quản lý và tổ chức nhà trường, trong việc xem xét, đánh giá chất lượng đội ngũ một cách thực chất. Đồng thời, cũng giúp cho Hội đồng nhà trường có cơ hội đánh giá một cách khái quát, hiệu quả thực hiện chương trình giáo dục và các hoạt động giáo dục mà nhà trường đã tiến hành trong nhiều năm qua.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Nhà trường tiến hành công tác tự đánh giá từ tháng 12 năm 2023 và hoàn thành vào cuối tháng 02 năm 2025. Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá gồm 18 thành viên, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Ngoài ra, Hội đồng cũng đã huy động sự tham gia của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên; Ban đại diện cha mẹ học sinh và sự giúp đỡ của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức; Đảng ủy, Ủy ban Nhân dân, các ban ngành đoàn thể phường Hiệp Phú. Tuy nhiên, lực lượng nòng cốt vẫn là thành viên của Hội đồng tự đánh giá. Nhận thức đúng đắn về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác tự đánh giá nên các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá đã tập trung làm việc để hoàn thành tốt nhiệm vụ theo đúng quy định và đúng tiến độ thời gian.

Để công tác tự đánh giá được tiến hành thuận lợi và có hiệu quả, Hội đồng tự đánh giá đã xây dựng kế hoạch tự đánh giá của nhà trường, xác định rõ nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, nguồn tài chính cần huy động, nội dung công việc thời gian tiến hành từng công việc và hoàn thành quá trình tự đánh giá. Nhờ đó, tất cả các hoạt động diễn ra khoa học, thuận lợi, đúng dự kiến và hiệu quả cao.

Quá trình tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo đúng qui trình như sau:

- 1/ Thành lập Hội đồng tự đánh giá (30/12//2023)
- 2/ Lập kế hoạch tự đánh giá (30/12/2023)
- 3/ Thu thập, xử lí và phân tích các minh chứng (02/4/2024 - 01/8/2024)
- 4/ Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí (10/8/2023 - 30/9/2024)
- 5/ Viết báo cáo tự đánh giá (01/10/2024 - 30/11/2024)
- 6/ Công bố báo cáo tự đánh giá (20/12/2024)
- 7/ Gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo: Tháng 02/2025
- 8/ Gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo: Tháng 02/2025

- Vấn đề nổi bật trong báo cáo tự đánh giá:

Báo cáo tự đánh giá của nhà trường đã trình bày đầy đủ 05 tiêu chuẩn, 22 tiêu chí, 66 chỉ báo của mức 1; 23 tiêu chí, 27 chỉ báo của mức 2 và 16 tiêu chí, 12 chỉ báo của mức 3. Mỗi tiêu chí được mô tả hiện trạng rõ ràng, các điểm mạnh, điểm yếu được trình bày theo đúng với thực tế, kế hoạch cải tiến chất lượng với những biện pháp cụ thể, khả thi, phù hợp với điều kiện của trường. Với minh chứng được thu thập, nhà trường tiến hành sắp xếp, mã hóa một cách khoa học và đúng quy định.

Trên cơ sở tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường với những điểm mạnh và điểm yếu. Báo cáo tự đánh giá này sẽ được sử dụng như một công cụ để cải tiến và nâng cao quản lý chất lượng giáo dục của nhà trường trong những năm tiếp theo.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Tổ chức và quản lý nhà trường là một nhiệm vụ có tính quyết định quan trọng cho sự phát triển của nhà trường và góp phần tạo nên thành công của đơn vị trong các hoạt động giáo dục. Căn cứ Điều lệ trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây gọi là Điều lệ trường trung học) do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 và các quy định khác, Trường Trung học cơ sở Hiệp Phú đã hoàn chỉnh các cơ cấu tổ chức và quản lý trường học đảm bảo đủ cơ cấu bộ máy tổ chức tổ chuyên môn, tổ Văn phòng, có Chi bộ Đảng, Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội, Ban Đại diện cha mẹ học sinh. Trường có Hội đồng trường, Hội đồng thi đua và khen thưởng, Hội đồng kỷ luật hoạt động có hệ thống, ngày càng hiệu quả.

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường được xây dựng phù hợp với các nguồn lực của nhà trường và được công bố công khai. Việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở của nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả; việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý cũng góp phần tăng hiệu suất làm việc của nhà trường. Mọi kế hoạch hoạt động trong nhà trường chỉ thực sự có hiệu quả, có tác dụng và thực chất khi song song với việc triển khai, quán triệt các kế hoạch đó là những biện pháp chỉ đạo thực hiện cụ thể và kiểm tra đánh giá một cách chính xác, công bằng của hiệu trưởng đối với mọi thành viên trong tập thể sư phạm nhà trường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Trung học cơ sở Hiệp Phú đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định trong Luật giáo dục [H1-1.1-0.1]. Kế hoạch chiến lược của nhà trường có các thông tin, chỉ số phù hợp với định hướng trong Nghị quyết Đảng ủy phường Hiệp Phú (nhiệm kỳ 2020 – 2025, 2025 - 2030) và phù hợp với nguồn nhân lực của nhà trường. Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường theo hướng chuẩn hóa, xã hội hóa và hội nhập, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực; đổi mới công tác quản lý, tạo điều kiện tốt nhất cho cán bộ quản lý học tập, nghiên cứu để không ngừng nâng cao trình độ, năng lực đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu xây dựng trường chuẩn quốc gia. Đồng thời, giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản khác, hình thành nhân cách con người Việt Nam trong thời kỳ mới [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

b) Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường Trung học cơ sở Hiệp Phú giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 được lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức phê duyệt và triển khai thực hiện trong thời gian qua [H1-1.1-01].

c) Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đã được thông báo công khai đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh, học sinh thông qua các cuộc họp, niêm yết trên các bảng thông báo và đăng tải trên trang thông tin điện tử của trường [H1-1.1-04].

Mức 2:

Hằng năm, Ban thanh tra nhân dân tiến hành xây dựng kế hoạch định kỳ kiểm tra giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Đồng thời, nhà trường còn thông qua các đợt sơ kết, tổng kết vào cuối năm học để rà soát, đánh giá kết quả đạt được, rút kinh nghiệm, điều chỉnh những biện pháp chưa hiệu quả, tiếp tục phát huy những biện pháp khả thi trong phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu đã đề ra trong kế hoạch [H1-1.1-05].

Mức 3:

Căn cứ kết quả đạt được cuối năm học và kết quả đánh giá bộ phận trong các đợt tự kiểm tra nội bộ; cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tiến hành rà soát, đối chiếu với các chỉ tiêu trong phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường. Từ đó, đề ra những điều chỉnh, bổ sung phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cho năm học sau [H1-1.1-06].

Việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được thực hiện trong các buổi họp Hội đồng trường, họp hội đồng sư phạm, họp cha mẹ học sinh và các buổi sinh hoạt dưới cờ với sự tham gia của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng. Tuy nhiên, phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa được nhiều học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng tham gia đóng góp ý kiến [H1-1.1-07].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục cấp học, phù hợp với đặc điểm tình hình thực trạng của đơn vị đảm bảo đúng tiến độ, chỉ tiêu đề ra và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức cũng như các nguồn lực mà nhà trường hiện có, đáp ứng yêu cầu của cha mẹ học sinh nên được triển khai thực hiện một cách thuận lợi và đạt hiệu quả cao.

3. Điểm yếu

Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa được nhiều học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng quan tâm tham gia góp ý.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục rà soát, đánh giá việc thực hiện phương hướng chiến lược và xây dựng phát triển nhà trường theo định kỳ hằng năm để thực hiện bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cho phù hợp với yêu cầu thực tế, phát huy mặt mạnh đồng thời bổ sung và điều chỉnh kịp thời những mặt hạn chế.

Hiệu trưởng đa dạng hóa các hình thức tổ chức lấy ý kiến định kỳ đối với đại diện địa phương, cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và học sinh để điều chỉnh nội dung kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 phù hợp với tình hình thực tế.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 1.2: Hội đồng (Hội đồng quản trị đối với tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Trung học cơ sở Hiệp Phú có Hội đồng trường [H1-1.2-01] và các hội đồng khác được thành lập theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT như: Hội đồng thi đua và khen thưởng [H1-1.2-02], Hội đồng kỷ luật [H1-1.2-03], Hội đồng tuyển sinh đầu cấp (lớp 6) [H1-1.2-04], Hội đồng xét công nhận sáng kiến [H1-1.2-05], Hội đồng xét tốt nghiệp Trung học cơ sở [H1-1.2-06].

b) Hội đồng đã ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng trường, thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định tại Điều lệ trường trung học. Các hội đồng khác thực hiện nhiệm vụ tư vấn cho hiệu trưởng trong việc quản lý và điều hành các hoạt động của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định của pháp luật như: Hội đồng thi đua và khen thưởng được thành lập hằng năm, xây dựng và tổ chức các phong trào thi đua; xét và công nhận các danh hiệu thi đua của tập thể và cá nhân vào cuối học kỳ và cuối năm học; đồng thời đề nghị tuyên dương, khen thưởng những cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đạt thành tích xuất sắc trong các hoạt động chuyên môn và phong trào [H1-1.2-02]; [H1-1.2-07]; [H1-1.2-08]; Hội đồng tuyển sinh được thành lập vào tháng 6 hằng năm để thực hiện công tác tuyển sinh đầu cấp [H1-1.2-04]; Hội đồng xét công nhận sáng kiến được thành lập khi có hướng dẫn từ bộ phận thi đua Phòng Giáo dục và Đào tạo để thẩm định, xét và công nhận những sáng kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.2-05]; Hội đồng xét tốt nghiệp Trung học cơ sở có nhiệm vụ xét và đề nghị công nhận tốt nghiệp Trung học cơ sở cho học sinh lớp 9 [H1-1.2-06].

c) Cuối học kỳ và cuối năm học, nhà trường tiến hành rà soát, nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ, kịp thời miễn nhiệm và bổ sung các thành viên của các hội đồng theo quy định [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06]; [H1-1.2-08]; [H1-1.2-09].

Mức 2:

Hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Các thành viên trong Hội đồng trường thực hiện tốt việc kiểm tra, giám sát thường xuyên; có các góp ý điều chỉnh, nâng cao hiệu quả công tác như: tổ trưởng chuyên môn đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn; đẩy mạnh chất lượng sinh hoạt chuyên môn, nâng cao chất lượng nhà trường. Cán bộ, giáo viên, nhân viên và các em học sinh tích cực tham gia các hoạt động phong trào, chuyên môn đã đạt nhiều kết quả cao trong hội thi các cấp, tỷ lệ học sinh khá giỏi ngày một nâng cao, vị thế của nhà trường ngày một được khẳng định [H1-1.1-05]; [H1-1.2-06]; [H1-1.2-07].

2. Điểm mạnh

Trường Trung học cơ sở Hiệp Phú có cơ cấu tổ chức và quản lý phù hợp; có đầy đủ các hội đồng theo yêu cầu của Điều lệ trường trung học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT.

Hội đồng trường được thành lập theo quy định, làm việc theo nghị quyết. Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá kịp thời. Các hội đồng khác làm tốt nhiệm vụ được phân công góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, xây dựng nhà trường phát triển vững mạnh.

3. Điểm yếu

Một số thành viên trong Hội đồng trường chưa mạnh dạn góp ý đề ra các giải pháp góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo các hội đồng phát huy các hoạt động tích cực, sáng tạo, đạt hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Khi triển khai các hoạt động giáo dục, nhà trường thường xuyên quán triệt việc thực hiện quy chế dân chủ để mỗi thành viên trong Hội đồng trường chủ động

đóng góp ý kiến, đề xuất các giải pháp góp phần thực hiện hiệu quả từng nội dung kế hoạch đề ra.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định:

+ Công đoàn cơ sở theo Điều lệ Công Đoàn Việt Nam, cơ cấu gồm Ban chấp hành Công đoàn và 80 công đoàn viên [H1-1.3-01].

+ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh theo Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, được cơ cấu gồm Ban chấp hành Chi đoàn và 22 đoàn viên [H1-1.3-02].

+ Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh theo Điều lệ Đội, có 45 Chi đội và 1.856 đội viên [H1-1.3-03].

b) Các tổ chức đoàn thể hoạt động theo đúng quy định của các cấp quản lý và phối hợp chặt chẽ với chính quyền nhà trường; có nghị quyết, biên bản, quy chế làm việc [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]. Các tổ chức đoàn thể đã cùng với nhà trường đẩy mạnh các hoạt động và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, luôn được cấp trên đánh giá cao:

Năm học	Kết loại đánh giá của Công đoàn [H1-1.3-01]	Kết loại đánh giá của Chi đoàn [H1-1.3-02]	Kết loại đánh giá của Đội [H1-1.3-03]
2019-2020	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
2020-2021	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
2021-2022	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
2022-2023	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
2023-2024	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

c) Hằng tháng và sau mỗi học kỳ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh đều có sinh hoạt định kỳ mỗi tháng 01 lần và thực hiện rà soát, đánh giá rút kinh nghiệm các hoạt động. Đồng thời

bổ sung kế hoạch hoạt động trong thời gian tới [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03] theo quy định chung qua các cuộc họp Hội đồng trường [H1-1.2-01], họp Hội đồng Sư phạm nhà trường [H1-1.1-04], báo cáo sơ kết, tổng kết [H1-1.1-02].

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định chi bộ độc lập gồm 17 đảng viên, trực thuộc Đảng bộ phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức. Chi bộ có cấp ủy, hiệu trưởng là bí thư chi bộ, phó hiệu trưởng là phó bí thư chi bộ và một tổ phó chuyên môn là chi ủy viên. Chi bộ sinh hoạt định kỳ hằng tháng, lãnh đạo nhà trường thực hiện nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ chuyên môn; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, xếp loại của Chi bộ Trường Trung học cơ sở Hiệp Phú như sau [H1-1.3-04]:

Năm	Kết quả đánh giá chi bộ	Số đảng viên đạt danh hiệu “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”
2019	Chi bộ mới thành lập không xếp loại	0
2020	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	0
2021	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	02
2022	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	03
2023	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	03

b) Các đoàn thể có đóng góp tích cực trong các hoạt động nhà trường. Công đoàn nhiều năm liền làm tốt công tác tổ chức hoạt động và tạo điều kiện, phân công công đoàn viên tham gia hoạt động; động viên và hướng các hoạt động vào mục tiêu giáo dục, bồi dưỡng; đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền lợi chính đáng cho công đoàn viên; giữ mối liên hệ mật thiết giữa công đoàn viên và cán bộ công đoàn, giữa công đoàn viên và tổ chức công đoàn [H1-1.3 -01].

Chi đoàn là lực lượng xung kích trong các hoạt động đổi mới, sáng tạo, tích cực đi đầu trong các hoạt động phong trào của nhà trường [H1-1.3 -02].

Liên Đội tích cực giáo dục học sinh tự giác thực hiện theo “Năm điều Bác Hồ dạy” giúp các em phấn đấu thành con ngoan trò giỏi, đội viên tốt [H1-1.3-03].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ luôn đạt “hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên cụ thể như sau: năm 2019 chi bộ mới thành lập, 2020 đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm 2021, 2022, 2023 đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-04].

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng cụ thể qua các hoạt động tiêu biểu như sau:

Công đoàn của nhà trường đã tích cực vận động công đoàn viên tích cực tham gia các cuộc vận động của ngành, của Liên đoàn lao động thành phố Thủ Đức phát động như: hiến máu nhân đạo, quyên góp áo dài, ủng hộ quỹ vì người nghèo, ủng hộ các hoàn cảnh khó khăn trong ngành; thường xuyên tổ chức các hoạt động để chăm lo không chỉ công đoàn viên của trường mà còn chăm lo cả người thân và con em của công đoàn viên như: tổ chức sinh nhật cho công đoàn viên theo quý, tổ chức thăm hỏi công đoàn viên và người nhà của công đoàn viên bị bệnh, phối hợp với chính quyền và Đoàn - Đội tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn như 1/6, 20/10, 20/11, 8/3, chăm lo Tết cho các công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn dịp lễ 20/11, Tết Nguyên đán, kỷ niệm ngày thành lập Công đoàn Việt Nam 28/7,... Công đoàn của trường hoạt động rất sôi nổi và đã đem lại nhiều thành tích cho đơn vị để góp phần vào sự phát triển chung của trường.

Chi đoàn thực hiện tôn tạo các công trình như công viên xanh, vườn sinh vật, đường hoa và con đường sách, góp phần cải thiện môi trường học tập và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, tạo không gian học tập vui vẻ hạnh phúc cho học sinh; tổ chức đầy đủ các buổi sinh hoạt chủ điểm hàng tháng; tổ chức chuyên đề “Gương sáng Đoàn viên và sách truyền cảm hứng” cho học sinh lớp 9 tham dự; đoàn viên

giáo viên thường xuyên thực hiện kiểm tra nề nếp học sinh, trực công trường, điều phối giao thông giờ vào học, ra về. Ngoài ra, chi đoàn còn phân công đoàn viên tích cực tham gia các hoạt động tại địa phương phường Hiệp Phú như: thăm tặng quà tết cho gia đình liệt sĩ, tham gia chương trình truyền thông chăm sóc sức khỏe sinh sản tiền hôn nhân và sinh hoạt câu lạc bộ tiền hôn nhân, ra quân chỉnh trang đô thị ngày cao điểm, tham gia chương trình “Những bước chân vì cộng đồng”.

Đội thiếu niên đã tích cực tổ chức các phong trào thi đua học tập và rèn luyện cụ thể như sau: phát động các cuộc thi đua trong học tập “Hoa điểm 10”, “Tiết học tốt” cho các chi đội. Kết hợp với các tổ chuyên môn để tổ chức hội thi thể thao như: kéo co, đá bóng, cầu lông, cờ vua nhằm khuyến khích học sinh tham gia các hoạt động thể chất, nâng cao sức khỏe; tổ chức hội thi văn nghệ “Em là chiến sĩ giải phóng quân”; tổ chức các hoạt động câu lạc bộ tiếng Anh, câu lạc bộ Khoa học tự nhiên nhằm phát triển năng lực ngoại ngữ và kiến thức chuyên môn cho học sinh. Khuyến khích học sinh ứng dụng công nghệ số trong học tập, tham gia các chương trình nâng cao năng lực ngoại ngữ và kỹ năng số “Rainy Words” – một ứng dụng học từ vựng tiếng Anh. Đồng thời, tổ chức các hội thi về Luật trẻ em, an toàn giao thông giúp học sinh hiểu rõ các quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong xã hội. Liên đội đã phát động các hoạt động “Mỗi tuần một cuốn sách hay, một câu chuyện đẹp, một tấm gương sáng” để khuyến khích học sinh đọc sách, học hỏi từ những tấm gương trong đời sống và phát triển nhân cách; tổ chức các buổi tuyên truyền về bảo vệ môi trường thông qua các video, bài viết hoặc các chương trình “30 phút vì Liên đội em xanh, sạch, đẹp mỗi ngày trong tuần”. Đối với các hoạt động tình nguyện và cộng đồng, đội thiếu niên đã tổ chức chuyến thăm đến các địa chỉ đỏ, tích cực tham gia nhiều hoạt động thể hiện lòng biết ơn đối với các anh hùng liệt sĩ qua hành trình đến thăm Đền Bến Nọc, hành trình công tác Trần Quốc Toàn, tham gia hát quốc ca tại các khu di tích lịch sử [H1-1.3 -01]; [H1-1.3 -02]; [H1-1.3 -03].

2. Điểm mạnh

Tổ chức Đảng và các đoàn thể của trường đóng góp hiệu quả cho các hoạt động trong nhà trường và địa phương. Chi bộ lãnh đạo tốt các hoạt động của nhà trường, đạt nhiều thành tích tiêu biểu của các cấp; các đoàn thể có sự phối hợp tốt với chính quyền trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng góp phần quan trọng giúp nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Chi bộ nhiều năm liền đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, các đoàn thể Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội đạt 05 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Một số đoàn viên giáo viên có hoàn cảnh gia đình neo đơn, nhà xa trường nên còn hạn chế trong việc tham gia các phong trào.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo bí thư chi đoàn phân công đoàn viên giáo viên hợp lý, tạo điều kiện để đoàn viên tích cực tham gia phong trào góp phần nâng cao hiệu quả phong trào thi đua của nhà trường và phát huy hơn nữa vai trò xung kích của lực lượng trẻ trong đơn vị.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ Văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ Văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ Văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ Văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ Văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý nhà trường gồm 02 thành viên: hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng đã có quyết định bổ nhiệm lại từ tháng 9 năm 2024 do chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức phê duyệt. Các thành viên đảm bảo đạt các tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và các quy định khác [H1-1.4-01].

b) Nhà trường có đầy đủ tổ Văn phòng và các tổ chuyên môn, bao gồm 08 tổ (tổ Văn phòng, tổ Ngữ văn, tổ Toán, tổ tiếng Anh, tổ Khoa học tự nhiên, tổ Tin – Giáo dục thể chất - Âm nhạc - Mỹ thuật - Công nghệ, tổ Lịch sử - Địa lý - Giáo dục công dân, tổ Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp). Các tổ có cơ cấu tổ chức và thực hiện tốt nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ trường trung học. Mỗi tổ chuyên môn đều có tổ trưởng và những tổ có đủ số lượng thành viên theo quy định sẽ phân công thêm 01 tổ phó do hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm vào đầu năm học [H1-1.4-02].

c) Hằng năm, trên cơ sở kế hoạch giáo dục của nhà trường, các tổ/nhóm chuyên môn, tổ Văn phòng đều xây dựng kế hoạch hoạt động và thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT được thể hiện cụ thể qua biên bản họp [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]; [H1-1.1-03].

Các tổ trường chuyên môn căn cứ vào phương hướng, nhiệm vụ năm học tiến hành xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ, nhóm chuyên môn; đồng thời căn cứ lịch công tác tháng, tuần của nhà trường để xây dựng kế hoạch hoạt động tháng và tuần của tổ. Tổ chuyên môn sinh hoạt mỗi tháng 02 lần, có biên bản sinh hoạt tổ. Các tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra, đánh giá chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục của các thành viên trong tổ thông qua buổi họp chuyên môn; tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thông qua tổ chức chuyên đề, đi sâu vào phân tích chuyên môn, có chú ý hướng dẫn giáo viên mới nhằm đưa ra những giải pháp tối ưu để hoạt động có hiệu quả, hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục. Tổ Văn phòng hoạt động hiệu quả, tích cực hỗ trợ hiệu trưởng thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý về tài chính, cơ sở vật chất trong nhà trường, hạch toán kế toán, thống kê; tham gia đánh giá, xếp loại viên chức theo quy định và lưu trữ hồ sơ của nhà trường đúng quy định. Tổ Văn phòng họp định kỳ ít nhất 01 lần/tháng nhằm đánh giá, rút kinh nghiệm và triển khai công việc theo sự chỉ đạo trực tiếp của hiệu trưởng [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07]; [H1-1.4-08].

Mức 2:

a) Mỗi năm học, căn cứ Quy chế chuyên môn của nhà trường [H1-1.4-08] mỗi tổ, nhóm chuyên môn xây dựng và thực hiện 02 chuyên đề/năm. Các chuyên đề tập trung vào nội dung đổi mới phương pháp, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, đổi mới sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học,... Chuyên đề của các tổ, nhóm bộ môn mang tính thiết thực, phù hợp với điều kiện của nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của nhà trường, tạo không khí vui tươi, hào hứng và tích cực trong tham gia các hoạt động của học sinh theo phương châm “Trường học thân thiện, học sinh tích cực” [H1-1.4-06]; [H1-1.4-09].

b) Tại các buổi họp tổ hằng tháng, các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng thực hiện nhận định, đánh giá tiến độ, chất lượng nhiệm vụ được phân công. Hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn kiểm tra, nhận xét việc thực hiện các

nhiệm vụ năm học của tổ chuyên môn. Nhà trường báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của các bộ phận trong nhà trường thông qua báo cáo sơ kết, báo cáo tổng kết năm học [H1-1.4-03], [H1-1.4-04], [H1-1.1-05]. Mỗi học kỳ, các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng tổ chức họp xét thi đua cho từng thành viên trong tổ.

Mức 3:

a) Kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn luôn bám sát kế hoạch giáo dục của nhà trường đã đảm bảo sự thống nhất trong việc thực hiện các chỉ tiêu [H1-1.4-03]. Kế hoạch tháng đi sâu vào phân tích chuyên môn, có chú ý hướng dẫn giáo viên tập sự nhằm đưa ra những giải pháp tối ưu để hoạt động có hiệu quả, hoàn thành tốt các nhiệm vụ. Tổ Văn phòng có nhiều hoạt động tích cực, đặc biệt là chăm sóc cây xanh tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, thân thiện; việc cải cách thủ tục hành chính, sử dụng các phần mềm thu phí học sinh; chuyển đổi chữ kí số; thực hiện hồ sơ điện tử quản lý công tác nhân sự, tài chính, văn thư, học vụ, quản lý sức khỏe học sinh trên các chương trình phần mềm giảm được thời gian xử lý công việc góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường, hỗ trợ tích cực cho công tác dạy học và giáo dục học sinh [H1-1.4-04].

b) Các chuyên đề triển khai thực hiện trong từng năm học được xây dựng trên tình hình thực tế của từng bộ môn, của nhà trường nên đã đem lại những hiệu quả thiết thực. Các chuyên đề đã giúp giáo viên mạnh dạn chia sẻ, học hỏi và trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của từng giáo viên trong tổ [H1-1.4-06]; [H1-1.4-09].

2. Điểm mạnh

Chuyên đề của các tổ, nhóm bộ môn mang tính thiết thực, phù hợp với điều kiện của nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của nhà trường, tạo không khí vui tươi, tích cực cho học sinh theo phương châm “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

Mọi hoạt động của tổ chuyên môn và tổ Văn phòng đều được cán bộ quản lý định kỳ kiểm tra, góp ý và điều chỉnh kịp thời nên kế hoạch hoạt động tổ thực hiện một cách nghiêm túc, có hiệu quả và giúp giáo viên, nhân viên hoàn thành tốt mọi công tác.

3. Điểm yếu

Một số tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn chưa linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động của tổ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy những mặt nổi trội, tiêu biểu trong hoạt động sinh hoạt tổ chuyên môn và tổ Văn phòng để nâng cao hiệu quả trong từng hoạt động nhà trường.

Trong các buổi họp đánh giá quý, thi đua ở từng học kỳ và đánh giá cuối năm học, nhà trường triển khai kỹ các nội dung và hướng dẫn các tổ trưởng chuyên môn nắm vững cách thức, quy trình để chủ động thực hiện công việc trong tổ. Đồng thời tăng cường các buổi tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn để nâng cao tính chủ động, sáng tạo trong công việc phụ trách hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học

- a) Có đủ các lớp của cấp học;*
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

1. Mô tả hiện trạng

a) Nhà trường có đủ 04 khối lớp từ khối 6 đến khối 9, các lớp của mỗi khối được biên chế từ đầu năm học và học 02 buổi/ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu. Năm học 2024 - 2025, nhà trường hiện có 45 lớp được biên chế cụ thể như sau: khối 6 có 14 lớp gồm 08 lớp tiếng Anh tăng cường, 01 lớp chương trình tiếng Anh Tích hợp và 05 lớp loại hình cơ bản; khối 7 có 13 lớp gồm 05 lớp tiếng Anh tăng cường và 08 lớp loại hình cơ bản; khối 8 gồm có 04 lớp tiếng Anh tăng cường và 06 lớp

loại hình cơ bản; khối 9 có 03 lớp tiếng Anh tăng cường và 05 lớp loại hình cơ bản [H1-1.5-01].

b) Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, nhà trường đã tổ chức phân chia học sinh theo lớp. Mỗi lớp đều có một lớp trưởng và các lớp phó do tập thể lớp bầu ra được sự đồng ý của giáo viên chủ nhiệm [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03]; [H1-1.5-04].

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Học sinh trong mỗi lớp được chia thành 04 tổ; mỗi tổ có 01 tổ trưởng, 01 tổ phó do học sinh trong tổ bầu ra vào mỗi đầu năm học được sự đồng ý của giáo viên chủ nhiệm. Các hoạt động của lớp trong năm học đều được xây dựng, lấy ý kiến của tất cả học sinh trong lớp. Học sinh được tìm hiểu để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình thông qua nội quy nhà trường, lớp (nếu có) [H1-1.5-02]; [H1-1.5-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện việc biên chế học sinh trong từng lớp, cơ cấu tổ chức lớp học phù hợp với quy định. Học sinh tham gia tự quản mọi hoạt động của lớp. Các em biết điều chỉnh từng hoạt động cho phù hợp với quy định của nhà trường, nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, biết lễ phép chào thầy cô, khách đến trường, tự tin mạnh dạn góp ý, xây dựng, giúp đỡ bạn bè, tích cực, chủ động, sáng tạo, nâng cao chất lượng sinh hoạt, học tập của trường, của lớp.

3. Điểm yếu

Sĩ số học sinh các lớp không đồng đều do cơ cấu loại hình lớp học khác nhau.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục xây dựng trường học hạnh phúc, không ngừng tôn tạo môi trường giáo dục khang trang, thân thiện và tổ chức các hoạt động giáo dục, phong trào vui tươi, thiết thực để giúp học sinh cảm nhận được niềm vui thích mỗi ngày đến trường. Nhất là

giúp học sinh đạt hiệu quả ngày càng cao hơn trong từng hoạt động giáo dục để phát huy các phẩm chất và năng lực học tập của học sinh.

Từ năm học 2025 - 2026, hiệu trưởng tham mưu với lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức trong công tác tuyển sinh đầu cấp nhằm đảm bảo số lượng học sinh theo quy định. Đồng thời, hiệu trưởng xây dựng phương án khả thi khi thực hiện loại hình lớp học ở các khối lớp.

5. Tự đánh giá: đạt

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) *Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*
- b) *Lập dự Toán, thực hiện thu chi, quyết Toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*
- c) *Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

- a) *Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*
- b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm Toán.*

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường lưu trữ và bảo quản, sắp xếp khoa học, đầy đủ hệ thống hồ sơ sổ sách theo quy định của Luật lưu trữ, Điều 21 của Điều lệ trường trung học. Các hồ sơ sổ sách được lưu trữ tại văn phòng, hồ sơ được nhập dữ liệu tiện tra cứu, hồ sơ quản lý tài chính và tài sản do bộ phận kế toán thực hiện lưu trữ và bảo quản theo đúng nguyên tắc tài chính gồm:

Đối với nhà trường: sổ đăng bộ [H1-1.5-01]; sổ theo dõi học sinh chuyển đi, chuyển đến [H1-1.6-01]; sổ theo dõi phổ cập giáo dục [H1-1.6-02]; sổ gọi tên và ghi điểm [H1-1.5-04]; sổ ghi đầu bài [H1-1.6-03]; học bạ học sinh [H1-1.6-04]; sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ [H1-1.6-05]; hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên và nhân viên [H1-1.4-07]; sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến [H1-1.6-06]; sổ quản lý tài sản [H1-1.6-07]; sổ quản lý thiết bị giáo dục [H1-1.6-08]; hồ sơ quản lý tài chính [H1-1.6-09]; hồ sơ quản lý thư viện [H1-1.6-10]; hồ sơ y tế [H1-1.6-11]; hồ sơ giáo dục đối với học sinh khuyết tật [H1-1.6-12].

Đối với tổ chuyên môn: hồ sơ của tổ chuyên môn [H1-1.4-03].

Đối với giáo viên: hồ sơ cá nhân của giáo viên [H1-1.6-13]; sổ chủ nhiệm (đối với giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp) [H1-1.5-02].

b) Hằng năm, nhà trường thực hiện việc lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản đúng quy định [H1-1.6-09]; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định của phòng Tài chính – Kế hoạch của thành phố Thủ Đức và theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân [H1-1.6-07]; [H1-1.6-09]; [H1-1.6-14]; [H1-1.6-15]; [H1-1.6-16]; [H1-1.6-17]. Thông qua hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động đã thống nhất Quy chế chi tiêu nội bộ trên cơ sở Quy chế chi tiêu nội bộ của năm học trước được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.4-07].

c) Hằng năm, bộ phận tài chính, các bộ phận chuyên môn, hành chính tham mưu với hiệu trưởng việc đề xuất mua sắm, sửa chữa thiết bị giáo dục, cơ sở vật

chất đúng danh mục, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường để đáp ứng tốt cho các hoạt động giáo dục của nhà trường cụ thể như: mua sách tham khảo; sửa chữa nhà trường vệ sinh; mua thiết bị dạy học các bộ môn phục vụ cho đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường ứng dụng thực hành, trải nghiệm môn học cho học sinh học tập hiệu quả hơn. Qua đó, hiệu trưởng kiểm tra, phê duyệt đề xuất của các bộ phận để quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường đúng mục đích và tiết kiệm để phục vụ hoạt động giáo dục đạt hiệu quả cao [H1-1.6-07]; [H1-1.6-08]; [H1-1.6-09].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản qua các phần mềm [H1-1.6-16] như: phần mềm kế toán IMAS, phần mềm quản lý tài sản Nhà nước, dịch vụ công Kho bạc Nhà nước, giao nhận hồ sơ bảo hiểm xã hội trực tuyến Viettel, khai thuế và nộp thuế trực tuyến, phần mềm thu phí (các khoản thu): Yoyoschool. Ngoài ra, nhà trường còn sử dụng các phần mềm ứng dụng như: ePMIS, PMIS, V-EMIS; phần mềm quản lý văn bản và chương trình quản lý cán bộ, viên chức do Sở Nội vụ triển khai để quản lý hồ sơ cá nhân; trang quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo (<http://quanly.hcm.edu.vn>); trang cơ sở dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo (<http://csdl.moet.gov.vn>); hệ thống tập huấn bồi dưỡng thường xuyên, tập huấn chương trình Sách giáo khoa 2018 (<https://taphuan.csdl.edu.vn/>); phần mềm quản lý số và điểm danh nhận diện khuôn mặt của Vietschool; phần mềm dạy học trực tuyến LMS, lớp học Google số. Các thông tin được nhà trường cập nhật đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không vi phạm công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.6-18].

Mức 3:

Nhà trường có kế hoạch tài chính ngắn hạn từng năm học thông qua việc tiết kiệm từng năm, lập hồ sơ mua sắm, sửa chữa thiết bị, cơ sở vật chất [H1-1.6-09], nhà trường chưa xây dựng kế hoạch tài chính trung hạn, dài hạn để huy động sự đóng góp hiệu quả của các cá nhân, tổ chức mạnh thường quân để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đầy đủ, đúng quy định hệ thống hồ sơ, sổ sách phục vụ hoạt động giáo dục. Sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí trong và ngoài ngân sách, đảm bảo phục vụ tốt nhất cho các hoạt động giáo dục. Nhà trường đã triển khai và thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin qua sử dụng các phần mềm quản lý văn bản, quản lý tài chính, tài sản góp phần nâng cao hiệu quả công tác trong quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Nhà trường không vi phạm công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán hằng năm.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục phát huy và nâng cao việc thực hiện công tác quản lý tài chính, tài sản của nhà trường theo quy định.

Trong năm 2025 và các năm tiếp theo, hiệu trưởng cùng Hội đồng trường tiếp tục xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn 03 năm và dài hạn 05 năm để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và thực tế địa phương nhằm định hướng cho công tác lập dự toán ngân sách Nhà nước; xác định thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn lực cho từng lĩnh vực, từng nhiệm vụ, từng hoạt động; đảm bảo chế độ, chính sách.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường thường xuyên nắm bắt trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên kịp thời [H1-1.7-01]. Đồng thời, triển khai và tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp, các lớp nâng cao trình độ trình độ chuyên môn, chính trị, tin học, ngoại ngữ hoặc các đợt tập huấn chuyên môn nghiệp vụ khác do các cấp tổ chức nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển chất lượng đội ngũ của nhà trường [H1-1.7-02]; [H1-1.1-03].

b) Đầu mỗi năm học, hiệu trưởng ra quyết định phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhà trường một cách cụ thể, phù hợp năng lực cá nhân, kỹ năng sư phạm, sự am hiểu về tâm sinh lý học sinh nhằm đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường. Công tác bố trí phân công nhân sự được nhà trường thực hiện công bằng, phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực công tác của cá

nhân và yêu cầu công việc của nhà trường. Tuy nhiên, việc sắp xếp thời khóa biểu còn gặp khó khăn khi nhà trường thiếu nhiều giáo viên ở các môn, phải thỉnh giảng giáo viên trường khác [H1-1.2-01]; [H1-1.2-09]; [H1-1.7-03]; [H1-1.7-04].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định như: tham gia các lớp bồi dưỡng, hội nghị chuyên đề để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đảm bảo về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ theo các chế độ, chính sách đã thống nhất trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Nhà trường thực hiện tốt các chính sách phát triển đội ngũ: thăng hạng chức danh nghề nghiệp, chế độ tiền lương và các phụ cấp theo lương, trợ cấp khác; đánh giá, khen thưởng nhằm tạo động lực cho đội ngũ chuyên tâm với nghề. Thực hiện tốt, phát huy hiệu quả việc chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh và Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Quy định chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh [H1-1.6-18]; [H1-1.7-07].

Mức 2:

Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, chế độ, tài chính, cơ sở vật chất để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phát huy việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với sở trường và năng lực của từng cá nhân cụ thể như: sắp xếp thời khóa biểu hợp lý, tạo điều kiện về thời gian để giáo viên, nhân viên thuận lợi trong việc tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học, bồi dưỡng lý luận chính trị; xây dựng chế độ khen thưởng đối với các cá nhân có kết quả học tập từ giỏi trở lên hoặc tham gia học các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học có chứng chỉ để khích lệ, động viên và thúc đẩy tinh thần tự học nâng cao trình độ, chuyên môn của đội ngũ [H1-1.6 -15]; [H1-1.7-05].

Nhà trường đã tổ chức tốt các phong trào thi đua, các cuộc vận động để động viên giáo viên, nhân viên tích cực tham gia góp phần thực hiện hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường và kịp thời phát hiện được nhiều cá nhân điển hình tiên tiến [H1-1.2-08]; [H1-1.3-01]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]; [H1-1.7-06].

Hằng tháng, các tổ, bộ phận đoàn thể đều tổ chức họp đánh giá nhận xét những hoạt động giáo dục, những hạn chế, thiếu sót trong tháng để rút kinh nghiệm và đề ra hoạt động cho tháng sau [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

Bên cạnh đó, trường cũng đã chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ nhằm theo dõi, giám sát và kịp thời nhắc nhở giúp đỡ cán bộ, giáo viên và nhân viên khắc phục các sai sót để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H1-1.4-07].

Ở từng học kỳ, từng quý và cuối năm học, Hội đồng thi đua và khen thưởng nhà trường đều thực hiện đánh giá xếp loại viên chức – người lao động của nhà trường; thực hiện công tác khen thưởng theo đúng quy định của Nhà nước [H1-1.7-06]; [H1-1.7-07]. Đồng thời, nhà trường còn quan tâm làm tốt công tác quy hoạch đội ngũ kế cận, tạo điều kiện cho các đối tượng này phát huy năng lực cá nhân, tham gia đầy đủ các lớp đào tạo bồi dưỡng tổ trưởng chuyên môn, bồi dưỡng cán bộ quản lý [H1-1.2-08]; [H1-1.7-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện việc quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh chặt chẽ theo đúng quy định. Đồng thời, nhà trường đã tổ chức tốt các phong trào thi đua, các cuộc vận động theo hướng dẫn của ngành tác động tích cực tới hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường. Đội ngũ giáo viên trẻ, năng động, nhiệt tình, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có ý thức tự học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Nhà trường đã xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch công tác đào tạo bồi dưỡng, công tác xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên hằng năm; phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phù hợp với sở trường và năng lực tạo điều kiện cho đội ngũ phát huy năng lực của mình.

Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, tài chính, cơ sở vật chất để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phát huy việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với sở trường; năng lực của từng cá nhân để kịp thời đánh giá, khen thưởng tạo động lực cho đội ngũ chuyên tâm, gắn bó với nghề.

3. Điểm yếu

Việc phân công chuyên môn, sắp xếp thời khóa biểu còn gặp khó khăn khi thiếu giáo viên ở nhiều môn và phải thỉnh giảng giáo viên trường khác đến dạy.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng xây dựng đề án vị trí việc làm phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường để trình lên Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức xem xét, bổ sung nhân lực cho nhà trường.

Trong khi chưa tuyển được giáo viên, hiệu trưởng phối hợp cùng phó hiệu trưởng linh hoạt tìm nguồn giáo viên thỉnh giảng, chủ động sắp xếp thời khóa biểu kịp thời nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động chuyên môn của nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được xây dựng, phê duyệt và được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời theo quy định;

c) Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục, đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, căn cứ vào các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của phòng Giáo dục và Đào tạo, căn cứ vào điều kiện thực tế của nhà trường, điều kiện thực tế địa phương, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch giáo dục để tổ chức và điều hành hoạt động giáo dục [H1-1.1-03]; [H1-1.4-07]. Các kế hoạch này bao gồm các nội dung thực hiện chương trình, các mục tiêu, giải pháp trong thực hiện công tác quản lý, đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường.

b) Hằng năm, nhà trường đều căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của các cấp để xây dựng kế hoạch giáo dục định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 và Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông. Kế hoạch giáo dục của nhà trường được lãnh đạo phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức phê duyệt. Nhà trường giao quyền chủ động cho tổ chuyên môn trong việc thống nhất xây dựng kế hoạch dạy học linh hoạt, sáng tạo, vận dụng các phương pháp phù hợp với thực tế từng khối lớp đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng và thời lượng dạy học. Nhà trường thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục bao gồm: tổ chức dạy hai buổi/ngày [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02], giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông [H1-1.8-03], giáo dục ngoài giờ lên lớp và tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp [H1-1.8-04], tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu [H1-1.8-05], tổ chức dạy kỹ năng sống [H1-1.8-06], tổ chức dạy năng khiếu tự chọn [H1-1.8-07], tổ chức phổ cập bơi [H1-1.8-08], tổ chức dạy tiếng Anh với người nước ngoài [H1-1.8-09], tổ chức dạy giáo dục STEM [H1-1.8-10]; qua kiểm tra, đánh giá công tác chuyên môn và các hoạt động khác, phó hiệu trưởng, các tổ chuyên môn thực hiện báo cáo, đánh giá, rà soát lại các công việc

đã làm để từ đó điều chỉnh kịp thời các kế hoạch tháng cho phù hợp theo từng thời điểm công tác. Sau mỗi học kỳ, mỗi năm học, cán bộ quản lý, các tổ nhóm, bộ phận rà soát hồ sơ và thực hiện lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định [H1-1.8-11]; [H1-1.8-14]; [H1-1.4-03]; [H1-1.1-03].

c) Các hoạt động giáo dục của nhà trường đều được tổ chức, thiết kế với nhiều hình thức đa dạng, phong phú như: dạy học dự án, thảo luận nhóm, trải nghiệm thực tế và ứng dụng công nghệ số,... nhằm đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông 2018 được đảm bảo về chất lượng và hiệu quả trong giáo dục toàn diện cho học sinh [H1-1.8-12].

Mức 2:

Hàng năm, trường xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ [H1-1.4-07] định kỳ tiến hành kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các hoạt động giáo dục thông qua việc rà soát đánh giá hoạt động dạy và học, chất lượng giáo dục của bộ môn để điều chỉnh kế hoạch nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá đạt hiệu quả trở lên khi tiến hành kiểm tra theo quy định [H1-1.6-18]. Đầu các năm học, hiệu trưởng triển khai, phổ biến các văn bản quy định về dạy thêm, học thêm đến toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên tại các buổi họp hội đồng sư phạm. Nhà trường đã triển khai để tất cả cán bộ, giáo viên thực hiện đúng theo Quyết định 2499/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố hết hiệu lực các điều: 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và 14 của Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT về ban hành quy định dạy thêm, học thêm; Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT, ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định về dạy thêm, học thêm. Nhà trường đã quản lý chặt chẽ hoạt động dạy thêm ngoài nhà trường [H1-1.8-13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp, khả thi trong tổ chức các hoạt động. Việc thực hiện, theo sát các nội dung trong kế hoạch giáo dục đã trở thành

nề nếp chuyên môn ở mỗi cán bộ, giáo viên. Trong quá trình chỉ đạo, thực hiện các hoạt động giáo dục, công tác rà soát, kiểm tra, đánh giá được thực hiện thường xuyên, điều chỉnh kịp thời những hạn chế thiếu sót và tiến độ thực hiện kế hoạch.

3. Điểm yếu

Nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chưa thể hiện rõ nét việc thống nhất sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý dạy 2 buổi/ngày, cụ thể là tăng cường kiểm tra nội dung dạy của giáo viên, quản lý học sinh, tăng cường các hoạt động trải nghiệm, các hoạt động rèn kỹ năng sống nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường.

Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn sẽ hướng dẫn kỹ các tổ trưởng cách thức tổ chức sinh hoạt tổ theo hướng nghiên cứu bài học và hằng tháng tăng cường hơn nữa việc dự họp cùng các tổ chuyên môn để nắm tình hình và có giải pháp hỗ trợ kịp thời hơn. Trong mỗi học kỳ, bên cạnh kiểm tra hồ sơ của tổ, nhà trường kiểm tra sâu sát hơn việc thực hiện kế hoạch, chương trình của mỗi cá nhân.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường thông qua hội nghị cán bộ viên chức - người lao động được tổ chức vào đầu năm học để đội ngũ bàn bạc, thảo luận, thống nhất về nghĩa vụ, quyền lợi, các chỉ tiêu phấn đấu cần thực hiện trong năm học mới theo quy định tại quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, ban hành kèm theo Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2022 [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02].

Nhà trường nghiêm túc thực hiện công khai tài chính hằng tháng tại bảng thông tin phòng giáo viên để tất cả đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên được biết và thông báo trong các buổi họp hội đồng sư phạm [H1-1.6-14].

b) Tất cả các hoạt động công tác, nhà trường đều phổ biến kịp thời, công khai trong toàn trường, tạo điều kiện cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh tham gia trao đổi, bàn bạc, đóng góp ý kiến. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm tự đánh giá, nhà trường không có trường hợp khiếu nại, tố cáo. Riêng các kiến nghị, phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường đều được hiệu trưởng lắng nghe và có nhiều biện pháp linh hoạt để giải quyết hợp tình, hợp lý đúng quy định pháp luật, tạo sự an tâm, tin tưởng cho đội ngũ, học sinh và cha mẹ học sinh [H1-1.9-03].

c) Hằng năm, nhà trường đều có thực hiện báo cáo quy chế dân chủ cơ sở thông qua hội nghị cán bộ viên chức - người lao động, Đảng ủy phường Hiệp Phú và phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức [H1-1.9-04].

Mức 2:

Trong năm học, nhà trường đều công khai các khoản thu, chi bằng cách niêm yết công khai tài chính tại bảng tin trong phòng giáo viên; công khai các hoạt động chuyên môn và những kết quả mà nhà trường đạt được tại bảng thông tin, trang website, trang fanpage của nhà trường và thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân tại bảng tin và trên cổng thông tin điện tử của nhà trường. Ban thanh tra nhân dân căn cứ vào nghị quyết của hội nghị cán bộ viên chức - người lao động và chỉ đạo của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở để xây dựng chương trình hội nghị cán bộ viên chức - người lao động, thực hiện chế độ họp định kỳ mỗi quý một lần, báo cáo tổng kết hoạt động trước hội nghị cán bộ viên chức - người lao động nhằm đưa ra các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. Định kỳ Ban thanh tra nhân dân của trường thực hiện kiểm tra tài chính và công khai trên bảng thông tin ở phòng giáo viên [H1-1.6-14]; [H1-1.6-15]; [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã chấp hành nghiêm túc các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của địa phương, các quy định của ngành.

Quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường được triển khai và đảm bảo thực hiện công khai, minh bạch, hiệu quả trong việc phát huy quyền làm chủ cũng như huy động tiềm năng trí tuệ, năng suất, chất lượng làm việc của đội ngũ.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên, nhân viên chưa mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến xây dựng các kế hoạch liên quan đến hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên và kịp thời báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở theo quy định. Tiếp tục xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường.

Hiệu trưởng tiếp tục khuyến khích, động viên, tạo điều kiện tốt nhất cho cán bộ, giáo viên và nhân viên tích cực tham gia đóng góp ý kiến xây dựng trong các buổi họp Hội đồng sư phạm, mạnh dạn phát biểu ý kiến xây dựng các kế hoạch của nhà trường trong cuộc họp tổ chuyên môn, tổ Công đoàn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) *Đảm bảo theo quy định về an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích;*

b) *Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;*

c) *Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

Mức 2:

a) *Cán bộ - giáo viên - nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch, các phương án, quy chế về đảm bảo về an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích. Giáo viên chủ nhiệm phối hợp với cha mẹ học sinh trong việc triển khai ký cam kết về thực hiện các quy định an toàn trường học. Nhà trường thường xuyên mời báo cáo viên của công an thành phố Thủ Đức tuyên truyền về phòng, chống bạo lực học đường, các tệ nạn xã hội và các chất gây nghiện xâm nhập môi trường học đường như: ma túy, HIV/AIDS, thuốc lá điện tử [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03].

Nhà trường thực hiện đa dạng các hình thức tuyên truyền như: thông qua các buổi chào cờ đầu tuần, lồng ghép trong các môn học, qua hoạt động phát thanh măng non của Liên đội, trong các buổi sinh hoạt lớp. Liên đội nhà trường tổ chức các cuộc thi tìm hiểu luật an toàn giao thông, an toàn thực phẩm; tổ chức hoạt động ngoại khóa nhằm giáo dục các em ý thức, trách nhiệm về bảo đảm an toàn giao thông, an toàn thực phẩm và giúp học sinh tránh xa các tệ nạn xã hội [H1-1.10-04]; [H1-1.3-03]. Hiệu trưởng chỉ đạo các bộ phận phụ trách thường xuyên kiểm tra bếp ăn và căn tin [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06]; [H1-1.10-07]; [H1-1.10-08]; [H1-1.10-09]. Đồng thời, nhà trường còn thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành về phòng, chống cháy nổ. Phân công tổ bảo vệ định kỳ kiểm tra, sửa chữa các thiết bị điện, các bình chữa cháy, đo kim chống sét. Tổ chức các buổi truyền thông, tập huấn các kỹ năng phòng chống dịch bệnh, phòng chống thiên tai, kỹ năng sơ cấp cứu, phòng chống cháy nổ,... cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường [H1-1.10-03]; [H1-1.10-01].

Nhà trường phối hợp với Trung tâm y tế dự phòng của thành phố Thủ Đức, trạm y tế phường Hiệp Phú phun thuốc khử khuẩn toàn bộ khuôn viên nhà trường, tổ chức tiêm vacvin sởi, tuyên truyền dưới sân cờ để làm tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H1-1.10-01].

b) Nhà trường trang bị 02 hộp thư học đường để tại sảnh trường và sảnh khu lớp học, công khai cho các học sinh biết. Công khai số điện thoại và email của nhà trường trên cổng thông tin điện tử, trên bảng tin trước cổng trường sẵn sàng tiếp nhận thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.10-10].

Ngoài ra, nhà trường còn có bộ phận tiếp nhận các thông tin phản ánh của người dân để kịp thời xử lý các thông tin, sự việc cần thiết từ học sinh và cha mẹ học sinh [H1-1.9-03]; [H1-1.1-04].

Các nhân viên bảo vệ đảm bảo trực 24/24 giờ tại trường, thực hiện kiểm tra, kiểm soát phương tiện, người và tài sản ra, vào nhà trường để phát hiện và phối hợp ngăn chặn các hiện tượng gây mất trật tự an ninh trong nhà trường; ngăn chặn các hiện tượng xâm phạm tài sản công, tài sản của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, có ghi nhận cụ thể tình hình trong ca trực vào sổ trực của bảo vệ [H1-1.10-11].

c) Nhà trường đã thực hiện các chuyên đề giáo dục đạo đức – kỹ năng sống; giáo dục phổ biến kiến thức pháp luật cho học sinh; công tác tuyên truyền phòng chống bạo lực học đường luôn được nhà trường quan tâm thực hiện thông qua các giờ sinh hoạt dưới cờ, các buổi giáo dục kỹ năng sống, tư vấn tâm lý học đường và các tiết sinh hoạt lớp, hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp. Vì vậy, học sinh của nhà trường luôn đoàn kết, giúp đỡ nhau trong sinh hoạt và học tập [H1-1.10-01]; [H1-1.10-12] nên không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Nhà trường phối hợp với công an thành phố Thủ Đức, công an phường Hiệp Phú, trung tâm y tế dự phòng thành phố Thủ Đức, trạm y tế và các đoàn thể phường

Hiệp Phú đề thường xuyên tổ chức các buổi tuyên truyền, sinh hoạt dưới cờ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh cũng như hướng dẫn và tập huấn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03].

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự như: quan sát camera trong lớp, hành lang, cầu thang và ngoài sân trường, ghi nhận của đội sao đỏ, phối hợp với bảo vệ dân phố trực hỗ trợ trước cổng trường,... thông tin đến giáo viên chủ nhiệm, Tổng phụ trách Đội và giám thị để có biện pháp phối hợp với cha mẹ học sinh ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H1-1.5-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.10-13]; [H1-1.10-14]. Ngoài ra, nhà trường còn phân công đảng viên, đoàn viên chi đoàn trực tại cổng trường để hỗ trợ nề nếp và kịp thời nắm bắt tình hình học sinh để có giải pháp can thiệp, ngăn chặn đảm bảo trường học an toàn [H1-1.3-02]; [H1-1.3-04]. Trong các năm qua, nhà trường không có trường hợp học sinh đánh nhau gây thương tích hay các vi phạm an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường [H1-1.10-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tổ chức các buổi tuyên truyền với nhiều hình thức đa dạng, phong phú để giáo dục học sinh nâng cao ý thức trong việc đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, thiên tai và các tệ nạn xã hội, rèn luyện các kỹ năng sống cho học sinh.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn có ý thức giữ gìn an ninh, an toàn trường học. Đồng thời, cha mẹ học sinh và học sinh nhà trường cũng có ý thức tốt về xây dựng trường học an toàn.

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin phản ánh của giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và học sinh về các nội dung có

liên quan đến bạo lực học đường và an ninh trật tự để kịp thời có biện pháp ngăn chặn, đảm bảo an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường.

3. Điểm yếu

Tình trạng hàng quán buôn bán phía trước cổng trường còn nhiều, một số học sinh hay tập trung gây cản trở an toàn giao thông.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục tăng cường phối hợp với các lực lượng ngoài nhà trường giáo dục ý thức tự giác thực hiện các quy định góp phần giữ gìn an ninh chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội trong nhà trường cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và học sinh.

Tham mưu với cơ quan chức năng, phối hợp với lực lượng bảo vệ của phường, phát huy vai trò đội sao đỏ để thực hiện tốt an toàn giao thông ở khu vực cổng trường.

Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh nhắc nhở con em thực hiện tốt nội qui của nhà trường. Nhà trường tăng cường kiểm tra học sinh vào thời điểm giữa giờ, cuối giờ, kịp thời phát hiện học sinh trốn tiết, bỏ học để thông báo cho gia đình.

Vận dụng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số qua công tác tuyên truyền như đăng bài tuyên truyền lên cổng thông tin điện tử của nhà trường, phần mềm chuyển tin nhắn trực tiếp đến cha mẹ học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Công tác tổ chức và quản lý nhà trường có cơ cấu tổ chức đúng theo Điều lệ trường trung học. Các đoàn thể: Chi bộ, Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội, các tổ chuyên môn đều hoạt động đồng bộ, phối hợp tốt, đều tay để hoàn thành tốt nhiệm vụ từng được giao. Hội đồng trường làm việc theo nghị quyết, công khai dân chủ và tạo được sự đồng thuận trong nhà trường; các hội đồng khác làm tốt nhiệm vụ được phân công góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao chất lượng phát triển của nhà trường.

Hoạt động tài chính thực hiện theo văn bản chỉ đạo, việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai rõ ràng, minh bạch dưới nhiều hình thức đa dạng. Ứng dụng công nghệ thông tin và phần mềm hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài sản, tài chính. Nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản. Nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới.

Điểm yếu cơ bản:

Các tổ chuyên môn ghép bộ môn còn gặp khó khăn trong việc quản lý, xếp thời khoá biểu và tổ chức sinh hoạt chuyên môn.

Tình trạng hàng quán buôn bán tại cổng trường còn nhiều, một số học sinh còn hay tập trung gây cản trở lưu thông.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/10.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Cán bộ quản lý của Trường Trung học cơ sở Hiệp Phú đều có trình độ đạt chuẩn trở lên, có phẩm chất đạo đức trong sáng, có năng lực và tận tụy trong công tác, quản lý chặt chẽ, toàn diện các hoạt động của nhà trường, chủ động tổ chức sáng tạo, khoa học trong thực hiện các hoạt động theo kế hoạch trên cơ sở các nội dung, yêu cầu, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như các cơ quan chức năng.

Đội ngũ giáo viên có năng lực, tinh thần trách nhiệm cao, tinh thần đoàn kết nội bộ trong nhà trường được củng cố và phát triển không ngừng, đạt chuẩn trình độ đào tạo và chuẩn nghề nghiệp, đảm bảo cho việc thực hiện chương trình giáo dục và tổ chức tốt các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Nhân viên được phân công phù hợp với công việc và trình độ năng lực. Số lượng học sinh đảm bảo về độ tuổi đi học và được đảm bảo các quyền theo quy định.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tin nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý nhà trường được Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức bổ nhiệm, hiệu trưởng đạt trình độ thạc sĩ ngôn ngữ và văn hóa, phó hiệu trưởng đạt trình độ cử nhân sư phạm. Cán bộ quản lý nhà trường đạt tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, trình độ lý luận chính trị, có năng lực quản lý nhà trường. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đã tham gia giảng dạy từ 05 năm trở lên [H1-1.4-01].

STT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Trình độ chính trị	Số năm dạy học	Số năm quản lý
01	Nguyễn Thị Hồng An	Hiệu trưởng	Thạc sĩ	Trung cấp	25	14
02	Ngô Văn Hải Sơn	Phó Hiệu trưởng	Đại học	Trung cấp	28	5

b) Hằng năm, nhà trường đã tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đánh giá hiệu trưởng và phó hiệu trưởng theo quy định chuẩn hiệu trưởng trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Trong 05 năm gần đây, cán bộ quản lý nhà trường được tập thể nhà trường góp ý và cấp trên đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt trở lên theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 07 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.4-05].

c) Cán bộ quản lý của nhà trường được tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên. Hiệu trưởng đạt cử nhân quản lý giáo dục. Cán bộ quản lý của trường đã tham gia học tập nâng chuẩn trình độ đào tạo chuyên môn, tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước - ngạch chuyên viên, lớp bồi dưỡng hiệu trưởng trường phổ thông theo hình thức liên kết Việt Nam – Singapore, tham gia lớp bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên Trung học cơ sở hạng II. Đồng thời, thường xuyên tham gia nghiêm túc các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chính trị, về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục do các cấp tổ chức [H2-2.1-01].

Mức 2:

a) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có 05 năm được đánh giá đạt chuẩn ở mức “Tốt” theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông [H1-1.4-05].

b) Cán bộ quản lý nhà trường có bằng trung cấp chính trị - hành chính, được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định. Tất cả cán bộ quản lý đều có phẩm chất đạo đức trong sáng, nhiệt tình, trách nhiệm, chủ động, sáng tạo trong công tác, làm việc khoa học, đoàn kết và tận tâm, tận lực vì sự phát triển của nhà trường. Hằng năm, cán bộ quản lý nhà trường được giáo viên, nhân viên nhận xét, đánh giá và tín nhiệm cao [H1-1.4-01]; [H1-1.4-05].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, cán bộ quản lý nhà trường được lãnh đạo phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức, đội ngũ sư phạm nhà trường đánh giá chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt theo chu kỳ đánh giá [H1-1.4-05].

Kết quả đánh giá cuối chu kỳ 02 năm theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Năm học/Xếp loại	Tốt	Khá	Đạt	Chưa Đạt
2019 - 2020	02 (100%)	0	0	0
2021 - 2022	02 (100%)	0	0	0
2023-2024	02 (100%)	0	0	0

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý nhà trường có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng xu thế đổi mới giáo dục và đào tạo trong thời kỳ hội nhập và phát triển.

Tất cả cán bộ quản lý đều có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn vững vàng, nhiệt tình, trách nhiệm, chủ động, sáng tạo trong công tác, làm việc khoa học, đoàn kết và toàn tâm toàn ý cho sự phát triển của nhà trường. Đồng thời, mỗi cán bộ quản lý đều có năng lực quản lý, lãnh đạo đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và sự tin nhiệm cao của tập thể sư phạm nhà trường, học sinh và cha mẹ học sinh.

3. Điểm yếu

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng chưa mạnh dạn trong giao tiếp với người nước ngoài công tác tại trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, cán bộ quản lý tiếp tục phát huy vai trò gương mẫu, chủ động, sáng tạo trong công việc, tinh thần trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, quản lý nhà trường, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong mọi hoạt động công tác.

Tăng cường công tác tự học, tự bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn nghiệp vụ; bồi dưỡng thêm năng lực ngoại ngữ để ngày càng đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập trong ngành giáo dục hiện nay.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đảm bảo quy định của Chính phủ và lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên theo kế hoạch của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

b) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2024 - 2025 trường có 62 giáo viên và 16 giáo viên thỉnh giảng ở một số môn như: Công nghệ, Tin học, Lịch sử - Địa lí, tiếng Anh, Mỹ thuật, đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục [H1-1.7-03]; [H1-1.7-04]; [H2-2.2-01]. Học sinh được học đầy đủ số tiết của tất cả các môn học theo đúng số tiết quy định trong phân phối chương trình. Giáo viên chủ nhiệm đảm bảo tiết hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp. Ngoài chương trình giáo dục chính khoá, giáo viên còn tích cực tham gia rèn luyện các hoạt động giáo dục kỹ năng cho học sinh như: sinh hoạt câu lạc bộ, tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, các hội thi tuyên truyền pháp luật [H1-1.8-04].

b) Nhà trường có 62/62 (100%) giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại Điều lệ trường trung học, trong đó có 07/62 giáo viên đạt trình độ thạc sĩ. Đa số giáo viên của nhà trường là lực lượng trẻ với nhiều tâm huyết, đầu tư về chuyên môn nên nhà trường đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cũng như quan tâm xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ theo lộ trình của từng năm học để giúp giáo viên đạt chuẩn trình độ theo yêu cầu hiện nay [H2-2.2-02]; [H2-2.2-03].

c) Trong 5 năm kể từ thời điểm đánh giá, nhà trường có tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên là 100 % [H1-1.4-05].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có trên 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H1-1.7-03]; [H2-2.2-03].

Xếp loại Năm học	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
2019 - 2020	09	01	0	0
2020 - 2021	18	11	0	0
2021 - 2022	31	04	0	0
2022 - 2023	37	08	01	0
2023 - 2024	38	18	03	0

b) Hằng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp và phân luồng để giúp học sinh và cha mẹ học sinh có định hướng rõ ràng trong việc lựa chọn con đường học tập sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở. Đa số giáo viên của nhà trường đều có trình độ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu hội nhập, có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp, có khả năng hướng dẫn học sinh tự nghiên cứu bài học, làm dự án báo cáo. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật [H2-2.2-02]; [H1-1.8-04]; [H2-2.2-04].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá từ năm học 2019 – 2020, hiệu trưởng đã tổ chức đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo chu kỳ đánh giá 02 năm một lần theo Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. Nhà trường có trên 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt [H1-1.4-05].

Năm học	Tổng số giáo viên	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
2019 - 2020	10	09	01	0	0
2021 - 2022	35	31	04	0	0
2023 - 2024	59	38	18	03	0

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường đã có giáo viên thực hiện báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học [H2-2.2-04].

2. Điểm mạnh

Trường có trên 50% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp giáo viên Trung học cơ sở.

Đa số là giáo viên trẻ, có tinh thần học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhanh chóng tiếp cận việc đổi mới các phương pháp dạy học hiện đại và được phân công giảng dạy đúng chuyên môn.

3. Điểm yếu

Trường còn thiếu giáo viên biên chế ở một số môn như: Ngữ văn, Công nghệ, Tin học, Lịch sử - Địa lí, Tiếng Anh, Mỹ thuật.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp nâng chuẩn trình độ đào tạo. Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch tuyển dụng giáo viên nhằm bổ sung đầy đủ số lượng giáo viên cho các bộ môn còn thiếu.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có lực lượng nhân viên 16 người, trong đó: biên chế 03 (01 văn thư, 01 thư viện, 01 kế toán); 04 hợp đồng Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (02 bảo vệ và 02 phục vụ) và 09 nhân viên hợp đồng trường (02 phục vụ, 03 giám thị, 01 y tế, 01 giáo vụ và 02 bảo vệ). Nhân viên thư viện kiêm nhiệm thủ quỹ nhằm phối hợp thực hiện tốt công tác thu chi, quản lý tài chính. Các nhân viên đảm nhiệm được các nhiệm vụ phân công. Nhà trường phân công 01 giáo viên môn Khoa học tự nhiên kiêm nhiệm công tác thiết bị; 01 giáo viên môn Tin học kiêm nhiệm công nghệ thông tin và 03 giáo viên Khoa học tự nhiên kiêm nhiệm phòng Thực hành - Thí nghiệm [H1-1.7-03]; [H1-1.4-04]; [H2-2.3-01].

b) Nhân viên trong nhà trường được phân công công việc phù hợp với vị trí việc làm và năng lực của nhân viên [H1-1.7-03]; [H1-1.7-04].

+ Nhân viên thư viện: xây dựng kế hoạch hoạt động; quản lý và tổ chức các hoạt động thư viện; hướng dẫn giáo viên và học sinh sử dụng và tham gia các hoạt động thư viện. Do kiêm nhiệm công tác thủ quỹ nên ngoài công tác thư viện còn cần phải đảm bảo việc thu và chi ngân quỹ, quản lý sổ sách và tiền mặt theo đúng quy định [H1-1.6-09]; [H1-1.6-10].

+ Nhân viên kế toán: phụ trách công tác kế toán của nhà trường, xây dựng kế hoạch tài chính của trường; lưu trữ chứng từ, sổ sách tài liệu kế toán, thực hiện thu chi theo quy định; lập dự toán thu chi, tổng hợp số liệu; kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính; cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của pháp luật [H1-1.6-09].

+ Nhân viên văn thư: tiếp nhận văn bản đến; ban hành văn bản đi; quản lý và đóng dấu các văn bản đúng quy chế; sắp xếp công văn, tài liệu, hồ sơ hợp lý theo đúng quy định [H1-1.6-06].

+ Nhân viên giáo vụ: thực hiện công tác học vụ, đảm bảo mọi công việc về sổ đăng bộ, hồ sơ nhập liệu điểm số, thông tin học sinh, cấp phát bằng cho học sinh [H1-1.5-01]; [H1-1.5-04].

+ Nhân viên bảo vệ: thường trực tại cổng trường; tuần tra bao quát khu vực trong phạm vi toàn trường bảo đảm tình hình an ninh, trật tự, đảm bảo an toàn tài sản nhà trường. Phụ trách công tác sửa chữa nhỏ trong nhà trường, công tác phòng cháy, chữa cháy, chăm sóc bồn hoa cảnh quan vườn trường và thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công [H1-1.4-04]; [H1-1.10-11]; [H2-2.3-01].

+ Nhân viên phục vụ: vệ sinh phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng, sân trường, các khu vực nhà vệ sinh, đảm bảo môi trường sạch đẹp, thoáng mát, an toàn. Tham gia hỗ trợ tốt cho việc tổ chức các ngày lễ, hội trong năm [H1-1.4-04]; [H1-1.7-03].

+ Nhân viên y tế: phụ trách công tác y tế học đường và vệ sinh trường học, quản lý chăm sóc sức khỏe, theo dõi và khám sức khỏe định kỳ cho học sinh. Đồng thời còn thực hiện tốt công tác truyền thông giáo dục sức khỏe cho học sinh, nhất là

công tác phòng ngừa các dịch bệnh như: sởi, sốt xuất huyết, tay chân miệng; tổ chức khám sức khỏe cho giáo viên và nhân viên nhà trường [H1-1.6 -11].

c) Tất cả các nhân viên phối hợp hoạt động tốt, đảm bảo đầy đủ các hoạt động hành chính trong nhà trường và đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.2-02]; [H1-1.7-03]; [H1-1.7-07].

Mức 2:

a) Nhà trường có số lượng và cơ cấu nhân viên cơ bản đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập. Đối với các bộ phận còn thiếu nhân viên, nhà trường đã phân công giáo viên kiêm nhiệm và luôn đảm bảo đáp ứng các yêu cầu để hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.7- 04].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật. Tất cả nhân viên đều tận tụy, có tinh thần trách nhiệm cao trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công [H1-1.7-03].

Mức 3:

a) Nhà trường có các nhân viên đáp ứng vị trí việc làm: nhân viên kế toán có bằng Đại học kế toán; nhân viên y tế có bằng Trung cấp y sĩ; nhân viên văn thư có bằng Cử nhân Đại học về văn thư thư trữ; nhân viên thư viện có bằng Trung cấp thư viện [H1-1.7-03]; [H1-1.7-04]; [H2-2.2-03].

b) Hằng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ để cử nhân viên tham gia đầy đủ các khóa học, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do phòng Giáo dục và Đào tạo, phòng Tài chính - Kế hoạch, Trung tâm y tế thành phố Thủ Đức tổ chức [H1-1.7-02].

2. Điểm mạnh

Tất cả các nhân viên của trường đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đội ngũ nhân viên trẻ, năng động, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm cao trong thực hiện chức trách nhiệm vụ được phân công.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường không có nhân viên bị kỷ luật.

3. Điểm yếu

Nhà trường còn thiếu nhân viên quản trị công sở và thiết bị, thí nghiệm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục phân công nhiệm vụ cho nhân viên phù hợp theo năng lực. Đồng thời, nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức theo vị trí nhân viên quản trị công sở và thiết bị, thí nghiệm còn thiếu.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) *Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) *Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) *Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hằng năm, trường thực hiện theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức về “Huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh các lớp đầu cấp”, đảm bảo học sinh đúng độ tuổi theo quy định của Điều lệ trường trung học [H1-1.2-04].

b) Đầu năm học, nhà trường xây dựng nội quy học sinh và quy chế phối hợp để cụ thể hóa nhiệm vụ, ngôn ngữ, hành vi ứng xử và tác phong của học sinh. Tất cả học sinh đều có ý thức trách nhiệm, không vi phạm các quy định học sinh không được làm theo Điều 37 Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT [H1-1.5-05]; [H1-1.10-07].

c) Toàn bộ học sinh trong nhà trường được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 35, Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật. Nhà trường đối xử bình đẳng với tất cả học sinh trong trường, tổ chức và tạo điều kiện cho các em tích cực tham gia các hội thi, phong trào của nhà trường, đoàn thể và các cấp. Tổ chức cho học sinh tham gia các buổi báo cáo chuyên đề để truyền thông về pháp luật; quyền trẻ em; chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên; phòng chống bạo lực học đường; thực hiện an toàn giao thông; phòng cháy chữa cháy; ứng xử văn minh trên mạng xã hội; xây dựng tình bạn đẹp tuổi học trò,... Học sinh được bày tỏ ý kiến qua hộp thư “Điều em muốn nói”; trực tiếp tham gia tại phòng tư vấn học đường để chia sẻ những tâm tư tình cảm với quý thầy cô; tham gia đặt câu hỏi trong buổi tọa đàm “Lắng nghe tiếng nói trẻ em”. Đồng thời, nhà trường còn quan tâm vận động các nguồn lực xã hội để trao học bổng cho học sinh khó khăn; hỗ trợ miễn giảm các khoản thu cho học sinh thuộc diện chính sách [H1-1.8-04]; [H2-2.4-01]; [H2-2.4-02].

Mức 2:

Học sinh Trường Trung học cơ sở Hiệp Phú đa số rất ngoan, lễ phép, biết chào hỏi, kính trọng thầy cô giáo, cán bộ, nhân viên và khách đến trường; luôn đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; tự giác thực hiện tốt nội quy nhà trường. Ngay từ đầu năm học, cha mẹ học sinh và các em học sinh đều thực hiện cam kết với nhà trường về những điều học sinh không được làm. Học sinh vi phạm được phát hiện kịp thời và áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp. Giáo viên chủ nhiệm lớp thực hiện công tác hướng dẫn, giải thích cho học sinh nhận thức hành vi sai trái và phối hợp với cha mẹ học sinh để cùng điều chỉnh các hành vi không được làm nên các em đều có những chuyển biến tích cực, kịp thời khắc phục những sai phạm [H1-1.5-02]; [H1-1.10-07]; [H1-1.2-03].

Mức 3:

Hàng năm, học sinh của trường rất nỗ lực và đã có nhiều thành tích cao trong học tập như đạt thành tích học sinh giỏi các bộ môn văn hóa cấp trường, cấp thành phố Thủ Đức, cấp Thành phố Hồ Chí Minh, cấp Quốc gia và nhiều giải thưởng phong trào, thể dục thể thao, các hội thi Khoa học kỹ thuật [H1-1.2-07]; [H2-2.4-03]; [H2-2.4-04]; [H2-2.4-05]. Tuy nhiên, số lượng học sinh giỏi cấp Thành phố Hồ Chí Minh chưa nhiều.

2. Điểm mạnh

Tất cả học sinh của trường đều đảm bảo về độ tuổi theo quy định, 100% học sinh của trường được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường Trung học cơ sở và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Đa số học sinh ngoan hiền, lễ phép, tích cực tham gia các hoạt động phong trào Đội, thể dục thể thao, các hoạt động câu lạc bộ và ứng dụng tốt việc chuyển đổi số trong học tập.

3. Điểm yếu

Việc thực hiện nội quy nhà trường vẫn còn một số học sinh chưa thực hiện nghiêm túc như: đi học trễ, quên tập sách,...

Số lượng học sinh giỏi đạt cấp Thành phố Hồ Chí Minh chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục thực hiện nghiêm túc kế hoạch tuyển sinh các lớp đầu cấp của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, tiếp tục đảm bảo các quyền cho học sinh theo quy định.

Hiệu trưởng phân công cho Tổng phụ trách Đội và bí thư chi đoàn tăng cường thực hiện tuyên truyền, giáo dục học sinh vào các tiết sinh hoạt chào cờ đầu tuần. Đồng thời, trong các buổi họp giao ban công tác chủ nhiệm hằng tuần, nhà trường đều chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm nắm tình hình học tập, nề nếp, trật tự, kỷ luật của lớp chủ nhiệm để kịp thời tuyên dương học sinh thực hiện tốt nội quy nhà trường;

nhắc nhở và có biện pháp giáo dục phù hợp đối với học sinh vi phạm. Phó hiệu trưởng phụ trách về chuyên môn giám sát và chỉ đạo các bộ phận đảm bảo quyền lợi cho học sinh theo đúng quy định.

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng thường xuyên động viên các tổ bộ môn chưa có học sinh giỏi cấp Thành phố Hồ Chí Minh tích cực tìm nguồn xây dựng đội tuyển, có nhiều giải pháp trong định hướng công tác bồi dưỡng học sinh giỏi đạt hiệu quả cao hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Điểm mạnh nổi bật:

Cán bộ quản lý đảm bảo về trình độ chuyên môn, chính trị và năng lực quản lý. Cán bộ, giáo viên nhà trường có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng. Tỷ lệ giáo viên chuẩn đào tạo đạt 100%. Nhân viên đạt trình độ chuyên môn theo yêu cầu của từng vị trí việc làm.

Tất cả học sinh của trường đều đảm bảo về độ tuổi theo quy định, 100% học sinh của trường được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật. Học sinh Trường Trung học cơ sở Hiệp Phú đa số rất ngoan, lễ phép, biết chào hỏi, kính trọng thầy cô giáo, cán bộ, nhân viên và khách đến trường; luôn đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; tự giác thực hiện tốt nội quy nhà trường và rất tích cực tham gia các hoạt động phong trào do nhà trường và các cấp tổ chức.

Điểm yếu cơ bản:

Trường thiếu nhân viên quản trị công sở và thiết bị, thí nghiệm.

Số lượng học sinh giỏi cấp Thành phố Hồ Chí Minh chưa nhiều.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/04.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường có khuôn viên kang trang, xanh, sạch, đẹp, thân thiện và an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. Cơ sở vật chất hiện đại và trang thiết bị dạy học theo các quy định hiện hành. Nhà trường đảm bảo sự riêng biệt với tường rào bao quanh, có cổng trường, biển tên trường. Sân chơi có đủ thiết bị đảm bảo an toàn và có nhà đa năng riêng để tập luyện thể dục thể thao. Nhà trường có đủ phòng học đảm bảo cho việc dạy học 02 buổi/ngày, có đủ các phòng học bộ môn và các phòng chức năng theo quy định. Khu để xe của nhà trường được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự. Trường có khu vệ sinh riêng cho nam, nữ giáo viên, nhân viên và học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường. Trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ tốt các hoạt động của nhà trường. Hằng năm, thư viện nhà trường đều được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục đáp ứng yêu cầu của thư viện thông minh,... đảm bảo phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học và các hoạt động khác của nhà trường.

Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

- a) *Vị trí đặt trường, điểm trường;*
- b) *Quy mô;*
- c) *Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình.*

1. Mô tả hiện trạng

a) Trường Trung học cơ sở Hiệp Phú được thành lập theo Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2019 của UBND Quận 9 và Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức về việc thành lập Trường Trung học cơ sở Hiệp Phú. Trường tọa lạc tại địa chỉ số 109A, đường Tân Lập 1, khu phố 12, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức.

Nhà trường chỉ có một điểm trường và chính thức đi vào hoạt động từ năm học 2019 - 2020 với 10 lớp 6, trường đã góp phần giảm tải cho các trường Trung học cơ sở lân cận, đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng tăng do sự gia tăng dân số trên địa bàn và đóng góp tích cực vào việc nâng cao chất lượng giáo dục của thành phố Thủ Đức [H3-3.1-01].

Trường được xây dựng với khuôn viên riêng biệt có 03 cổng ra vào, bao gồm 01 cổng chính và 02 cổng phụ. Khu đất của trường có vị trí thuận lợi với hướng Đông Bắc giáp đường dự phóng lộ quy hoạch 20 m, hướng Đông Nam giáp đường Tân Lập 2 lộ giới quy hoạch 16 m, hướng Tây Bắc giáp đường dự phóng lộ giới quy hoạch 13 m, hướng Tây Nam giáp với khu dân cư [H3-3.1-02]. Khu vực xung quanh trường được dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ thường xuyên; xử lý rác thải đúng quy định; khuôn viên trường trồng nhiều cây xanh, có nhiều tiểu cảnh tạo bầu không khí trong lành, thoáng mát cho học sinh. Trường được bảo vệ bởi hệ thống tường rào kiên cố và cổng trường chắc chắn. Đội ngũ nhân viên bảo vệ túc trực 24/7, đảm bảo an ninh, tạo môi trường giảng dạy và học tập an toàn, hiệu quả cho giáo viên và học sinh [H3-3.1-03].

Bắt đầu từ năm học 2023 - 2024, con đường trước cổng phụ số 03 của nhà trường đã được cải tạo khang trang với lớp nhựa mới sạch đẹp, vạch kẻ phân làn xe rõ ràng từ nguồn xã hội hoá giáo dục. Khu vực đậu xe của học sinh, giáo viên và khách đến trường được bố trí hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đến trường cũng như cha mẹ học sinh đưa đón con em một cách an toàn và thuận tiện hơn. Do con đường tại cổng phụ nhỏ hẹp nên nhà trường đã chủ động phối hợp với lực lượng bảo vệ khu phố phường Hiệp Phú cũng như phân công lực lượng đảng viên, đoàn viên giáo viên và nhân viên bảo vệ tích cực túc trực các buổi sáng chiều trong ngày để điều tiết, phân luồng giao thông đảm bảo an toàn cho học sinh và giảm tình trạng ùn tắc giao thông. Hai bên con đường dẫn vào trường được các đoàn viên Chi đoàn trang trí để tạo không gian, môi trường học đường thân thiện và truyền đạt các thông điệp ý nghĩa cho học sinh như: Bảo vệ môi trường, phân loại rác thải, xây dựng trường học hạnh phúc,... [H3-3.1-03]. Tuy nhiên, do vị trí trường nằm liền kề với

khu dân cư và những khó khăn trong việc hoàn thiện quy hoạch nên hiện tại trường chỉ có thể đưa vào sử dụng một công phụ số 03.

b) Trường Trung học cơ sở Hiệp Phú hoạt động với quy mô 45 lớp, thể hiện cụ thể qua các năm như sau [H3-3.1-04]:

Năm học	2019 – 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024
Số lớp	10	21	30	40	41
Số học sinh	386	805	1116	1488	1631
số học sinh/lớp	40	39	38	38	41

c) Trường Trung học cơ sở Hiệp Phú được xây dựng với tổng diện tích khu đất là 12.430,80 m² và tổng diện tích sàn xây dựng trường là 12.662,57 m² [H3-3.1-02]. Diện tích bình quân tính trên học sinh là 7,76 m²/học sinh.

Về khối phòng học tập

Phòng học: với số lượng phòng học là 45, diện tích mỗi phòng là 60 m² (đạt 1,50 m²/học sinh).

Phòng học bộ môn Âm nhạc: với số lượng là 01, diện tích mỗi phòng là 90 m² (đạt 2,25 m²/học sinh).

Phòng học bộ môn Mỹ thuật: với số lượng là 01, diện tích mỗi phòng là 90 m² (đạt 2,25 m²/học sinh).

Phòng học bộ môn Công nghệ: với số lượng là 01, diện tích mỗi phòng là 90 m² (đạt 2,25 m²/học sinh).

Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên: gồm 06 phòng trong đó có 02 phòng phân môn Vật lý, 02 phòng phân môn Hoá học, 02 phòng phân môn Sinh học. Diện tích mỗi phòng là 90 m² (đạt 2,25 m²/học sinh).

Phòng học bộ môn Tin học: với số lượng là 02, diện tích mỗi phòng là 90 m^2 (đạt $2,25 \text{ m}^2/\text{học sinh}$)

Phòng học bộ môn Ngoại ngữ: với số lượng là 01, diện tích mỗi phòng là 75 m^2 (đạt $1,88 \text{ m}^2/\text{học sinh}$).

Phòng đa chức năng: với số lượng là 01, diện tích phòng là $669,20 \text{ m}^2$ (đạt $2,23 \text{ m}^2/\text{học sinh}$).

Phòng bộ môn Khoa học xã hội: với số lượng là 01, diện tích phòng là 60 m^2 (đạt $1,50 \text{ m}^2/\text{học sinh}$).

Khối phòng hỗ trợ học tập

Thư viện: tổng diện tích 477 m^2 (đạt $0,97 \text{ m}^2/\text{học sinh}$ với quy mô tính từ 30% tổng số lượng học sinh toàn trường) trong đó 01 phòng đọc $381,6 \text{ m}^2$ (đạt $9,73 \text{ m}^2/\text{chỗ/lớp}$) và 01 kho sách $95,40 \text{ m}^2$.

Phòng thiết bị giáo dục: với số lượng là 01, diện tích phòng là $71,10 \text{ m}^2$.

Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hoà nhập: với số lượng là 01, diện tích phòng là $31,72 \text{ m}^2$.

Phòng Đoàn, Đội: với số lượng là 01, diện tích phòng là 45 m^2 (đạt $1,80 \text{ m}^2/\text{học sinh/lớp}$).

Phòng truyền thống: với số lượng là 01, diện tích phòng là $71,10 \text{ m}^2$.

Khối phụ trợ

Phòng họp: diện tích 90 m^2 (đạt $1,53 \text{ m}^2/\text{giáo viên}$)

Phòng các tổ chuyên môn: gồm 01 phòng Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý có diện tích 30 m^2 , 01 phòng Toán – Khoa học tự nhiên có diện tích 60 m^2 , 01 phòng tiếng Anh, Tin học có diện tích 30 m^2 .

Phòng y tế trường học: diện tích 30 m^2 .

Nhà kho: diện tích $55,80 \text{ m}^2$.

Khu để xe học sinh: diện tích $911,03 \text{ m}^2$ (đạt $1,12 \text{ m}^2/\text{học sinh}$)

Khu vệ sinh học sinh: diện tích 574,30 m² (đạt 0,35 m²/học sinh).

Phòng nghỉ giáo viên: có 04 phòng, mỗi phòng 30 m²

Phòng giáo viên: có 01 phòng, diện tích phòng là 90 m² (đạt 4,00 m²/giáo viên)

Khu sân chơi, thể dục thể thao

Sân trường: có diện tích 5380 m² (đạt 3,30 m²/học sinh).

Sân thể dục thể thao: có diện tích 550,73 m². (đạt 0,55 m²/học sinh).

Nhà đa năng: số lượng 01 có diện tích 554,58 m².

Khối phục vụ sinh hoạt

Nhà bếp: có diện tích 132,2 m² (đạt 0,80 m²/chỗ)

Kho bếp: có diện tích 12 m²

Nhà ăn: có diện tích 477 m² (đạt 0,80 m²/chỗ với quy mô 35% tổng số học sinh, giáo viên, nhân viên toàn trường).

Nhà ở nội trú: không có

Phòng quản lý học sinh: có diện tích 30 m².

Phòng sinh hoạt chung: với số lượng là 01, diện tích phòng là 669,20 m² (đạt 2,23 m²/học sinh).

2. Điểm mạnh

Trường được đặt tại trung tâm của thành phố Thủ Đức với quy mô diện tích đảm bảo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường được xây dựng với tường rào bao quanh kiên cố, có cổng trường, biển tên trường; có đầy đủ các phòng học đảm bảo cho việc dạy học 02 buổi/ngày; phòng học bộ môn và các phòng chức năng được trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy và học của giáo viên và học sinh cũng như các hoạt động khác của nhà trường. Khu để xe của học sinh và giáo viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự. Nhà trường có khu vệ sinh riêng cho nam nữ giáo viên, nhân viên và học sinh đảm bảo sạch sẽ, thông thoáng, không ô nhiễm môi trường.

3. Điểm yếu

Do vị trí trường nằm liền kề với khu dân cư và những khó khăn trong việc hoàn thiện quy hoạch nên hiện tại trường chỉ có thể đưa vào sử dụng một công phụ số 03.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 – 2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng nhà trường tiếp tục bám sát, tham mưu với các cấp lãnh đạo để kịp thời mở thêm công trường giảm thiểu tình trạng ùn tắc giao thông và đảm bảo cho lối thoát hiểm theo quy định.

5. Tự đánh giá: đạt.

Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1

- a) Khối phòng hành chính quản trị;
- b) Khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập;
- c) Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt

Mức 2

Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

- a) Khối phòng hành chính quản trị;
- b) Khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập;
- c) Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt.

Mức 3

Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

a) Khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập;

b) Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Phòng làm việc của hiệu trưởng có diện tích 30 m², nằm ở vị trí tầng 1 khu B, được trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng hiện đại như 01 bộ máy tính bàn, 01 máy in, 01 bàn làm việc, 01 bộ bàn tiếp khách, 03 ghế, 02 tủ hồ sơ, 01 laptop, 02 bảng mica, 01 nhà trường vệ sinh với diện tích 4,41 m² và các thiết bị khác cần thiết để phục vụ công tác quản lý, điều hành. Phòng có không gian đủ lớn để làm việc và tiếp đón khách [H3-3.1-02]; [H3-3.2-01]; [H1-1.6-07]; nhà trường có 02 phòng làm việc của phó hiệu trưởng với diện tích mỗi phòng là 30 m², có đầy đủ các thiết bị văn phòng như 02 máy tính bàn, 02 máy in laser A4, 02 bàn làm việc, 04 ghế xếp, 02 ghế xoay, 02 tủ hồ sơ, 02 bộ bàn ghế tiếp khách, 02 bảng formica và các thiết bị khác cần thiết để phục vụ công tác quản lý [H3-3.1-02].

Phòng văn thư, giáo vụ: có diện tích là 30m², nằm ở vị trí tầng trệt khu B có đầy đủ các thiết bị văn phòng như: 05 bàn làm việc, 01 bàn dài, 12 ghế xếp, 02 máy tính, 02 máy in, 01 máy photo, 01 bình nước, 05 tủ hồ sơ, 01 điện thoại bàn, 01 bảng formica [H3-3.2-01].

Phòng quản học sinh: có 01 hệ thống phát thanh học đường, 04 micro (02 micro có dây, 02 micro không dây, 01 chân micro đứng, 01 chân micro để bàn, 02 megaphone 10 W, 08 loa thùng 100 W, 08 bộ giá treo loa, 01 cái mixer 02 line, 01 cái ampli 600 W và các thiết bị hành chính khác để xử lý công việc quản lý và giao dịch hành chính [H3-3.1-02]; [H3-3.2-01]; [H1-1.6-07].

Phòng tài chính kế toán: có diện tích là 30 m², nằm ở vị trí tầng 01 khu B có đầy đủ các thiết bị Văn phòng như 04 bàn làm việc, 08 ghế xếp, 03 tủ hồ sơ, 02 bảng formica, 01 kệ ly uống nước, 02 máy vi tính, 02 máy in laser A4, 01 két sắt chống cháy, 01 bình nước nóng lạnh [H3-3.2-01].

Nhà trường có 02 phòng bảo vệ có tổng diện tích 33,28 m², được đặt tại 02 cổng số 01 và số 02 của trường để theo dõi và giám sát an ninh trường học. Mỗi phòng được trang bị các thiết bị như: 02 bàn làm việc, 04 ghế xếp, 02 tủ hồ sơ, 02 giường sắt cá nhân, 04 đèn pin, 04 máy bộ đàm và các công cụ khác phục vụ hiệu quả cho công tác có liên quan đến tổ bảo vệ phụ trách [H3-3.1-01]; [H1-1.6-07].

Nhà trường được thiết kế các khu vệ sinh dành cho giáo viên, cán bộ, nhân viên thuận tiện, hợp lí ở các tầng theo khu A, B và khu C. Mỗi tầng đều có 02 khu nhà trường vệ sinh nam, nữ riêng biệt, tổng diện tích của các khu vệ sinh là: 173.90 m². Mỗi nhà trường vệ sinh đều được trang bị đầy đủ các thiết bị như 06 bồn tiểu, 10 bồn xí, 09 bồn rửa tay; 02 quạt treo tường, 02 quạt hút, 6 khay đựng xà phòng, 04 hộp đựng giấy vệ sinh, cây xanh và các bảng biểu trang trí hài hoà, thân thiện. Các thiết bị vệ sinh được bảo trì thường xuyên, không gian trong từng nhà trường vệ sinh luôn được thông thoáng, sạch sẽ [H3-3.1-02]; [H1-1.6-07]; [H3-3.2-02].

Nhà trường có 01 khu để xe giáo viên, cán bộ, nhân viên với diện tích 202,16 m² có mái che để bảo vệ xe khỏi tác động của thời tiết. Trước khu để xe được trang bị hệ thống camera an ninh nhằm đảm bảo an toàn tài sản cho giáo viên, cán bộ, nhân viên. Khu vực để xe được trồng nhiều cây xanh xung quanh, có bảng tên cụ thể, sàn được kẻ vạch phân ô khoa học thuận tiện cho việc di chuyển xe ra vào. Không gian để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên hiện nay còn nhiều chật hẹp so với số lượng đội ngũ của nhà trường tăng dần theo từng năm học [H3-3.1-02]; [H1-1.6-07]; [H3-3.2-03].

b) Nhà trường được thiết kế 45 phòng học đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định. Mỗi phòng học đều có diện tích 60 m² và không gian đảm bảo ánh sáng cho tất cả học sinh. Mỗi phòng học được trang bị đầy đủ 20 bộ bàn ghế học sinh; 01 bàn giáo viên; 01 ghế xếp phù hợp với yêu cầu về kích thước, đảm bảo tính thoải mái cho người sử dụng; các thiết bị khác bao gồm 01 bảng phấn từ trượt, 16 bóng đèn chiếu sáng đạt tiêu chuẩn quy định, 04 quạt trần, 01 quạt treo tường, 01 tivi 42 inch hoặc 65 inch, 01 tủ hồ sơ lớp học và 01 hệ thống âm thanh chung của nhà trường để thông

tin đến từng lớp khi cần thiết. Phòng học được trang trí các bảng biểu, cây xanh tạo không gian lớp học thân thiện. Các dãy hành lang được trang bị hệ thống camera giám sát để đảm bảo an toàn trường học [H3-3.1-02]; [H1-1.6-07]; [H3-3.2-04].

Nhà trường có 15 phòng học bộ môn, được trang bị đầy đủ thiết bị để phục vụ cho việc giảng dạy các môn học chuyên sâu như Âm nhạc (01 phòng – 90 m²), Mỹ thuật (01 phòng - diện tích 90 m²), Công nghệ (01 phòng – 90 m²), Khoa học tự nhiên (06 phòng- 90 m²/phòng), Tin học (02 phòng – 90 m²/phòng), Ngoại ngữ (01 phòng – 75 m²), Giáo dục công dân, Lịch sử và Địa lí (01 phòng – 60 m²). Các phòng bộ môn này đều đảm bảo đủ chức năng và được trang bị đầy đủ thiết bị phù hợp với yêu cầu giảng dạy của từng môn học, cụ thể như: đàn organ, đàn ghi-ta cho bộ môn Âm nhạc, giá vẽ cho bộ môn Mỹ thuật, máy tính để bàn cho bộ môn Tin học,... Mỗi phòng đều có giáo viên phụ trách và xây dựng kế hoạch hoạt động phòng bộ môn đảm bảo theo quy định cũng như có nhiều hoạt động sáng tạo để phát huy năng lực của học sinh [H3-3.1-02]; [H1-1.6-07]; [H3-3.2-04] .

Nhà trường có 01 phòng thiết bị giáo dục diện tích 71,10 m², đảm bảo không gian rộng rãi để lưu trữ, bảo quản hồ sơ và toàn bộ thiết bị dạy học của nhà trường. Phòng được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho dạy và học của nhà trường như: 02 tủ lưu trữ hồ sơ; 01 bàn làm việc; 03 ghế xếp, 04 tủ đựng thiết bị, 02 bàn chuẩn bị, 05 kệ dụng cụ, 02 bảng formica và 02 giá treo tranh ảnh. Tất cả các dụng cụ, thiết bị trên được nhân viên phụ trách thiết bị sắp xếp khoa học, ngăn nắp, thuận tiện cho việc sử dụng, kiểm kê và bảo quản. Ngoài ra, phòng thiết bị còn là nơi trưng bày và lưu trữ các sản phẩm đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên và học sinh [H1-1.6-08]; [H1-1.6-07]; [H3-3.2-04];

Nhà trường có 01 phòng tư vấn học đường với diện tích 30 m² được đặt tại tầng 1 ở khu A. Phòng được trang bị với 04 bàn làm việc, 01 bàn dài, 10 ghế xếp, 02 tủ hồ sơ, 02 bảng formica, 01 kệ ly uống nước. Không gian phòng được trang trí các tranh ảnh, khẩu hiệu tích cực phù hợp với lứa tuổi và các chậu cây xanh tạo cảm giác thân thiện, thoải mái cho học sinh khi cần đến tư vấn [H1-1.10-12]; [H1-1.6-07].

Nhà trường có 01 phòng truyền thống với diện tích 71,10 m², được đặt tại tầng 1 khu D. Phòng được trang bị với 02 bàn họp, 30 ghế xếp, 02 tủ kệ trưng bày bằng khen, 01 tượng Bác Hồ, 01 máy chiếu. Ngoài ra, phòng truyền thống còn là nơi lưu trữ và trưng bày giấy khen, bằng khen, cờ thi đua, huy chương của nhà trường, góp phần giáo dục truyền thống, khơi dậy niềm tự hào và tinh thần phấn đấu trong tập thể sư phạm cũng như học sinh toàn trường [H1-1.2-08]; [H3-3.1-02]; [H1-1.6-07]; [H3-3.2-04].

Nhà trường có 01 phòng Đoàn, Đội với diện tích 30 m², được đặt tại tầng 3 khu B. Phòng được trang bị 01 bàn làm việc, 02 bàn dài, 19 ghế xếp, 04 tủ đựng hồ sơ, 01 tủ đựng trống kèn, 01 máy vi tính, 03 bộ trống, 14 kèn, 01 bộ cờ và 02 bảng formica. Ngoài ra phòng Đoàn, Đội còn được bổ sung thêm hình ảnh và tiểu sử các anh hùng liệt sỹ có công với đất nước. Bên cạnh đó, phòng còn là nơi tổ chức các buổi họp, triển khai kế hoạch, phong trào thi đua, sinh hoạt chi đoàn, liên đội [H1-1.3-03]; [H3-3.1-02]; [H3-3.2-04].

c) Nhà trường có 01 phòng họp diện tích là 90 m² được trang bị đầy đủ thiết bị như 01 bộ bàn họp, 80 ghế xếp, 02 tủ hồ sơ, 01 bình nước nóng lạnh, 01 máy chiếu, 01 màn chiếu, 01 hệ thống âm thanh và máy điều hoà. Ngoài ra, phòng họp được bố trí ngăn nắp, khoa học, phòng được trang bị các khẩu hiệu giáo dục, hình ảnh tập thể sư phạm nhà trường qua các năm, các chậu cây xanh tạo không gian thoáng mát, thân thiện để phục vụ cho các cuộc họp của toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường [H3-3.1-02]; [H1-1.6-07]; [H3-3.2-04].

Nhà trường có 03 phòng tổ chuyên môn có tổng diện tích 120m² được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, khẩu hiệu, hình ảnh, cây xanh tạo không gian thoải mái, gần gũi góp phần gắn kết các thành viên trong tổ cũng như nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn. Trong đó: phòng bộ môn Toán, Khoa học tự nhiên: có diện tích 60 m², được trang bị gồm 06 bàn làm việc, 50 ghế xếp, 03 tủ hồ sơ, 03 bảng formica, 01 kệ ly uống nước; phòng bộ môn Ngữ văn, Lịch sử - Địa lí, Giáo dục công dân: có diện tích 30 m², được trang bị với 06 bàn làm việc, 50 ghế xếp,

03 tủ hồ sơ, 03 bảng formica, 01 kệ ly uống nước; phòng bộ môn Anh, Tin học: có diện tích 30 m², 04 bàn làm việc, 30 ghế xếp, 02 tủ hồ sơ, 02 bảng formica, 01 kệ ly uống nước [H3-3.1-02]; [H1-1.6-07]; [H3-3.2-04].

Nhà trường có 01 phòng y tế diện tích 30 m² được trang bị đầy đủ các thiết bị y tế như: 01 bàn làm việc, 01 bàn chuẩn bị, 03 ghế xếp, 01 tủ thuốc, 04 giường sắt cá nhân, 01 kệ ly uống nước, 02 bộ dụng cụ y tế (dụng cụ dùng sơ cứu ban đầu gồm: Máy đo huyết áp, nhiệt kế, nẹp chi trên, chi dưới, băng thun, gạc, bông gòn, băng ca), 02 cân sức khỏe (có thước đo chiều cao), 01 bình nước nóng lạnh để hỗ trợ học sinh, cán bộ, giáo viên và nhân viên khi cần hỗ trợ các vấn đề về sức khỏe [H1-1.6 -11]; [H3-3.1-02]; [H1-1.6-07].

Nhà trường có 03 phòng kho tổng diện tích 55,80 m² dùng để chứa các dụng cụ chung của trường như: bàn ghế hư, các phòng nền đã sử dụng, dụng cụ vệ sinh, ống nước, dây điện, bóng đèn dự phòng,... Thiết bị trong các phòng kho gồm có 02 tủ đựng dụng cụ, 05 kệ dụng cụ [H3-3.1-02]; [H1-1.6-07]; [H3-3.2-05].

Nhà trường có 02 khu để xe học sinh với tổng diện tích 911,03 m² được bố trí ở tầng trệt khu B và C. Cả hai khu để xe đều có mái che kiên cố, camera giám sát, các khẩu hiệu tuyên truyền về an toàn giao thông, có bảng hướng dẫn khu vực để xe: xe đạp, xe đạp điện. Bên cạnh đó, khu nhà xe được trang trí thêm cây xanh hài hoà, mát mẻ và khu vực để xe riêng thuận tiện cho việc di chuyển của các em học sinh khuyết tật (gắn lối ra vào của nhà xe) [H3-3.1-02]; [H3-3.2-03]; [H3-3.2-06].

Nhà trường có 02 khu vệ sinh học sinh tổng diện tích 574,30 m² được bố trí hợp lý với nhà vệ sinh học sinh nam và nữ riêng biệt ở tất cả các tầng lầu, bảo đảm sự tiện lợi cho học sinh khi sử dụng, có bố trí riêng nhà vệ sinh cho học sinh khuyết tật sử dụng. Khu vệ sinh học sinh được trang bị đầy đủ các thiết bị với tổng số: 18 bồn tiểu, 54 bồn xí, 48 bồn rửa tay, 12 quạt treo tường, 12 quạt hút, 24 khay đựng xà phòng, 12 hộp đựng giấy vệ sinh đáp ứng nhu cầu sử dụng của học sinh. Bên cạnh đó, mỗi nhà vệ sinh còn được đầu tư hệ thống phát nhạc tự động, các chậu cây xanh và các bảng biểu trang trí hài hoà, thân thiện. Các thiết bị vệ sinh được

bảo trì thường xuyên, không gian trong từng nhà vệ sinh luôn được thông thoáng, sạch sẽ [H3-3.1-02]; [H1-1.6-07]; [H3-3.2-02].

Nhà trường có 03 cổng ra chắc chắn, trong đó cổng phụ số 03 được gắn biển tên trường kiên cố và các bảng biểu tuyên truyền xây dựng trường học hạnh phúc, an toàn giao thông,... Khuôn viên nhà trường được ngăn cách và bảo vệ bởi hệ thống tường rào kiên cố, an toàn [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

Nhà trường có 01 sân chung với tổng diện tích 554,58 m² để tổ chức các hoạt động cho học sinh toàn trường vui chơi. Sân trường được lát gạch bằng phẳng, có nhiều cây xanh tuy nhiên tán cây chưa đủ lớn để che mát sân trường [H3-3.1-03]; [H3-3.2-07].

Nhà trường có 01 sân thể dục, thể thao đủ rộng, đảm bảo an toàn cho các hoạt động thể dục thể thao của học sinh, có đầy đủ trang thiết bị vận động cho học sinh như: 120 thảm tập Aerobic, 03 bàn chơi bóng bàn sắt sơn tĩnh điện gấp gọn có bánh xe, 03 sân cầu lông, 01 sân bóng chuyền, 02 trụ bóng rổ, 01 hệ thống âm thanh được trang bị đầy đủ để đảm bảo việc tiếp nhận thông tin của học sinh khi tham gia các hoạt động [H3-3.1-02]; [H3-3.2-07].

Mức 2

a) Nhà trường được thiết kế xây dựng có 01 phòng làm việc riêng cho hiệu trưởng và 02 phòng làm việc riêng cho phó hiệu trưởng. Mỗi phòng được trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng hiện đại như 01 bộ máy tính bàn, 01 máy in, 01 bàn làm việc, 01 bộ bàn tiếp khách, 03 ghế, 02 tủ hồ sơ, 01 laptop, 02 bảng mica, có nhà vệ sinh riêng biệt đảm bảo cho hoạt động quản lý và điều hành của nhà trường [H3-3.1-02]; [H3-3.2-01]; [H1-1.6-07].

b) Nhà trường được thiết kế 45 phòng học đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định. Mỗi phòng học đều có diện tích 60 m² và không gian đảm bảo ánh sáng cho tất cả học sinh, có 15 phòng học bộ môn, được trang bị đầy đủ thiết bị để phục vụ cho việc giảng dạy các môn học chuyên sâu như Âm nhạc (01 phòng – 90 m²), Mỹ thuật (01 phòng - diện tích 90 m²), Công nghệ (01 phòng – 90 m²), Khoa học tự

nhiên (06 phòng- 90 m²/phòng), Tin học (02 phòng – 90 m²/phòng), Ngoại ngữ (01 phòng – 75 m²), Giáo dục công dân, Lịch sử và Địa lí (01 phòng – 60 m²). Thư viện nhà trường có diện tích 447 m² đảm bảo các tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định mức độ 01 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thư viện có không gian rộng rãi, yên tĩnh, đủ chỗ ngồi cho học sinh và giáo viên, trang bị đầy đủ các sách giáo khoa, sách tham khảo, tạp chí, báo và các tài liệu học tập khác, phòng đọc học sinh, kho sách, phòng đọc giáo viên. Ngoài ra nhà trường còn có 01 phòng thiết bị giáo dục diện tích 71,10 m², đảm bảo không gian rộng rãi để lưu trữ, bảo quản hồ sơ và toàn bộ thiết bị dạy học của nhà trường, 01 phòng tư vấn học đường với diện tích 30 m², có 01 phòng truyền thống với diện tích 71,10 m² và có 01 phòng Đoàn - Đội với diện tích 30 m² [H3-3.1-02]; [H3-3.2-04]; [H1-1.6-07].

c) Nhà trường có 01 phòng họp diện tích là 90 m² được trang bị đầy đủ thiết bị như 01 bộ bàn họp, 80 ghế xếp, 02 tủ hồ sơ, 01 bình nước nóng lạnh, 01 máy chiếu, 01 màn chiếu, 01 hệ thống âm thanh và máy điều hoà, có 03 phòng tổ chuyên môn có tổng diện tích 120 m² được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, khẩu hiệu, hình ảnh, cây xanh tạo không gian thoải mái, gần gũi góp phần gắn kết các thành viên trong tổ cũng như nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn, có 01 phòng y tế diện tích 30 m², có 03 phòng kho tổng diện tích 55,80 m² dùng để chứa các dụng cụ chung của trường, có 02 khu để xe học sinh với tổng diện tích 911,03 m² được bố trí ở tầng trệt khu B và C. Cả hai khu để xe đều có mái che kiên cố, camera giám sát, các khẩu hiệu tuyên truyền về an toàn giao thông, có bảng hướng dẫn khu vực để xe, có 02 khu vệ sinh học sinh tổng diện tích 574,30 m² được bố trí hợp lý với nhà trường vệ sinh học sinh nam và nữ riêng biệt ở tất cả các tầng lầu, bảo đảm sự tiện lợi cho học sinh khi sử dụng, có bố trí riêng nhà trường vệ sinh cho học sinh khuyết tật sử dụng. Nhà trường có 03 cổng ra chắc chắn, trong đó cổng phụ số 03 được gắn biển tên trường kiên cố và các bảng biểu tuyên truyền xây dựng trường học hạnh phúc, an toàn giao thông, có 01 sân chung với tổng diện tích,... có 01 sân thể dục, thể thao đủ rộng, đảm bảo an toàn cho các hoạt động thể dục thể thao của học sinh [H3-3.1-02]; [H3-3.2-04]; [H1-1.6-07]; [H3-3.2-07].

Mức 3

a) Nhà trường được thiết kế 45 phòng học đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định. Mỗi phòng học đều có diện tích 60 m^2 và không gian đảm bảo ánh sáng cho tất cả học sinh, có 15 phòng học bộ môn, được trang bị đầy đủ thiết bị để phục vụ cho việc giảng dạy các môn học chuyên sâu như Âm nhạc (01 phòng – 90 m^2), Mỹ thuật (01 phòng - diện tích 90 m^2), Công nghệ (01 phòng – 90 m^2), Khoa học tự nhiên (06 phòng- $90 \text{ m}^2/\text{phòng}$), Tin học (02 phòng – $90 \text{ m}^2/\text{phòng}$), Ngoại ngữ (01 phòng – 75 m^2), Giáo dục công dân, Lịch sử và Địa lí (01 phòng – 60 m^2). Có thư viện nhà trường có diện tích 447 m^2 đảm bảo các tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định mức độ 01 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thư viện có không gian rộng rãi, yên tĩnh, đủ chỗ ngồi cho học sinh và giáo viên, trang bị đầy đủ các sách giáo khoa, sách tham khảo, tạp chí, báo và các tài liệu học tập khác, phòng đọc học sinh, kho sách, phòng đọc giáo viên. Ngoài ra nhà trường còn có 01 phòng thiết bị giáo dục diện tích $71,10 \text{ m}^2$, đảm bảo không gian rộng rãi để lưu trữ, bảo quản hồ sơ và toàn bộ thiết bị dạy học của nhà trường, 01 phòng tư vấn học đường với diện tích 30 m^2 , có 01 phòng truyền thống với diện tích $71,10 \text{ m}^2$ và có 01 phòng Đoàn - Đội với diện tích 30 m^2 [H3-3.1-02]; [H3-3.2-04]; [H1-1.6-07]; [H1-1.6-10].

b) Nhà trường có 01 phòng họp diện tích là 90 m^2 được trang bị đầy đủ thiết bị như 01 bộ bàn họp, 80 ghế xếp, 02 tủ hồ sơ, 01 bình nước nóng lạnh, 01 máy chiếu, 01 màn chiếu, 01 hệ thống âm thanh và máy điều hoà, có 03 phòng tổ chuyên môn có tổng diện tích 120 m^2 được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, khẩu hiệu, hình ảnh, cây xanh tạo không gian thoải mái, gần gũi góp phần gắn kết các thành viên trong tổ cũng như nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn, có 01 phòng y tế diện tích 30 m^2 , có 03 phòng kho tổng diện tích $55,80 \text{ m}^2$ dùng để chứa các dụng cụ chung của trường, có 02 khu để xe học sinh với tổng diện tích $911,03 \text{ m}^2$ được bố trí ở tầng trệt khu B và C. Cả hai khu để xe đều có mái che kiên cố, camera giám sát, các khẩu hiệu tuyên truyền về an toàn giao thông, có bảng hướng dẫn khu vực để xe, có 02 khu vệ sinh học sinh tổng diện tích $574,30 \text{ m}^2$ được bố trí hợp lý với nhà trường vệ

sinh học sinh nam và nữ riêng biệt ở tất cả các tầng lầu, bảo đảm sự tiện lợi cho học sinh khi sử dụng, có bố trí riêng nhà vệ sinh cho học sinh khuyết tật sử dụng. Nhà trường có 03 cổng ra chắc chắn, trong đó cổng phụ số 03 được gắn biển tên trường kiên cố và các bảng biểu tuyên truyền xây dựng trường học hạnh phúc, an toàn giao thông, có 01 sân chung với tổng diện tích,... có 01 sân thể dục, thể thao đủ rộng, đảm bảo an toàn cho các hoạt động thể dục thể thao của học sinh [H1-1.6 -11]; [H3-3.1-02]; [H1-1.6-07]; [H3-3.2-04]; [H3-3.2-05]; [H3-3.2-06]; [H3-3.2-02]; [H3-3.1-03]; [H3-3.2-07]. Ngoài ra, nhà trường có 04 phòng nghỉ được đặt tại tầng 2 và 3 ở cuối mỗi dãy của khu A và B. Mỗi phòng có diện tích là 30 m² được trang bị 04 giường sắt cá nhân, 01 tủ đựng đồ, 01 bộ bàn ghế và 01 quạt trần. Phòng nghỉ là nơi dành cho giáo viên nghỉ ngơi để tái tạo lại sức lao động sau những giờ lên lớp. [H3-3.1-02]; [H1-1.6-07]; [H3-3.2-08]. Bên cạnh đó, trường còn có 01 phòng giáo viên được bố trí tại tầng trệt khu B. Phòng có diện tích là 60 m² được trang bị 02 phòng bàn dài, 60 ghế xếp, 03 dãy tủ để đựng tài liệu, 04 bàn dài được bố trí thành hai dãy và 02 quạt trần. Phòng giáo viên là nơi giáo viên sinh hoạt chung ở mỗi giờ ra chơi [H3-3.1-02]; [H1-1.6-07]; [H3-3.2-04].

2. Điểm mạnh

Phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, phòng khối hành chính và phòng bảo vệ đều được trang bị đầy đủ thiết bị, đảm bảo công tác quản lý và an ninh hiệu quả. Các phòng học đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng trang thiết bị như bàn ghế học sinh, bảng từ phấn, hệ thống chiếu sáng và quạt. Phòng học bộ môn có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy các môn học chuyên sâu như Âm nhạc, Mỹ thuật, Tin học, Ngoại ngữ, Thư viện, phòng Thiết bị giáo dục, phòng Truyền thống và phòng tư vấn học đường có đầy đủ trang bị cơ bản, đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu và hỗ trợ học sinh. Các phòng họp, tổ chuyên môn, phòng y tế và phòng kho đều đảm bảo công tác chuyên môn và sinh hoạt cho học sinh, giáo viên. Khu vực sân chơi, thể dục thể thao đáp ứng được yêu cầu cho các hoạt động ngoài giờ học.

3. Điểm yếu

Diện tích nhà xe giáo viên chưa đủ sức chứa so với số lượng cán bộ, giáo viên, nhân viên của đơn vị ngày càng đông.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 – 2025 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục đầu tư để khai thác hiệu quả cơ sở vật chất của các phòng chức năng cũng như không ngừng đầu tư các thiết bị dạy học hiện đại để bổ sung cho các khối phòng học tập và khối phòng hỗ trợ học tập. Đặc biệt là đầu tư thực hiện các công trình thể dục thể thao để tạo các khu sân chơi riêng biệt theo từng bộ môn.

Nhà trường xin chủ trương để mở rộng thêm khu vực nhà xe giáo viên, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của đội ngũ nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1:

a) Hệ thống cấp nước sạch; hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc và khu thu gom rác thải;

b) Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố;

c) Thiết bị dạy học.

Mức 2:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mức 3:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố đảm bảo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đã thực hiện hợp đồng với Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức cung cấp nước sạch đáp ứng được nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường. Đồng thời, nhà trường đã hợp đồng với cơ sở sản xuất nước tinh khiết Lives phục vụ nước uống sạch đạt tiêu chuẩn theo quy định. Nhà trường có hệ thống cấp thoát nước được bố trí đúng quy định, đảm bảo thoát hết nước không gây ứ đọng xung quanh trường, đảm bảo vệ sinh môi trường. Nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng và sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường [H1-1.10-06]; [H3-3.3-01].

Hệ thống cấp điện bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của nhà trường. Hệ thống cấp điện trong nhà trường được cấp điện từ các tuyến trung thế 22kV từ lưới điện địa phương tới. Toàn khu có 01 trạm hạ thế 22/0,4kV – 560kVA; các tủ phân phối tầng được cấp nguồn từ phân phối chính, các tủ phân phối tầng sẽ cấp nguồn cho toàn bộ các phụ tải tại mỗi tầng [H3-3.3-02].

Hệ thống phòng cháy, chữa cháy của nhà trường được trang bị đầy đủ theo quy định, đáp ứng tốt cho công tác phòng cháy chữa cháy tại đơn vị. Ở mỗi tầng lầu theo các khu A, B, C, D và các khu vực phòng chức năng nhà trường đều có đặt đèn chiếu sáng sự cố, bảng tiêu lệnh, các bình khí và bột để kịp thời chữa cháy khi có sự cố xảy ra. Đối với hệ thống còi báo động nhà trường cũng đặt theo dọc hành lang các khu vực. Định kỳ hằng tháng, nhà trường đều có kiểm tra các thiết bị phòng cháy chữa cháy để kịp thời bơm nạp, thay thế khi hết hạn sử dụng [H1-1.10-03].

Đối với hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị hỗ trợ kịp thời và hiệu quả như: điện thoại được đặt tại phòng giám thị, phòng văn thư để thuận tiện cho công tác liên lạc giữa học sinh và cha mẹ học sinh; kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường; phòng học thông minh

Google số, phòng tin học, các phòng học theo dãy lầu và khu vực đều có kết nối internet [H3-3.2-04]; [H3-3.3-03]; [H3-3.3-04].

Nhà trường ký hợp đồng với Hợp tác xã dịch vụ vệ sinh môi trường Nhơn Phú để thu gom rác thải sinh hoạt. Bộ phận thu gom rác và xử lý chất thải thực hiện hằng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường như: nhà trường bố trí đầy đủ các thùng rác có dán nhãn để học sinh phân loại rác hữu cơ và rác tái chế ở những địa điểm hợp lý cũng như kịp thời làm tốt công tác truyền thông về rèn kỹ năng phân loại rác, xử lý, sử dụng vật liệu tái chế. Riêng rác thải nguy hại nhà trường đã gửi Ủy ban nhân dân phường Hiệp Phú xử lý. Nhà trường thực hiện hợp đồng rác thải y tế với công ty trách nhiệm hữu hạn MTV môi trường đô thị Thành phố Hồ Chí Minh. Khu thu gom rác thải đã được bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường. Nhà trường có khu thu gom riêng các hóa chất độc hại, các chất thải thí nghiệm ở phòng thực hành theo phân môn Lí - Hóa - Sinh, khu thu gom rác thải được phân bổ theo từng dãy lầu và được bộ phận tạp vụ thu gom lại vị trí gần nhà xe giáo viên [H3-3.3-05]; [H3-3.3-06].

b) Nhà trường được xây dựng đầy đủ các hạng mục công trình kiên cố đạt 100% [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

c) Hằng năm, nhà trường đều thực hiện việc bổ sung, mua mới các thiết bị dạy học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường trang bị đồ dùng thực hành thí nghiệm theo Thông tư 38/2021/TT-BGDĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 30/12/2021 quy định về việc quản lý và sử dụng thiết bị dạy học trong các cơ sở giáo dục phổ thông đầy đủ và phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông 2018. Mỗi năm học, nhà trường đều xây dựng kế hoạch tổ chức hội thi làm đồ dùng dạy học để đáp ứng nhu cầu dạy và học hiệu quả trong từng bộ môn. Tuy nhiên, chất lượng một số đồ dùng dạy học chưa có chiều sâu cũng như chưa thể hiện sự sáng tạo, phong phú trong việc sử dụng hình ảnh trực quan để thu hút học sinh tham gia các hoạt động bộ môn [H1-1.6-08]; [H3-3.2-04].

Mức 2:

Nhà trường được thiết kế và xây dựng các hạng mục công trình kiên cố và mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tỷ lệ các công trình kiên cố đạt 100%. Tổng diện tích khu đất của nhà trường là 12,43080 m²; diện tích đất xây dựng trường là 12.110 m² [H3-3.1-02].

Diện tích xây dựng đạt chuẩn nhỏ hơn 45%, diện tích xây dựng sân vườn phù hợp và đảm bảo trên 30%; môi trường xung quanh trường được phủ nhiều mảng xanh như vườn Sinh vật của em, vườn Lan yêu thương, tiểu cảnh Đồng quê, Con đường sách, Công viên xanh và các dãy hành lang cây xanh các lớp. Nhà trường có khu sân chơi, sân thể dục thể thao rộng rãi, đảm bảo tiêu chuẩn diện tích xây dựng giao thông nội bộ trên 25% để giúp học sinh phát triển thể chất và phát huy năng khiếu của bản thân.

Nhà trường được đầu tư bê tông nhựa hoá các con đường giao thông nội bộ đảm bảo cho việc lưu thông an toàn, góp phần tạo sự khang trang cho môi trường học đường [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

Mức 3

Nhà trường có đầy đủ các hạng mục công trình kiên cố đảm bảo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đạt yêu cầu theo quy định cụ thể như sau:

Nhà trường có 15 phòng học bộ môn được xây kiên cố diện tích xây dựng <45% không có công trình dưới cấp IV. Các phòng chức năng được trang bị đầy đủ thiết bị để phục vụ cho việc giảng dạy các môn học chuyên sâu như Âm nhạc (01 phòng – 90 m²), Mỹ thuật (01 phòng - diện tích 90 m²), Công nghệ (01 phòng – 90 m²), Khoa học tự nhiên (06 phòng- 90 m²/phòng), Tin học (02 phòng – 90 m²/phòng), Ngoại ngữ (01 phòng – 75 m²), Giáo dục công dân, Lịch sử và Địa lí (01 phòng – 60 m²). Các phòng bộ môn này đều đảm bảo đủ chức năng và được trang bị đầy đủ thiết bị phù hợp với yêu cầu giảng dạy của từng môn học, cụ thể như: đàn organ, đàn ghi-ta cho bộ môn Âm nhạc, giá vẽ cho bộ môn Mỹ thuật, máy tính để bàn cho bộ môn Tin

học,... Mỗi phòng đều có giáo viên phụ trách và xây dựng kế hoạch hoạt động phòng bộ môn đảm bảo theo quy định cũng như có nhiều hoạt động sáng tạo để phát huy năng lực của học sinh. Thư viện nhà trường có diện tích 447 m² đảm bảo các tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định mức độ 01 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thư viện có không gian rộng rãi, yên tĩnh, đủ chỗ ngồi cho học sinh và giáo viên, trang bị đầy đủ các sách giáo khoa, sách tham khảo, tạp chí, báo và các tài liệu học tập khác. Thư viện được chia 03 phòng riêng biệt phục vụ cho nhu cầu tra cứu, đọc sách của cán bộ, giáo viên, nhân viên và các em học sinh. Thư viện được trang bị 3.320 bản sách tham khảo; 657 bản sách nghiệp vụ; 5.848 bản sách thiếu nhi; 614 bản sách giáo khoa, sách tham khảo đảm bảo đủ cho 5.45 bản/học sinh; 06 loại báo, tạp chí, mỗi tên 03 bản phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học và các hoạt động khác của nhà trường. Thư viện nhà trường được thiết kế theo mô hình thư viện thông minh với kết cấu cơ sở vật chất hiện đại, có tính thẩm mỹ cao để thu hút học sinh tham gia nhiều hoạt động, chuyên đề tại thư viện cụ thể như: có 06 máy tính để bàn được kết nối với hệ thống Internet; 06 máy tính bảng; 01 sân khấu; 01 màn hình Led mỗi học sinh được nhà trường cấp tài khoản riêng đảm bảo việc truy cập vào hệ thống học liệu số của nhà trường phục tốt cho việc nghiên cứu và học tập của học sinh. Ngoài ra, trường còn mở rộng thêm 01 khu vực đọc sách cho học sinh tại vị trí Con đường sách và góc Thư giãn với các đầu sách được thay đổi đa dạng, phong phú mỗi tháng 01 lần giúp học sinh có thêm nhiều không gian đọc sách cũng như thư giãn sau những giờ học trên lớp. Phòng đọc học sinh được trang bị gồm 100 ghế xếp, 04 tủ giới thiệu sách thư viện, 02 bảng formica, 08 kệ đựng sách, 02 giá để báo và tạp chí, 20 bàn đọc sách, 01 bàn thủ thư, 01 máy vi tính và 01 bình nước nóng lạnh. Kho sách gồm 20 kệ đựng sách, được bố trí khoa học thuận tiện cho việc tra cứu khi cần thiết. Phòng đọc giáo viên được trang bị gồm có 20 ghế xếp, 10 bàn đọc sách, 02 giá để báo và tạp chí. Đối với phòng đọc giáo viên, nhà trường còn thiết kế, trưng bày và bố trí không gian Văn hoá Hồ Chí Minh để thuận lợi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đến trải nghiệm và học tập về cuộc đời, sự nghiệp và tấm gương đạo đức của Bác.

Nhà trường có 01 phòng thiết bị giáo dục diện tích 71,10 m², đảm bảo không gian rộng rãi để lưu trữ, bảo quản hồ sơ và toàn bộ thiết bị dạy học của nhà trường. Phòng được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho dạy và học của nhà trường như: 02 tủ lưu trữ hồ sơ; 01 bàn làm việc; 03 ghế xếp, 04 tủ đựng thiết bị, 02 bàn chuẩn bị, 05 kệ dụng cụ, 02 bảng formica và 02 giá treo tranh ảnh.

Nhà trường có 01 phòng tư vấn học đường với diện tích 30 m² được đặt tại tầng 1 ở khu A. Phòng được trang bị với 04 bàn làm việc, 01 bàn dài, 10 ghế xếp, 02 tủ hồ sơ, 02 bảng formica, 01 kệ ly uống nước. Nhà trường có 01 phòng truyền thống với diện tích 71,10 m², được đặt tại tầng 1 khu D. Phòng được trang bị với 02 bàn họp, 30 ghế xếp, 02 tủ kệ trưng bày bằng khen, 01 tượng Bác Hồ, 01 máy chiếu. Ngoài ra, nhà trường còn có 01 phòng Đoàn - Đội với diện tích 30 m², được đặt tại tầng 3 khu B. Phòng được trang bị 01 bàn làm việc, 02 bàn dài, 19 ghế xếp, 04 tủ đựng hồ sơ, 01 tủ đựng trống kèn, 01 máy vi tính, 03 bộ trống, 14 kèn, 01 bộ cờ và 02 bảng formica. Nhà trường có 03 phòng sinh hoạt bộ môn gồm: phòng bộ môn Toán – Khoa học tự nhiên; Tiếng Anh – Tin học; Ngữ văn, Lịch sử - Địa lí với tổng diện tích là 120 m², được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, khẩu hiệu, hình ảnh, cây xanh tạo không gian thoải mái, gần gũi góp phần gắn kết các thành viên trong tổ cũng như nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn. Nhà trường có 01 sân chung với tổng diện tích 554,58 m² để tổ chức các hoạt động cho học sinh toàn trường vui chơi. Sân trường được lát gạch bằng phẳng, có nhiều cây xanh tuy nhiên tán cây chưa đủ lớn để che mát sân trường [H3-3.1-02]; [H3-3.2-04]; [H3-3.3-07].

2. Điểm mạnh

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình trong nhà trường kiên cố và nhà trường trang bị các thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đề ra.

Các phòng học và các phòng chức năng đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng trang thiết bị về bàn ghế học sinh, bảng lớp, hệ thống chiếu sáng và quạt. Phòng học bộ môn cơ bản đủ các trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy các môn học

chuyên sâu như: Âm nhạc, Mỹ thuật, Tin học, Ngoại ngữ. Thư viện, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và phòng tư vấn học đường có đầy đủ các trang thiết bị đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu và hỗ trợ học sinh. Các phòng họp, tổ chuyên môn, phòng y tế và phòng kho đều đảm bảo công tác chuyên môn và sinh hoạt cho học sinh, giáo viên. Khu vực sân chơi, thể dục thể thao đáp ứng được yêu cầu cho các hoạt động ngoài giờ học.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa được mở thêm lối đi vào trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Hiệu trưởng tiếp tục xây dựng các kế hoạch bổ sung kịp thời các thiết bị dạy học đảm bảo cho việc giảng dạy các bộ môn. Đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng các thiết bị cũng như nhắc nhở tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nâng cao ý thức giữ gìn tài sản chung của nhà trường.

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục bám sát việc tham mưu với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức quan tâm có giải pháp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện thi công mở thêm lối đi vào trường để giảm ùn tắc giao thông ở ngoài cổng và giúp trường có lối thoát hiểm an toàn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có đủ phòng học đảm bảo cho việc dạy học 02 buổi/ngày cho tất cả học sinh (1,4 m²/học sinh). Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn, có đủ các thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường theo quy định của Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT.

Hệ thống cấp nước sạch, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế.

Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị dạy học theo quy định. Hằng năm thực hiện kiểm kê, sửa chữa, bổ sung các thiết bị. Ở đó, các thiết bị dạy học được sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Nhà trường duy trì và thực hiện tốt các hội thi về làm đồ dùng dạy học góp phần đa dạng, phong phú thêm về chủng loại và đảm bảo chất lượng cho công tác giảng dạy của giáo viên.

Điểm yếu cơ bản: Nhà trường chưa được mở thêm lối đi vào trường.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/03.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội là sự phối hợp chặt chẽ giữa ba môi trường giáo dục. Để thực hiện tốt công tác giáo dục toàn diện cho học sinh, nhà trường đã tích cực tham mưu với các ban ngành, đoàn thể phối hợp cùng nhà trường. Trong những năm qua, nhà trường đã kiên trì thiết lập được mối quan hệ với gia đình và xã hội, nhờ vậy đã giúp nhà trường trong công tác quản lý học sinh, nâng cao chất lượng giáo dục.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật,

chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ban đại diện cha mẹ học sinh có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 6 của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT [H4-4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh trường xây dựng quy chế hoạt động theo từng năm học và làm việc cụ thể theo đúng Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT, phối hợp cùng nhà trường trong việc giáo dục, quản lý, chăm sóc con em. Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, lớp thường xuyên liên lạc với giáo viên chủ nhiệm trong việc giáo dục đạo đức học sinh, đặc biệt là học sinh có hoàn cảnh khó khăn [H4-4.1-01]. Hằng năm, nhà trường tổ chức đầy đủ các phiên họp định kỳ, đột xuất giữa nhà trường với cha mẹ học sinh, với Ban đại diện cha mẹ học sinh nhằm thông báo kết quả rèn luyện, học tập của học sinh và tiếp thu ý kiến đóng góp, giải quyết những kiến nghị về công tác quản lý, thống nhất biện pháp giáo dục học sinh [H1-1.10-07]; [H4-4.1-01].

c) Nhà trường luôn đồng hành, quan tâm tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, địa điểm để Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường sinh hoạt và tổ chức các hoạt động đúng tiến độ theo kế hoạch đã xây dựng từ đầu năm học [H4-4.1-01].

Mức 2:

Hàng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, lớp thường xuyên liên lạc với giáo viên chủ nhiệm trong việc giáo dục đạo đức học sinh, đặc biệt quan tâm công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường [H4-4.1-01]; [H1-1.10-07].

Mức 3:

Nhà trường đã chủ động tổ chức cuộc họp toàn thể cha mẹ học sinh, Ban đại diện cha mẹ học sinh theo định kỳ 01 năm 03 lần (đầu năm học, cuối học kỳ 1 và cuối học kỳ 2) và họp đột xuất; tiếp thu ý kiến của Ban đại diện cha mẹ học sinh về công tác quản lý, công tác giảng dạy của nhà trường, thống nhất các biện pháp phối hợp giáo dục học sinh và giúp lãnh đạo nhà trường giải quyết những kiến nghị của cha mẹ học sinh [H4-4.1-01].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp, trường được thành lập và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, phối hợp tốt với nhà trường trong công tác giáo dục học sinh.

Các thành viên trong Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình, năng nổ, luôn quan tâm đến chất lượng giáo dục của nhà trường và tích cực phối hợp hỗ trợ nhà trường trong công tác quản lý, giáo dục học sinh, thực hiện tốt công tác xã hội hóa, xây dựng xã hội học tập.

3. Điểm yếu

Thời gian tham gia các hoạt động sinh hoạt giáo dục học sinh của một số ít Ban đại diện cha mẹ học sinh còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 - 2025 và các năm tiếp theo, hiệu trưởng nhà trường bố trí thời gian hợp lý, linh hoạt và nâng cao chất lượng các cuộc họp để cha mẹ học

sinh tham gia góp ý trong các hoạt động giáo dục học sinh. Vận động một số thành viên trong Ban đại diện cha mẹ học sinh sắp xếp công việc, thời gian để tham gia đầy đủ hơn vào các hoạt động giáo dục học sinh của nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà trường nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong từng năm học, nhà trường căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị đã tham mưu với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, phòng Giáo dục và Đào tạo, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân phường Hiệp Phú để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường trong vận động học sinh ra lớp để đảm bảo công tác tuyển sinh và duy trì sĩ số góp phần nâng cao chất lượng giáo dục [H4-4.2-01]; [H1-1.5-02]; [H1-1.2-04]; [H1-1.1-05].

b) Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi tuyên truyền cho đội ngũ sư phạm, các em học sinh và cha mẹ học sinh để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước quy định của ngành, về mục tiêu, nội dung, kế hoạch giáo dục của nhà trường thông qua các buổi họp hội đồng, họp chi bộ, sinh hoạt đầu tuần, hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp, họp cha mẹ học sinh, sinh hoạt lớp [H4-4.2-01]; [H2-2.4-01]; [H4-4.2-02].

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh luôn được nhà trường quan tâm thực hiện. Hằng năm, hiệu trưởng nhà trường luôn chỉ đạo Công đoàn, Đoàn thanh niên, Liên đội phối hợp với Đoàn thanh niên phường Hiệp Phú tổ chức cho học sinh đi tham quan các khu di tích lịch sử (Khu Tưởng Niệm Liệt sĩ Ngã Ba Giồng, Di tích lịch sử Đền Bến Nọc,...). Qua đó đã giáo dục tốt học sinh về truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H4-4.2-03].

c) Hằng năm nhà trường đều có vận động mạnh thường quân trợ cấp học bổng cho học sinh khó khăn để động viên các em nỗ lực vươn lên trong học tập [H4-4.1-01]; [H4-4.2-04].

Mức 2:

a) Hiệu trưởng đã chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng kế hoạch

và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường như: hỗ trợ trong công tác tuyển sinh đầu cấp và vận động học sinh có nguy cơ bỏ học ra lớp, hỗ trợ nhà trường trong việc đảm bảo an ninh trật tự trước cổng trường [H1-1.5-02]; [H1-1.1-01]; [H4-4.2-05].

b) Chi đoàn và Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, địa phương trong việc giáo dục truyền thống lịch sử cho học sinh, xây dựng kế hoạch tham quan học tập, chăm sóc khu di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa ở địa phương; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương [H1-1.8-04].

Phối hợp với phòng Tư pháp, Công an thành phố Thủ Đức tuyên truyền về phòng chống tội phạm tuổi vị thành niên, quyền trẻ em; về thực hiện Luật Giao thông, về phòng chống HIV/AIDS, phòng chống ma túy; phối hợp với Trung tâm Y tế dự phòng tuyên truyền về phòng chống tác hại của thuốc lá [H2-2.4-02].

Mức 3:

Nhà trường hỗ trợ chính quyền địa phương tổ chức các hoạt động văn hóa, hoạt động giáo dục tại trường như tổ chức điểm bầu cử, tổ chức ngày Hội đại đoàn kết toàn dân tộc, điểm tiêm ngừa vaccine, điểm tổ chức các hoạt động thi vẽ tranh, cắm trại trong thời gian hè của Đoàn phường, Ủy ban nhân dân phường Hiệp Phú [H4-4.2-06].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng nhà trường đã tích cực chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện và hỗ trợ thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường. Thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường để thực hiện hiệu quả các mục tiêu giáo dục.

Công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân được nhà trường thực hiện đồng bộ và chặt chẽ để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử tại địa phương.

3. Điểm yếu

Việc tham gia chăm sóc di tích lịch sử tại địa phương chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong các năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục chủ động tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; tiếp tục huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Tăng cường công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp, trường được kiện toàn ngay từ đầu năm học, thực hiện tốt nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh đã góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục học sinh.

Nhà trường đã huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện, theo quy định của các tổ chức, cá nhân đặc biệt là Ban đại diện cha mẹ học sinh để xây dựng cơ sở vật chất; tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học; khen thưởng học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Sự tham gia và phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và cha mẹ học sinh đã góp phần đem lại hiệu quả cao cho các hoạt động dạy và học của nhà trường.

Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với Đảng ủy và chính quyền địa phương về kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của trường. Vì thế, nhà trường đã tranh thủ được sự lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, tranh thủ được sự quan tâm ủng hộ tinh thần, vật chất của các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội nghề nghiệp, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn để góp phần chăm lo cho sự nghiệp trồng người ngày một tốt hơn.

Điểm yếu cơ bản:

Thời gian tham gia các hoạt động sinh hoạt giáo dục học sinh của Ban đại diện cha mẹ học sinh còn hạn chế.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/02.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**Mở đầu:**

Trường Trung học cơ sở Hiệp Phú tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục. Sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học hiện đại, tích cực, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Nội dung giáo dục địa phương được thực hiện theo kế hoạch, phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp theo quy định, phù hợp với điều kiện của nhà trường với các hình thức phong phú và đạt kết quả thiết thực. Nhà trường luôn có kế hoạch định hướng giáo dục, hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của từng em học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương.

Kết quả học tập, rèn luyện, tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp Trung học cơ sở của học sinh luôn có nhiều chuyển biến tích cực, khả quan. Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển. Công tác định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. Chất lượng chung về kết quả học tập cũng như kết quả học sinh giỏi đạt giải cao các bộ môn trong các kỳ thi học sinh giỏi và các giải hoạt động phong trào, chuyên môn các cấp cũng như kết quả rèn luyện học sinh toàn trường luôn ổn định. Bên cạnh

đó, giáo dục thể chất, giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề đạt kết quả tốt, góp phần quan trọng thúc đẩy thành tích chung của nhà trường.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện kế hoạch giáo dục

Mức 1:

a) Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường đầy đủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của học sinh;

c) Tổ chức kiểm tra, rà soát đánh giá và điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhà trường theo khung kế hoạch thời gian năm học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Vào đầu năm học, căn cứ kế hoạch thời gian năm học của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục năm học, tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục theo Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông mới. Nội dung kế hoạch bám sát định hướng đổi mới giáo dục, chú trọng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. Kế hoạch bao gồm đầy đủ các nội dung: mục tiêu giáo dục, chương trình giảng dạy, thời khóa biểu, các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và giáo dục ngoài giờ lên lớp, kế hoạch bồi dưỡng giáo viên và các hoạt động hỗ trợ học sinh. Kế hoạch giáo dục có cấu trúc rõ ràng, có phần đánh giá nguồn lực, xác định lộ trình thực hiện và các chỉ số đo lường kết quả [H1-1.1-03]; [H1-1.6-03].

b) Các hoạt động giáo dục chính khóa và ngoại khóa đều được tổ chức đúng qui định, có sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo nhà trường, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chuyên môn và giáo viên trong tổ. Hệ thống văn bản, hồ sơ quản lý, giám sát việc thực hiện kế hoạch được lưu trữ đầy đủ, minh bạch. Nhà trường huy động tốt các nguồn lực từ giáo viên, cha mẹ học sinh, học sinh và cộng đồng trong việc góp ý và thực hiện kế hoạch. Hệ thống cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được rà soát, nâng cấp để đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục. Kế hoạch giáo dục được giám sát thường xuyên bởi ban lãnh đạo nhà trường và các tổ chuyên môn. Định kỳ tổ chức họp để đánh giá tiến độ, hiệu quả và điều chỉnh kịp thời. Nhà trường đã triển khai dạy học theo hướng linh hoạt, kết hợp giữa dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến, đáp ứng yêu cầu trong tình hình đổi mới hiện nay. Tổ chức các hình thức học tập nhóm, học tập liên môn và các buổi sinh hoạt chuyên đề để tăng cường tính gắn kết và thực tiễn trong học tập. Giáo viên của trường vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực; kỹ thuật dạy học theo dự án; dạy học theo định hướng giáo dục STEM,... để tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện của nhà trường. Qua đó, học sinh

được bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Học sinh được khuyến khích tự tìm kiếm, phân tích và trình bày kiến thức thông qua các hoạt động nhóm, bài thuyết trình và dự án học tập. Nhà trường tổ chức các chương trình như: câu lạc bộ học thuật, các cuộc thi học sinh giỏi và các hoạt động ngoại khóa để học sinh phát huy năng lực sáng tạo, tư duy phản biện. Giáo viên đóng vai trò hướng dẫn, hỗ trợ, tạo môi trường học tập thân thiện, khuyến khích sự hứng thú và tự giác của học sinh trong các hoạt động học tập [H1-1.8-06]; [H1-1.8-07]; [H1-1.8-09]; [H1-1.8-10]; [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03].

c) Nhà trường thực hiện kiểm tra, đánh giá học sinh đúng theo quy định. Các hình thức kiểm tra đa dạng, nội dung kiểm tra đảm bảo tính chính xác, theo tiến độ bài học và sát với yêu cầu cần đạt của chương trình, tăng cường các câu hỏi vận dụng, liên hệ thực tiễn. Từ đó, giúp học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập, giáo dục học sinh học tốt tất cả các môn. Nhà trường đã thành lập ban chỉ đạo về kiểm tra, đánh giá và rà soát kế hoạch giáo dục, gồm cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn và tổ trưởng công đoàn. Việc kiểm tra, rà soát được thực hiện định kỳ theo các mốc thời gian cụ thể như: giữa học kỳ I, cuối học kỳ I, giữa học kỳ II, cuối học kỳ II và kiểm tra lại. Nội dung kiểm tra bao gồm: tiến độ thực hiện kế hoạch giáo dục, mức độ hoàn thành các mục tiêu đề ra và tính phù hợp với thực tiễn. Sử dụng các công cụ như báo cáo chuyên môn, phiếu khảo sát ý kiến giáo viên, học sinh và quan sát thực tế để đánh giá toàn diện. Các chỉ số đánh giá dựa trên tỷ lệ hoàn thành chương trình, mức độ đạt được các mục tiêu giáo dục, hiệu quả của các hoạt động dạy học và giáo dục hỗ trợ. Nhà trường kịp thời điều chỉnh, bổ sung kế hoạch giáo dục khi có yêu cầu từ cấp trên hoặc phát hiện các vấn đề bất cập trong quá trình thực hiện. Việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch giáo dục nhà trường được thực hiện theo quy trình như sau: họp phân tích thực trạng, đề xuất phương án thay đổi, thông qua Hội đồng trường trước khi triển khai đến toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường. Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung được thông báo kịp thời đến cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh để đảm bảo phối hợp thực hiện hiệu quả.

Nhà trường duy trì các buổi họp chuyên môn định kỳ để tổng hợp kết quả kiểm tra, rà soát và rút kinh nghiệm cho năm học tiếp theo. Các giải pháp cải tiến tập trung vào việc nâng cao hiệu quả dạy học, tối ưu hóa các hoạt động giáo dục và phù hợp hơn với nhu cầu của học sinh, điều kiện của địa phương [H1-1.1-07]; [H1-1.2-01]; [H5-5.1-04]; [H5-5.1-05].

Mức 2:

a) Nhà trường đã thực hiện thời gian thực học đúng chương trình, kế hoạch giáo dục đúng quy định 35 tuần/năm học. Kế hoạch giảng dạy có nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức được lựa chọn phù hợp với từng đối tượng học sinh. Nhà trường đã thực hiện chương trình theo chuẩn kiến thức kỹ năng, chương trình giảm tải theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Định kỳ, cán bộ quản lý kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của giáo viên qua sổ đầu bài, kế hoạch giáo dục của giáo viên, dự giờ và qua kiểm tra tập của học sinh để đảm bảo thực hiện đúng chương trình. Hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng chuyên môn và các tổ trưởng chuyên môn thực hiện linh hoạt chương trình giảng dạy, lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức học sinh thông qua các hoạt động góp ý dự giờ của cán bộ quản lý; tổ chuyên môn, họp hội đồng sư phạm [H1-1.4-03]; [H1-1.4-08]; [H1-1.8-01]; [H5-5.1-03].

b) Vào đầu năm học, thông qua kết quả năm học trước, giáo viên các tổ bộ môn căn cứ trên năng lực học tập của học sinh để lập danh sách đội tuyển bồi dưỡng học sinh giỏi ở các bộ môn theo kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi của nhà trường. Chính vì vậy, nhà trường luôn có học sinh đạt giải trong các cuộc thi học sinh giỏi cấp thành phố Thủ Đức và Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, để giảm số lượng học sinh yếu kém bộ môn, giáo viên căn cứ trên kết quả đánh giá học tập của học sinh và lập danh sách những học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện để xây dựng nội dung phụ đạo phù hợp theo kế hoạch phụ đạo học sinh chưa đạt/yếu của nhà trường [H1-1.2-07]; [H1-1.8-05]; [H2-2.4-04]; [H5-5.1-04].

Mức 3:

Trong năm học, nhà trường thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục thông qua kết quả các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ. Đối với học sinh chưa đạt/yếu, khó khăn trong học tập thông qua bài kiểm tra thường xuyên, giáo viên quan tâm, hỗ trợ thêm các em; đối với học sinh giỏi/tốt nhà trường tổ chức khảo sát năng lực qua các đợt tuyển chọn đội tuyển tham gia các kì thi học sinh giỏi nhằm nâng cao chất lượng của học sinh.

Hằng năm, nhà trường tổ chức các hội thi giáo viên giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi theo tiêu chí đánh giá của Bộ Giáo dục theo Thông tư 22/2019/TT-BGDĐT quy định về Hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi. Qua đó, nhà trường đánh giá và điều chỉnh kế hoạch thực hiện nhiệm vụ nếu cần thiết. Tuy nhiên, do đội ngũ giáo viên còn trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm nên chất lượng giảng dạy một số môn chưa cao [H1-1.7-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn có số lượng học sinh đạt giải trong các cuộc thi học sinh giỏi cấp thành phố Thủ Đức và Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời số lượng học sinh chưa đạt/yếu cũng đã giảm đáng kể theo từng năm học.

Nhà trường luôn có số lượng học sinh đạt thành tích cao trong các giải phong trào thể dục thể thao, văn nghệ cấp thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và cấp Quốc gia.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên còn trẻ, mới ra trường chưa có nhiều kinh nghiệm nên chất lượng giảng dạy một vài môn chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 - 2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn tiếp tục đẩy mạnh việc sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài

học và thực hiện có hiệu quả việc sinh hoạt chuyên môn liên trường. Đồng thời, hiệu trưởng chỉ đạo kịp thời các giáo viên được phân công hướng dẫn tập sự xây dựng nội dung bài dạy, áp dụng các phương pháp, hình thức giảng dạy tích cực vào các bài giảng cụ thể hơn góp phần nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho các giáo viên mới ra trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường căn cứ vào kết quả học tập để tổ chức rà soát, phân loại học lực học sinh, xây dựng kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H1-1.1-03]; [H2-2.4-04]; [H4-4.2-02]; [H5-5.2-01].

b) Ngay từ đầu năm học, giáo viên chủ nhiệm căn cứ vào sơ yếu lý lịch và kết quả học tập ở năm học trước của học sinh để nắm bắt hoàn cảnh từng học sinh trong lớp, kiến nghị với nhà trường cũng như tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch phân công giáo viên bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện nhằm đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Trong các tiết dạy, nhà trường yêu cầu giáo viên chú ý phương pháp dạy học theo cá thể hóa, tăng cường việc luyện tập củng cố kiến thức theo yêu cầu và khả năng học tập của từng đối tượng học sinh. Ngay từ đầu năm, nhà trường đã quan tâm tổ chức các lớp bồi dưỡng học sinh học tập tốt/giỏi và các lớp phụ đạo học sinh chưa đạt/yếu, nhất là các lớp bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 9 dự thi cấp thành phố Thủ Đức và Thành phố Hồ Chí Minh [H1-1.8-05].

c) Giáo viên bộ môn và giáo viên chủ nhiệm thường xuyên phối hợp với cha mẹ học sinh và báo cáo hiệu trưởng kết quả học tập, rèn luyện của những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện để từ đó có hỗ trợ, khen thưởng, động viên học sinh kịp thời. Hằng tháng, nhà trường đều có tổ chức kiểm tra, đánh giá để kịp thời biểu dương học sinh, tổ chức sơ kết, đánh giá rút kinh nghiệm dựa trên kết quả học tập của học sinh để đưa ra các biện pháp hữu hiệu giúp đỡ học sinh chưa đạt/yếu và bồi dưỡng học sinh học tập tốt/giỏi của nhà trường [H1-1.8-05]; [H5-5.1-04]; [H1-1.6-14].

Mức 2:

Nhà trường thường xuyên quan tâm đến các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn để tạo điều kiện giúp đỡ các em thông qua trao tặng các suất học bổng, miễn giảm học phí, tặng thẻ bảo hiểm y tế,... Bên cạnh đó, nhà trường cũng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện để nâng cao chất giáo dục tại đơn vị. Chính vì thế, kết quả giáo dục của học sinh chưa đạt/yếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đủ điều kiện lên lớp cũng như học sinh có năng khiếu tích cực học tập đạt kết quả cao

trong các hội thi, đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục từng năm học của nhà trường [H1-1.1-03]; [H1-1.8-05]; [H4-4.2-02].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường có nhiều học sinh năng khiếu về các môn học, thể dục thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận [H1-1.2-07]; [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

Hằng năm, trường có học sinh tham gia dự thi các môn học và đạt nhiều thành tích cấp thành phố Thủ Đức, cấp Thành phố Hồ Chí Minh cụ thể như sau:

Năm học	Kết quả đạt giải học sinh giỏi cấp thành phố Thủ Đức, cấp Thành phố Hồ Chí Minh các môn học
2019 - 2020	- Nhà trường có 05 học sinh giỏi trong kì thi Lương Thế Vinh cấp Thành phố Thủ Đức gồm: môn Tiếng Anh 02 em, môn Ngữ văn 01 em và môn Toán 01 em.
2020 - 2021	- Nhà trường có 17 giải Olympic tháng 4 cấp Thành phố Hồ Chí Minh gồm: 03 huy chương vàng, 04 huy chương bạc và 10 huy chương đồng.
2021 - 2022	- Nhà trường có 63 học sinh giỏi cấp Thành phố Thủ Đức gồm: môn Hoá 06 em, môn Vật lí 03 em, môn Tiếng Anh 23 em, môn Ngữ văn 13 em và môn Toán 18 em.
2022 - 2023	- Nhà trường có 98 học sinh giỏi cấp thành phố Thủ Đức gồm: môn Hoá 08 em, môn Vật lí 09 em, môn Khoa học tự nhiên 11 em, môn Tiếng Anh 33 em, môn Ngữ văn 24 em, môn Toán 36 em, môn Địa lí 06 em, môn Tin 03 em, Máy tính cầm tay 02 em; có 04 học sinh giỏi cấp Thành phố Hồ Chí Minh gồm: môn Tiếng Anh 03 em và môn Hoá 01 em.

2023 - 2024	- Nhà trường có 119 học sinh giỏi cấp Thành phố Thủ Đức gồm: môn Khoa học tự nhiên 06 em, môn Toán 43 em, môn Ngữ văn 16 em, môn Tiếng Anh 35 em, môn Vật lí 03 em, môn Hoá 02 em, môn Tin học 03 em, môn Lịch sử 01 em, môn Địa lí 05 em, Máy tính cầm tay 05 em; có 03 học sinh giỏi cấp Thành phố Hồ Chí Minh gồm: môn Tin 01 em, môn Hóa 01 em và môn Tiếng Anh 01 em.
-------------	--

Kết quả học sinh tham gia các phong trào thể dục thể thao, khéo tay kỹ thuật, nét vẽ xanh ở từng năm học:

Phong trào thể dục thể thao

Cấp thành phố Thủ Đức

Năm học	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng	16	27	0	06	46

Cấp Thành phố Hồ Chí Minh

Năm học	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng	01	02	01	04	03

Cấp Quốc gia

Năm học	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng	01	00	00	00	01

Khéo tay kỹ thuật

Cấp Thành phố Hồ Chí Minh

Năm học	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng	00	00	01	00	01

Nét vẽ xanh

Cấp thành phố Thủ Đức (cấp Quận 9)

Năm học	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng	00	02	00	00	00

Cấp Thành phố Hồ Chí Minh

Năm học	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng	00	01	01	00	00

Tuy nhiên, số lượng học sinh giỏi các môn khéo tay kỹ thuật, nét vẽ xanh cấp Thành phố Hồ Chí Minh chưa cao.

2. Điểm mạnh

Phong trào học sinh giỏi và các hoạt động thể dục thể thao được duy trì và phát triển qua từng năm học. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện giúp các em tự tin làm chủ kiến thức và biết vượt lên trên hoàn cảnh của mình.

Nhà trường có học sinh đạt giải cao ở các cấp trong nhiều cuộc thi về năng khiếu, các môn văn hóa, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền công nhận.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh giỏi cấp Thành phố Hồ Chí Minh, học sinh đạt nét vẽ xanh, khéo tay kỹ thuật chưa nhiều và chưa đồng đều giữa các bộ môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 - 2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng xây dựng kế hoạch dạy phụ đạo, kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi cho học sinh các môn Ngữ văn, Toán, tiếng Anh, Khoa học tự nhiên, Lịch sử & Địa lý,

Tin học, Máy tính cầm tay ở tất cả các khối và các câu lạc bộ. Các tổ bộ môn tiếp tục tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn của nhà trường. Tăng cường công tác đánh giá, rút kinh nghiệm qua từng đợt dạy bồi dưỡng học sinh giỏi của giáo viên, chú trọng phân tích những nội dung chưa đạt hiệu quả để định hướng cho quá trình bồi dưỡng học sinh giỏi tốt hơn, đạt được số học sinh giỏi nhiều hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 2:

Nhà trường đảm bảo nội dung giáo dục địa phương gắn lý luận với thực tiễn như: giáo dục học sinh việc bảo vệ, giữ gìn và phát huy giá trị di tích lịch sử, văn hóa, địa lí Thành phố Hồ Chí Minh, lồng ghép trong các tiết học môn Ngữ văn, Lịch sử - Địa lí, Giáo dục công dân và các môn khác theo phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời, thực hiện nghiêm túc chương trình môn giáo dục địa phương (Chương trình Giáo dục phổ thông 2018) theo tài liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Trong giảng dạy bộ môn giáo dục địa phương trên lớp, giáo viên tổ chức đa dạng các hoạt động học tập cho học sinh tìm hiểu như: Thiết kế trang phục truyền thống, cách chế biến và quảng bá các món ăn ngon, cách bảo vệ và phát huy ngôn ngữ địa phương, hướng dẫn viên du lịch tại các danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên ở địa phương; vai trò của giao thông đối với sự phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh,... Bên cạnh đó, nhà trường thường xuyên tổ chức cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử tại địa phương như: đền Bến Nọc, Đình Phong Phú, Căn cứ Vùng bùng 6 xã, Bót dây thép, Đền Hùng, Bến Nhà trường Rông,... nhằm giúp các em hiểu biết sâu sắc hơn về mảnh đất, con người,

truyền thống đấu tranh và những di tích lịch sử văn hóa nổi tiếng của thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức cho các em học sinh học tập tại Khu Công nghệ cao để tìm hiểu về các ngành nghề, giá trị kinh tế của thành phố Thủ Đức. Tuy nhiên, tài liệu chưa nhiều nên việc tổ chức các hoạt động giáo dục chưa đi vào chiều sâu và hiệu quả chưa cao [H1-1.8-04]; [H5-5.3-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch và nghiêm túc triển khai chương trình giáo dục địa phương theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các nội dung giáo dục địa phương của nhà trường được thực hiện đầy đủ, đảm bảo phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn. Giáo dục về lịch sử, văn hóa, địa lí, kinh tế - xã hội của địa phương đã bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương và lòng tự hào về địa phương.

Giáo viên được phân công giảng dạy môn Giáo dục địa phương nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt việc giảng dạy, tận tình hướng dẫn học sinh nghiên cứu, sưu tầm tư liệu, liên quan đến lịch sử, văn hóa địa phương.

3. Điểm yếu

Nội dung chương trình giáo dục địa phương còn mới nên chưa nhiều tài liệu tham khảo để tổ chức các hoạt động đi vào chiều sâu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 - 2025 và những năm tiếp theo, ban lãnh đạo nhà trường trường tiếp tục yêu cầu giáo viên tăng cường việc hướng dẫn học sinh sưu tầm các tư liệu, tranh ảnh, bản đồ về địa phương sao cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn, để nâng cao chất lượng, hiệu quả trong từng bài dạy giáo dục địa phương theo đúng với những yêu cầu cần đạt đã được quy định trong chương trình giáo dục địa phương.

Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên giảng dạy chương trình Giáo dục địa phương tiếp tục xây dựng kế hoạch cần có sự cập nhật, bổ sung tư liệu liên tục nhằm xây

dựng kho học liệu số cho giáo viên và học sinh có điều kiện đọc, tìm hiểu, nghiên cứu để việc dạy và học chương trình địa phương đạt hiệu quả cao hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 2:

a) Hằng năm nhà trường đã tổ chức các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp với nhiều hình thức đa dạng, phong phú theo kế hoạch được xây dựng ngay từ đầu năm học như: học tập các tiết học tại phòng Thực hành - Thí nghiệm, tiết học tại thư viện thông minh, tiết học tại phòng tích hợp sử dụng bảng tương tác, tiết học tại sân trường, vườn sinh vật, tiết học tiếng Anh với người nước ngoài, tin học quốc tế, kỹ năng sống, các tiết học câu lạc bộ (Toán – STEM, STEM – Khoa học tự nhiên, văn học, tiếng Anh, pháp luật, em yêu an toàn giao thông, em là Bác sĩ tương lai, nhiếp ảnh,...). Các buổi tư vấn hướng nghiệp được tổ chức theo định hướng trải nghiệm, sáng tạo cho các em học sinh. Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức các tiết học ngoài nhà trường như tổ chức cho học sinh đi tham gia học tập ngoại khóa tại khu di tích đền Bến Nọc, Bến Nhà Rồng, khu di tích lịch sử cấp quốc gia Ngã Ba Giồng, khu di tích Chiến khu D; tham gia học tập ngoại khóa tại Đà Lạt, các hội thảo về STEM - Robot, học tập các chuyên đề tại đường sách thành phố Thủ Đức [H1-1.8-03]; [H1-1.8-04]; [H4-4.2-03].

Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp được nhà trường phối hợp với các trường trung cấp, cao đẳng nghề để tổ chức các buổi tư vấn và giới thiệu các ngành nghề

cho các em học sinh theo chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh nhằm giúp cho các em học sinh có được định hướng nghề cho bản thân sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở. Bên cạnh đó, học sinh sẽ dễ dàng hiểu được yêu cầu của mỗi ngành nghề. Đồng thời, các em sẽ căn cứ vào năng lực học tập của bản thân để chủ động đưa ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp để giúp ổn định cuộc sống và phát triển mình trong tương lai [H1-1.8-03]; [H1-1.8-04].

b) Định kỳ vào cuối mỗi năm học, nhà trường đều có tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giáo dục của trường, trong đó có đánh giá việc tổ chức thực hiện các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm và hướng nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị để đạt được mục tiêu giáo dục đã đề ra. Tuy nhiên, số lượng học sinh tham gia các hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường chưa đầy đủ do điều kiện kinh tế gia đình của từng học sinh [H1-1.1-05]; [H5-5.4-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức được các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp theo quy định, phù hợp với điều kiện của nhà trường. Các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp phong phú, đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, của đơn vị và đem lại hiệu quả thiết thực.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh tham gia các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp ngoài nhà trường chưa đầy đủ do điều kiện kinh tế gia đình của học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 - 2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo phó hiệu trưởng và các tổ chuyên môn tổ chức các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp với nhiều hình thức đa dạng, phong phú hơn nữa để thu hút học sinh tham gia nhiều hơn. Ngoài ra, qua các cuộc vận động nuôi heo đất, góp yêu thương sẽ chia hạnh phúc, hội khuyến học của nhà trường giúp đỡ các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn tham gia các chuyên học tập trải nghiệm và hướng nghiệp được tổ chức ngoài nhà trường đầy đủ hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 2:

a) *Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;*

b) *Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.*

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 2:

a) Ngay từ đầu năm học, hiệu trưởng đã triển khai cho học sinh về Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh Trung học cơ sở, ban hành kèm theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 08 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời, nhà trường cũng kịp thời thông tin đến cha mẹ học sinh và học sinh các hành vi học sinh không được làm được ban hành kèm theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đến cuối học kỳ, cuối năm học, giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn học sinh cách biết tự đánh giá kết quả học tập, rèn luyện như: nhận xét bài làm, sản phẩm học tập lẫn nhau; biết cách tính điểm trung bình từng môn, trung bình học kỳ và cả năm; biết cách xếp loại học tập và rèn luyện của mình, của bạn theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT, Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT, Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT. Từ đó học sinh có mục tiêu học tập rõ ràng hơn [H1-1.5-02]; [H1-1.5-04]; [H5-5.5-01].

b) Nhà trường chú trọng việc nâng cao khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh thông qua việc giáo dục kỹ năng sống kết hợp với các hoạt động thực tế, thực hành trải nghiệm sáng tạo. Những nội dung mà nhà trường đã tập trung giáo dục cho học sinh gồm: giáo dục kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, kỹ năng xây dựng tình bạn đẹp – phòng chống bạo lực học đường, kỹ năng tự vệ và phòng chống bị xâm hại, kỹ năng phòng chống các dịch bệnh, kỹ năng an toàn giao thông, kỹ năng an toàn không gian mạng,... Cụ thể, nhà trường tổ chức nhiều hoạt động phong phú, đa dạng như: hội thi kể chuyện Bác Hồ, Rung chuông vàng, Hùng biện tiếng Anh, trò chơi dân gian, hội thao học sinh, hoạt động “Ngày chủ nhật xanh”, hoạt động 30 phút vì sân trường không rác, phong trào nuôi heo đất, góp yêu thương sẻ chia hạnh phúc, tuyên truyền phòng chống đuối nước, an toàn giao thông, xây dựng tình bạn đẹp, hành trình đi về Địa chỉ đỏ, tuyên truyền - tư vấn sức khoẻ giới tính vị thành niên, phòng chống HIV/AIDS,... Những hoạt động nhà trường đã tổ chức giúp cho học sinh thực hành các kỹ năng sống và rèn luyện thói quen ứng xử văn hoá, tình yêu quê hương, đất nước, tinh thần đoàn kết và ý thức trách nhiệm cộng đồng. Qua đó, học sinh đã có sự chuyển biến tích cực về thực hiện tốt nội quy nhà trường, an toàn giao thông và từng bước vận dụng được các kiến thức vào thực tiễn cuộc sống [H1-1.3-03]; [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03]; [H5-5.5-02]; [H5-5.5-03].

Mức 3:

Trong các tiết học các môn, giáo viên nhà trường thường xuyên tổ chức các dự án học tập, các chủ đề giáo dục STEM,... để giúp học sinh vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Các tổ chuyên môn hợp triển khai các nội dung giảng dạy theo hướng nghiên cứu bài học, tập trung vào việc đẩy mạnh khả năng nghiên cứu khoa học cho học sinh. Giáo viên đóng vai trò là người hướng dẫn, giải đáp thắc mắc, định hướng các ý tưởng, tận tình hỗ trợ học sinh thực hiện các dự án học tập. Bên cạnh đó, nhà trường luôn duy trì hoạt động các câu lạc bộ vào thứ Bảy hằng tuần với đa dạng hình thức tổ chức để tạo môi trường học tập mở rộng, giúp học sinh chủ động, phát triển niềm đam mê nghiên cứu khoa học, khám phá công nghệ và nâng cao kỹ năng hợp

tác, giải quyết vấn đề của học sinh. Qua đó, nhà trường đã đạt được một số kết quả tại các cuộc thi: thiết kế bài dạy chủ đề giáo dục STEM, khoa học kỹ thuật,... cấp thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, lực lượng giáo viên chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học dẫn đến kết quả của các hội thi chưa đồng đều qua các năm học [H1-1.2-07]; [H1-1.4-03]; [H1-1.8-07]; [H2-2.2-04].

2. Điểm mạnh

Hầu hết học sinh của nhà trường đã biết cách tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đều nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh thông qua các hoạt động tuyên truyền. Từ đó, giúp học sinh từng bước hình thành các kỹ năng và phát triển toàn diện, rèn luyện cho học sinh tính tự lập, biết xác định tình huống, xử lý linh hoạt và sáng tạo các tình huống trong học tập cũng như trong cuộc sống. Thực hiện việc phòng chống đuối nước cho 100% học sinh.

3. Điểm yếu

Lực lượng giáo viên chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học dẫn đến kết quả của các hội thi chưa đồng đều qua các năm học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 - 2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch và tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Tiếp tục phát huy khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống của học sinh thông qua các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Hiệu trưởng tiếp tục tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ tài chính cho giáo viên tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng về nghiên cứu khoa học để hướng dẫn học sinh đạt kết quả tốt hơn đồng thời tổ chức triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học đến tất cả học sinh của trường để thu hút nhiều học sinh có năng khiếu tham gia.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Kết quả học tập, rèn luyện học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

- a) Kết quả học tập, rèn luyện của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

- a) Kết quả học tập, rèn luyện của học sinh:

- Kết quả học tập theo mức Tốt: tỷ lệ học sinh được đánh giá theo mức Tốt của trường thuộc vùng khó khăn đạt từ 5% trở lên đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và từ 20% trở lên đối với trường chuyên; tỷ lệ học sinh được đánh giá theo mức Tốt của trường thuộc các vùng còn lại đạt từ 10% trở lên đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và từ 25% trở lên đối với trường chuyên;

- Kết quả học tập theo mức Khá: tỷ lệ học sinh được đánh giá theo mức Khá của trường thuộc vùng khó khăn đạt từ 30% trở lên đối với trường trung học cơ sở, từ 20% trở lên đối với trường trung học phổ thông và từ 55% trở lên đối với trường chuyên; tỷ lệ học sinh được đánh giá theo mức Khá của trường thuộc các vùng còn lại đạt từ 35% trở lên đối với trường trung học cơ sở, từ 25% trở lên đối với trường trung học phổ thông và từ 60% trở lên đối với trường chuyên;

- Kết quả học tập theo mức Chưa đạt: tỷ lệ học sinh được đánh giá theo mức Chưa đạt của trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông thuộc vùng khó khăn không quá 10%; tỷ lệ học sinh được đánh giá theo mức Chưa đạt của trường

trung học cơ sở, trường trung học phổ thông thuộc các vùng còn lại không quá 5%; trường chuyên không có học sinh xếp loại Chưa đạt;

- Kết quả rèn luyện: tỷ lệ học sinh trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông được đánh giá ở mức Khá, Tốt từ 90% trở lên và từ 98% trở lên đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và không được lên lớp:

- Vùng khó khăn: không quá 3% học sinh bỏ học, không quá 5% học sinh không được lên lớp; trường chuyên không có học sinh không được lên lớp và không có học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: không quá 1% học sinh bỏ học, không quá 2% học sinh không được lên lớp; trường chuyên không có học sinh không được lên lớp và không có học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Kết quả học tập, rèn luyện của học sinh hằng năm đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. Tỷ lệ học sinh đạt kết quả học tập khá, giỏi/tốt hằng năm trên 80%. Tỷ lệ học sinh được xếp loại rèn luyện khá, tốt đạt trên 98%. Nhà trường vẫn còn trường hợp học sinh xếp loại rèn luyện trung bình/đạt do vi phạm nội quy nhà trường và ý thức tự rèn luyện chưa cao [H1-1.1-05]; [H5-5.6-01].

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá luôn đạt trên trên 99%, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở hằng năm đều đạt 100% [H1-1.1-05]; [H1-1.2-06].

c) Nhà trường luôn có kế hoạch định hướng phân luồng cho học sinh thông qua các hoạt động tư vấn hướng nghiệp đa dạng và thiết thực. Hằng năm, nhà trường nghiêm túc thực hiện định hướng phân luồng cho học sinh theo lịch của Sở Giáo dục, Phòng Giáo dục. Bên cạnh đó nhà trường kết hợp với các trường cao đẳng nghề tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề, chương trình giao lưu để cung cấp thông tin về các

ngành nghề trong xã hội. Nhà trường phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, cha mẹ học sinh để tư vấn, định hướng cho học sinh lựa chọn con đường học tập phù hợp sau khi tốt nghiệp Trung học cơ sở để tiếp tục học lên bậc Trung học phổ thông, đăng kí lựa chọn các trường chuyên, lớp chuyên hoặc tham gia học nghề tại các trường Trung cấp, Cao đẳng nghề. Tuy nhiên, tỉ lệ học sinh trúng tuyển lớp 10 kỳ thi tuyển sinh 10 vào các trường công lập chưa cao [H5-5.6-02]; [H5-5.6-03]; [H1-1.8-03].

Mức 2:

a) Kết quả học tập, rèn luyện của học sinh có chuyển biến trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá [H1-1.1-05]; [H5-5.6-01].

Kết quả học tập

Năm học	Giỏi/Tốt	Khá	Trung bình/Đạt	Yếu/Chưa đạt	Kém
2019 - 2020	56,17 %	36,02 %	7,81 %	0 %	0 %
2020 - 2021	49,46 %	35,55 %	13,78 %	1,09 %	0,12 %
2021 - 2022	48,94 %	35,83 %	13,56 %	1,67 %	0 %
2022 - 2023	45,39 %	37,17 %	15,92 %	1,51 %	0 %
2023 - 2024	51,50 %	37,25 %	10,90 %	0,36 %	0 %

Kết quả rèn luyện:

Năm học	Tốt	Khá	Trung bình/Đạt	Yếu/Chưa đạt
2019 - 2020	96,22 %	3,78 %	0 %	0 %
2020 - 2021	92,26 %	7,26 %	0,48 %	0 %
2021 - 2022	94,45 %	4,23 %	0,88 %	0,44 %
2022 - 2023	90,86 %	7,17 %	1,78 %	0,20 %
2023 - 2024	94,25 %	4,79 %	0,84 %	0,12 %

b) Từ năm học 2019 - 2020 đến nay, tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp Trung học cơ sở có chuyển biến tích cực [H1-1.1-05]; [H1-1.2-06], cụ thể như sau:

Tỉ lệ học sinh	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
Lên lớp	100 %	99,88 %	100 %	99,80 %	99,88 %
Tốt nghiệp Trung học cơ sở	Trường mới có khối 6	Trường mới có khối 6, 7	Trường mới có khối 6, 7, 8	100 %	100 %

Mức 3:

a) Kết quả học tập, rèn luyện của học sinh:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ học sinh xếp loại học tập theo mức Giỏi/Tốt của trường đạt trên 45 % [H5-5.6-01].

Tỉ lệ học sinh	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
Học tập theo mức Giỏi/Tốt	56,17 %	49,46 %	48,94 %	45,39 %	51,50 %

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ học sinh xếp loại học tập theo mức Khá của trường đạt trên 35 % [H5-5.6-01].

Tỉ lệ học sinh	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
Học tập theo mức Khá	36,02 %	35,35 %	35,83 %	37,17 %	37,25 %

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ học sinh xếp loại học tập theo mức Yếu/Chưa đạt của trường không quá 2% [H5-5.6-01].

Tỉ lệ học sinh	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
Học tập theo mức Yếu/Chưa đạt	0 %	1,21 %	1,67 %	1,51 %	0,36 %

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ học sinh xếp loại rèn ở mức Khá, Tốt trên 98% [H5-5.6-01].

Tỉ lệ học sinh	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
Rèn luyện mức Khá, Tốt	100 %	99,52 %	98,68 %	98,03 %	99,04 %

b) Với sự nỗ lực của giáo viên trong hoạt động phụ đạo học sinh Yếu/Chưa đạt, hằng năm, tỷ lệ học sinh bỏ học và không được lên lớp không quá 01% [H5-5.6-04].

Tỉ lệ học sinh	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
Học sinh bỏ học	0 %	0,12 %	0 %	0,1 %	0,59 %
Học sinh không được lên lớp	0 %	0,12 %	0 %	0,2 %	0,12 %

2. Điểm mạnh

Kết quả học tập, rèn luyện của học sinh có chuyển biến tốt trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Tỉ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp Trung học cơ sở có chuyển biến đáng kể trong 05 năm liên tiếp.

Công tác định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. Công tác duy trì sĩ số của nhà trường đạt hiệu quả cao.

3. Điểm yếu

Nhà trường mới thành lập nên đội ngũ giáo viên chủ yếu là mới ra trường nên kinh nghiệm giảng dạy chưa nhiều, tỉ lệ học sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh lớp 10 chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 - 2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo phó hiệu trưởng xây dựng kế hoạch ôn tập tuyển sinh lớp 10 nên cụ thể các giải pháp giúp giáo viên tăng cường đổi mới phương pháp giảng dạy, chú trọng phương pháp dạy học theo cá thể, định hướng nội dung ôn tập, rèn luyện kỹ năng cho học sinh ở từng môn thi; làm tốt hơn nữa công tác tư vấn tuyển sinh nhằm nâng cao tỉ lệ trúng tuyển tuyển sinh lớp 10. Bên cạnh đó, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng chuyên môn, các tổ trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch hỗ trợ lực lượng giáo viên trẻ qua các chuyên đề về công tác chủ nhiệm, chuyên môn từ đó giúp cho lực lượng giáo viên trẻ tích lũy kinh nghiệm trong công tác.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường tổ chức tốt các hoạt động giáo dục, kết quả đạt được ở mức cao và ổn định.

Điểm yếu cơ bản:

Còn một số ít học sinh thiếu sự quan tâm của gia đình nên đạo đức còn hạn chế, kết quả học tập chưa cao.

Tỉ lệ trúng tuyển lớp 10 kỳ thi tuyển sinh chưa cao.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/06.

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Báo cáo tự đánh giá của Trường Trung học cơ sở Hiệp Phú phản ánh kết quả toàn diện các mặt hoạt động của nhà trường, giúp nhà trường đánh giá công tác quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục. Trên cơ sở tự đánh giá chất lượng giáo dục, báo cáo này sẽ được sử dụng như một công cụ để cải tiến và nâng cao chất lượng quản lý và giáo dục của nhà trường.

Đối chiếu với kết quả của các hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong những năm qua với bộ tiêu chuẩn đánh giá trường Trung học cơ sở theo Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018. Trường Trung học cơ sở Hiệp Phú tự đánh giá mức độ chất lượng giáo dục mà trường đạt được như sau:

- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1: 22/22 Tỉ lệ: 100%

- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 1: 00/22 Tỉ lệ: 00%;

- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2: 23/23 Tỉ lệ: 100%

- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 2: 00/23 Tỉ lệ: 00%

- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3: 12/16 Tỉ lệ: 75%

- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 3: 04/16 Tỉ lệ: 25%

- Mức đánh giá của Trường Trung học cơ sở Hiệp Phú: Mức 2.

- Trường Trung học cơ sở Hiệp Phú đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của Trường Trung học cơ sở Hiệp Phú về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường phổ thông. Nhà trường kính mong được cơ quan chủ quản, cấp ủy, chính quyền địa phương, các thành viên trong Hội đồng đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của nhà trường ngày càng đạt chất lượng và hoàn thiện hơn./.

Thành phố Thủ Đức, ngày 25 tháng 02 năm 2025

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
HIỆP TRƯỜNG**



Nguyễn Thị Hồng An

Phần IV. PHỤ LỤC
BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường	Kế hoạch số 297/ KH-THCSHP phê duyệt ngày 20 tháng 01 năm 2021 về Kế hoạch chiến lược phát triển trường THCS Hiệp Phú giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp hoặc về định hướng phát triển kinh tế – xã hội của địa phương	Nhiệm kỳ 2020 - 2025 Nhiệm kỳ 2025 - 2030	Đảng bộ phường Hiệp Phú	Bí thư chi bộ
	3	[H1-1.1-03]	Kế hoạch năm học, Kế hoạch giáo dục	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	4	[H1-1.1-04]	Hình ảnh chiến lược phát triển nhà trường; Địa chỉ trang	Giai đoạn 2019 - 2024	Nhân viên văn thư	Phòng văn thư

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			Website; Biên bản họp công khai chiến lược			
	5	[H1-1.1-05]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	6	[H1-1.1-06]	Biên bản, báo cáo rà soát đánh giá chiến lược phát triển nhà trường	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Thư ký Hội đồng trường
	7	[H1-1.1-07]	Biên bản họp Hội đồng sư phạm	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Thư ký Hội đồng trường
	1	[H1-1.2-01]	Hồ sơ Hội đồng trường	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.2	2	[H1-1.2-02]	Hồ sơ thi đua và khen thưởng	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H1-1.2-03]	Hồ sơ Hội đồng kỷ luật	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	4	[H1-1.2-04]	Hồ sơ tuyển sinh đầu cấp	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	5	[H1-1.2-05]	Hồ sơ Hội đồng xét công nhận sáng kiến	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	6	[H1-1.2-06]	Hồ sơ Hội đồng xét Tốt nghiệp Trung học cơ sở	Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	7	[H1-1.2-07]	Danh sách học sinh, giáo viên đạt giải cao trong các kỳ thi do các cấp tổ chức	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Nhân viên văn thư	Phòng văn thư
	8	[H1-1.2-08]	Giấy khen tập thể đạt thành tích cao do các cấp tổ chức	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức	Phòng truyền thống
	9	[H1-1.2-09]	Quyết định phân công	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Hồ sơ hoạt động Công đoàn	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Chủ tịch Công đoàn	Phòng Công đoàn
	2	[H1-1.3-02]	Hồ sơ hoạt động Chi đoàn	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022	Bí thư Chi đoàn	Phòng Đoàn - Đội

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024		
	3	[H1-1.3-03]	Hồ sơ của Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh	Phòng Đoàn - Đội
	4	[H1-1.3-04]	Hồ sơ Chi bộ	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Bí thư chi bộ	Phòng Hiệu trưởng
	1	[H1-1.4-01]	Hồ sơ Cán bộ quản lý	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng, Phòng Phó Hiệu trưởng
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định thành lập tổ và bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Phòng văn thư

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.4	3	[H1-1.4-03]	Hồ sơ của tổ chuyên môn	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Tổ trưởng chuyên môn	Tổ trưởng chuyên môn
	4	[H1-1.4-04]	Hồ sơ của tổ Văn phòng	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Tổ Văn phòng	Phòng Hiệu trưởng
	5	[H1-1.4-05]	Hồ sơ đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và chuẩn nghề nghiệp giáo viên	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	6	[H1-1.4-06]	Hồ sơ thực hiện chuyên đề, thao giảng	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	7	[H1-1.4-07]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024		
	8	[H1-1.4-08]	Quy chế chuyên môn	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	9	[H1-1.4-09]	Hồ sơ tổ chức các phong trào, hội thi chuyên môn	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Sổ đăng bộ	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Nhân viên học vụ	Phòng văn thư
	2	[H1-1.5-02]	Hồ sơ công tác chủ nhiệm	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Giáo viên chủ nhiệm	Phòng văn thư

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	3	[H1-1.5-03]	Danh sách học sinh	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Nhân viên học vụ	Phòng văn thư
	4	[H1-1.5-04]	Sổ gọi tên - ghi điểm	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Nhân viên học vụ	Phòng văn thư
	5	[H1-1.5-05]	Nội quy học sinh	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Nhân viên học vụ	Phòng văn thư
	1	[H1-1.6-01]	Sổ theo dõi học sinh chuyển đi, chuyển đến	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Nhân viên học vụ	Phòng văn thư
	2	[H1-1.6-02]	Sổ theo dõi phổ cập giáo dục	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022	Nhân viên học vụ	Phòng văn thư

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.6				Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024		
	3	[H1-1.6-03]	Sổ ghi đầu bài	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Nhân viên học vụ	Phòng văn thư
	4	[H1-1.6-04]	Học bạ học sinh	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Nhân viên học vụ	Phòng văn thư
	5	[H1-1.6-05]	Sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ	Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Nhân viên học vụ	Phòng văn thư
	6	[H1-1.6-06]	Sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Nhân viên văn thư	Phòng văn thư
	7	[H1-1.6-07]	Hồ sơ quản lý tài sản	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2023 - 2024		
	8	[H1-1.6-08]	Hồ sơ quản lý thiết bị giáo dục	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Giáo viên kiêm công tác thiết bị	Phòng thiết bị
	9	[H1-1.6-09]	Hồ sơ quản lý tài chính	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	10	[H1-1.6-10]	Hồ sơ quản lý thư viện	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Nhân viên thư viện	Thư viện
	11	[H1-1.6-11]	Hồ sơ y tế	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Nhân viên y tế	Phòng y tế

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	12	[H1-1.6-12]	Hồ sơ giáo dục đối với học sinh khuyết tật	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	13	[H1-1.6-13]	Hồ sơ giảng dạy cá nhân của giáo viên	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Giáo viên	Phòng Phó Hiệu trưởng
	14	[H1-1.6-14]	Hồ sơ 3 công khai	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	15	[H1-1.6-15]	Quy chế chi tiêu nội bộ	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng, Nhân viên kế toán	Hiệu trưởng, Nhân viên kế toán
	16	[H1-1.6-16]	Phần mềm kế toán	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022	Nhân viên kế toán	Phòng kế toán

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024		
	17	[H1-1.6 -17]	Phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc	Giai đoạn 2019 - 2024	Nhân viên văn thư, giáo vụ	Phòng văn thư
	18	[H1-1.6 -18]	Các biên bản kiểm tra đánh giá của các cấp quản lý	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
				Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021		
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên	Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H1-1.7-02]	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ - giáo viên - nhân viên	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H1-1.7-03]	Hồ sơ nhân sự	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2023 - 2024		
	4	[H1-1.7-04]	Đề án vị trí việc làm	Giai đoạn 2019 -2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	5	[H1-1.7-05]	Bảng lương và các chế độ phụ cấp khác của giáo viên	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Nhân viên Kế toán	Bộ phận Kế toán
	6	[H1-1.7-06]	Kế hoạch hội thi giáo viên giỏi và giáo viên chủ nhiệm giỏi	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	7	[H1-1.7-07]	Hồ sơ khám sức khỏe định kỳ của cán bộ - giáo viên - nhân viên	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	8	[H1-1.7-08]	Hồ sơ quy hoạch đội ngũ	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024		
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch Buổi 2	Giai đoạn 2020 - 2025 Giai đoạn 2025 - 2030	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	2	[H1-1.8-02]	Thời khoá biểu	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	3	[H1-1.8-03]	Hồ sơ hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	4	[H1-1.8-04]	Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	5	[H1-1.8-05]	Kế hoạch phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	6	[H1-1.8-06]	Tổ chức dạy kỹ năng sống	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng
	7	[H1-1.8-07]	Năng khiếu tự chọn và câu lạc bộ	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng
	8	[H1-1.8-08]	Phổ cập bơi	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng
	9	[H1-1.8-09]	Tiếng Anh với người nước ngoài	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024		
	10	[H1-1.8-10]	Hồ sơ giáo dục STEM	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng
	11	[H1-1.8 -11]	Báo cáo tháng của nhà trường, tổ chuyên môn, tổ Văn phòng	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng
				Năm học 2023 - 2024		
	12	[H1-1.8 -12]	Hình ảnh dạy học dự án, các hoạt động nhóm của học sinh qua các giờ học	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Tổ chuyên môn	Phòng Phó hiệu trưởng
	13	[H1-1.8-13]	Hồ sơ dạy thêm, học thêm	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	14	[H1-1.8 -14]	Hình ảnh tổ chức các hoạt động chương trình ngoài giờ chính khoá	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Văn kiện Hội nghị cán bộ, viên chức - người lao động	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn	Hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn
	2	[H1-1.9-02]	Hồ sơ của Ban thanh tra nhân dân	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Ban Thanh tra nhân dân	Thanh tra nhân dân
	3	[H1-1.9-03]	Hồ sơ tiếp công dân và khiếu nại tố cáo	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	4	[H1-1.9-04]	Quy chế dân chủ	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024		
	1	[H1-1.10-01]	Hồ sơ an toàn trường học	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Nhân viên y tế	Phòng y tế
	2	[H1-1.10-02]	Hồ sơ phòng, chống dịch bệnh	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Nhân viên y tế	Phòng y tế
Tiêu chí 1.10				Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024		
	3	[H1-1.10-03]	Hồ sơ phòng cháy, chữa cháy	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	4	[H1-1.10-04]	Quy chế phối hợp với địa phương đảm bảo an ninh trật tự	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	5	[H1-1.10-05]	Hồ sơ bếp ăn	Năm học 2019 - 2020	Nhân viên y tế	Phòng y tế

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024		
	6	[H1-1.10-06]	Hợp đồng cung cấp và phiếu xét nghiệm nước sinh hoạt	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Nhân viên y tế	Phòng y tế
	7	[H1-1.10-07]	Quy chế phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	8	[H1-1.10-08]	Giấy khen về đảm bảo an ninh chính trị, trật tự xã hội của nhà trường	Giai đoạn 2019 -2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	9	[H1-1.10-09]	Hồ sơ quản lý công tác bán trú	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	10	[H1-1.10-10]	Hình ảnh hộp thư học đường	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Nhân viên Văn thư	Phòng Văn thư
	11	[H1-1.10-11]	Sổ trực và lịch trực của tổ Bảo vệ	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Nhân viên Bảo vệ	Bộ phận Bảo vệ
	12	[H1-1.10-12]	Hồ sơ tư vấn học đường	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Giáo viên phụ trách công tác tư vấn học đường	Phòng Phó Hiệu trưởng
	13	[H1-1.10-13]	Sổ trực đội sao đỏ	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Tổng phụ trách	Nhóm hỗ trợ công tác Đội
	14	[H1-1.10-14]	Sổ kiểm diện học sinh	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022	Giám thị	Phòng Giám thị

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024		
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ chính trị hệ	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	CBQL, giáo viên	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Hợp đồng thỉnh giảng	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng Nhân viên kế Toán	Phòng Hiệu trưởng, kế Toán
	2	[H2-2.2-02]	Hồ sơ đánh giá viên chức	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H2-2.2-03]	Hồ sơ thống kê trình độ đội ngũ	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Nhân viên văn thư	Phòng văn thư

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	4	[H2-2.2-04]	Hồ sơ hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Hợp đồng lao động	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng, Nhân viên kế Toán	Phòng Hiệu Trưởng, Bộ phận kế Toán
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Hồ sơ miễn giảm học phí	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Nhân viên Kế Toán	Bộ phận Kế Toán
	2	[H2-2.4-02]	Hình ảnh tuyên truyền pháp luật	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Nhân viên văn thư	Bộ phận văn thư
	3	[H2-2.4-03]	Quyết định khen thưởng học sinh	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022	Nhân viên văn thư	Bộ phận văn thư

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024		
	4	[H2-2.4-04]	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại học sinh	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	5	[H2-2.4-05]	Vinh danh học sinh	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Quyết định thành lập trường	Số 10/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 Số 185/QĐ-UBND ngày 06/02/2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H3-3.1-02]	Hồ sơ bản vẽ thiết kế xây dựng trường, sơ đồ nhà trường	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	3	[H3-3.1-03]	Hình ảnh cổng trường, khuôn viên trường, xung quanh trường	Giai đoạn 2019 - 2024	Nhân viên văn thư	Phòng văn thư
	4	[H3-3.1-04]	Bảng thống kê số lượng số lớp, số học sinh	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Hình ảnh khối phòng hành chính quản trị	Giai đoạn 2019 - 2024	Nhân viên học vụ	Phòng văn thư
	2	[H3-3.2-02]	Hình ảnh các khu nhà trường vệ sinh học sinh, giáo viên	Giai đoạn 2019 - 2024	Nhân viên học vụ	Phòng văn thư
	3	[H3-3.2-03]	Hình ảnh camera an ninh và nhận diện học sinh	Giai đoạn 2019 - 2024	Nhân viên học vụ	Phòng văn thư
	4	[H3-3.2-04]	Hình ảnh phòng học, các phòng chức năng và phòng bộ môn	Giai đoạn 2019 - 2024	Nhân viên học vụ	Phòng văn thư
	5	[H3-3.2-05]	Hình ảnh phòng nhà trường kho	Giai đoạn 2019 - 2024	Nhân viên học vụ	Phòng văn thư
	6	[H3-3.2-06]	Hình ảnh khu để xe học sinh	Giai đoạn 2019 - 2024	Nhân viên học vụ	Phòng văn thư
	7	[H3-3.2-07]	Hình ảnh khu sân chơi, bãi tập thể thao, nhà trường thi đấu đa năng	Giai đoạn 2019 - 2024	Nhân viên học vụ	Phòng văn thư

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	8	[H3-3.2-08]	Hình ảnh phòng nghỉ giáo viên	Giai đoạn 2019 - 2024	Nhân viên học vụ	Phòng văn thư
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Hợp đồng cung cấp nước uống	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Kế toán	Phòng kế toán
	2	[H3-3.3-02]	Hợp đồng, hóa đơn thanh toán điện	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Kế toán	Phòng kế toán
	3	[H3-3.3-03]	Hợp đồng, hóa đơn thanh toán Internet	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	4	[H3-3.3-04]	Hợp đồng, hóa đơn thanh toán điện thoại	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Nhân viên văn thư	Phòng văn thư
	5	[H3-3.3-05]	Hợp đồng thu gom rác	Năm học 2019 - 2020	Kế toán	Phòng kế toán

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024		
	6	[H3-3.3-06]	Hình ảnh khu tập trung rác và truyền thông phân loại rác	Giai đoạn 2019 - 2024	Nhân viên văn thư	Phòng văn thư
	7	[H3-3.3-07]	Hình ảnh mảng xanh nhà trường	Giai đoạn 2019 - 2024	Nhân viên văn thư	Phòng văn thư
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Hồ sơ của ban đại diện cha mẹ học sinh trường	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Ban đại diện cha mẹ học sinh	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Hình ảnh tham gia các hoạt động tại địa phương	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Nhân viên văn thư	Phòng văn thư
	2	[H4-4.2-02]	Biên bản sinh hoạt lớp	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Giáo viên chủ nhiệm	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	3	[H4-4.2-03]	Hồ sơ học sinh tham quan ngoại khoá	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	4	[H4-4.2-04]	Danh sách học sinh khó khăn	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Nhân viên Giáo vụ	Phòng Văn thư
	5	[H4-4.2-05]	Hồ sơ dân vận khéo	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	6	[H4-4.2-06]	Hồ sơ đơn vị văn hóa	Giai đoạn 2019 -2024	UBND Thành phố Thủ Đức	Phòng Hiệu trưởng
	1	[H5-5.1-01]	Kế hoạch thiết kế bài dạy	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Giáo viên	Giáo viên

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 5.1	2	[H5-5.1-02]	Hồ sơ Tin học quốc tế	Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	3	[H5-5.1-03]	Kế hoạch cá nhân, kế hoạch giáo dục của giáo viên	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Giáo viên	Giáo viên
	4	[H5-5.1-04]	Hồ sơ kiểm tra đánh giá học sinh	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	5	[H5-5.1-05]	Hồ sơ kiểm tra học kỳ	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Danh sách học sinh đạt giải thể dục thể thao các cấp	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	2	[H5-5.2-02]	Hồ sơ Văn thể mỹ	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Giáo viên phụ trách công tác Văn thể mỹ	Phòng Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Hồ sơ giáo dục địa phương	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Báo cáo sơ kết, tổng kết trải nghiệm và hướng nghiệp	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Kế hoạch giáo dục tư tưởng, chính trị	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H5-5.5-02]	Hồ sơ truyền thông	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022	Nhân viên y tế	Phòng y tế

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024		
	3	[H5-5.5-03]	Hồ sơ quy tắc ứng xử nhà trường	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	1	[H5-5.6-01]	Hồ sơ xét duyệt kết quả học tập và rèn luyện của học sinh	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.6	2	[H5-5.6-02]	Báo cáo phân luồng sau tốt nghiệp	Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	3	[H5-5.6-03]	Hồ sơ tuyển sinh lớp 10	Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	4	[H5-5.6-04]	Hồ sơ kiểm tra lại và rèn luyện hè	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng